



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN  
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

NGHIỆP VỤ

CÔNG TÁC  
ĐẢNG VIÊN  
VÀ VĂN BẢN  
HƯỚNG DẪN  
THỰC HIỆN

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



NGHIỆP VỤ  
CÔNG TÁC  
ĐẢNG VIÊN  
VÀ VĂN BẢN  
HƯỚNG DẪN  
THỰC HIỆN

**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN**

**Chủ tịch Hội đồng:**

TS. NGUYỄN BẮC SƠN

**Phó Chủ tịch Hội đồng:**

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

**Thành viên:**

TS. NGÔ VĂN THẠO

PHẠM VIỆT THỰC

TS. VŨ TRỌNG LÂM

NGHIỆP VỤ  
CÔNG TÁC  
ĐẢNG VIÊN  
VÀ VĂN BẢN  
HƯỚNG DẪN  
THỰC HIỆN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HÀ NỘI - 2010

## **TẬP THỂ TÁC GIẢ**

TS. LÊ MINH NGHĨA (Chủ biên)

THANH SƠN

PHẠM THU HUYỀN

NGUYỄN ĐÌNH KHÔI

TRẦN VỌNG

NGUYỄN QUANG SONG

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nâng cao chất lượng đảng viên là vấn đề có ý nghĩa quyết định, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Chính vì vậy, để Đảng vững mạnh, trong công tác xây dựng Đảng có nội dung rất quan trọng cần hết sức quan tâm là công tác đảng viên.

Trong những năm qua, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác đảng viên. Thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo về công tác đảng viên là cơ sở để tiếp tục thực hiện có nền nếp, thường xuyên công tác đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng, thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội X của Đảng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Nhằm cung cấp tài liệu cho các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ nghiệp vụ thuộc cơ quan tổ chức cơ sở đảng các cấp ở xã, phường, thị trấn thực hiện tốt Hướng dẫn số 08-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương ngày 21-6-2007 về một số vấn đề cụ thể về nghiệp vụ công tác đảng viên và lập biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách ***Nghiệp vụ công tác đảng viên và văn bản hướng dẫn thực hiện.***

Cuốn sách bao gồm những bài nghiên cứu, trao đổi những vấn đề thực tế hiện nay về sinh hoạt chi bộ, về công tác phát triển đảng, việc ra nghị quyết và thực hiện nghị quyết của chi bộ,... Cuốn sách cũng trích đăng những nội dung Hướng dẫn số 08-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương ngày 21-6-2007 nhằm giúp cấp uỷ, cơ quan tổ chức cơ sở đảng các cấp nắm vững và thực hiện có hiệu quả nghiệp vụ công tác đảng viên trong quá trình hoạt động của mình và thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống tổ chức đảng.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

*Tháng 01 năm 2010*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**



# NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc. Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Để thực hiện mục đích đó, Đảng phải được tổ chức theo một hệ thống chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở. Đảng phải gắn bó, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, tổ chức đảng phải được thành lập, được tổ chức tại các đơn vị cơ sở (tổ chức cơ sở đảng).

Tổ chức cơ sở đảng của Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm các chi bộ, đảng bộ cơ sở. Đảng ta xác định tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở. Nghị quyết Đại hội X khẳng định: “Vị trí là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, vai trò của tổ chức cơ

sở đảng rất quan trọng”<sup>1</sup>. Chính vì vậy, việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên có ý nghĩa quyết định đến sự thống nhất, lớn mạnh của Đảng, góp phần giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị.

Thực tiễn 80 năm qua cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức cơ sở đảng đã hướng dẫn, tổ chức cho cán bộ, đảng viên thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị cũng như công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Có thể nói, tổ chức cơ sở đảng là nhịp cầu nối giữa Đảng với cán bộ, đảng viên và nhân dân, là nơi nắm bắt, thể hiện ý chí, nguyện vọng của dân, góp phần đưa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với nhân dân.

## I. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Tính đến ngày 31-12-2008, toàn Đảng có gần 54.000 tổ chức cơ sở đảng, gồm gần 22.000 đảng bộ cơ sở, gần 32.000 chi bộ cơ sở và hơn 210.000 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở với tổng số hơn 3,4 triệu đảng viên. Việc chăm lo xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh là trách nhiệm

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.298.

của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị, trước hết là trách nhiệm của các cấp ủy đảng và đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: “Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt”<sup>1</sup>; “Chi bộ là gốc rễ của Đảng ở trong quần chúng. Chi bộ tốt thì mọi chính sách của Đảng đều được thi hành tốt, mọi công việc đều tiến bộ không ngừng. Trái lại, nếu chi bộ kém thì công việc không trôi chảy”<sup>2</sup>. Xuất phát từ vai trò, vị trí quan trọng của tổ chức cơ sở đảng, trong những năm qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định và những giải pháp cụ thể nhằm xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên và đã tạo được một số chuyển biến tích cực ở cơ sở. Nhìn chung, tổ chức cơ sở đảng hiện nay có một số ưu điểm cơ bản sau:

- Nhiều tổ chức cơ sở đảng đã giữ vững và phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở; lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng quán triệt, cụ thể hóa và thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên.

- Việc xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ ở

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 210.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.11, tr.161.

cơ sở được triển khai, bước đầu đem lại một số kết quả, dân chủ trong Đảng và trong xã hội được mở rộng hơn. Nhiều cấp ủy cơ sở đã coi trọng việc xây dựng quy chế làm việc và thực hiện theo quy chế; duy trì chế độ giao ban định kỳ giữa thường trực cấp ủy với chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng quy hoạch đội ngũ cán bộ cơ sở được quan tâm, chú ý hơn. Đội ngũ cấp ủy và cán bộ, đảng viên ở cơ sở được tăng thêm về số lượng và chất lượng; trình độ, kiến thức các mặt được nâng lên.

- Nhiều cấp ủy viên và cán bộ, đảng viên ở cơ sở gương mẫu thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thể hiện vai trò tiên phong gương mẫu, có tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ được giao; có quan hệ mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

- Công tác phát triển đảng được cấp ủy các cấp quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả tích cực. Số đảng viên được kết nạp qua các năm đều tăng và năm sau cao hơn năm trước.

Tuy có những ưu điểm trên, nhưng năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới, chưa đảm bảo vững chắc vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Cụ thể là:

- Công tác xây dựng Đảng chưa thực sự được

coi trọng; không ít tổ chức cơ sở đảng chưa thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng theo quy định, chưa phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở.

- Việc nhận thức, vận dụng, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước của các tổ chức cơ sở đảng còn yếu. Nhiều tổ chức cơ sở đảng chưa đủ sức giải quyết một số vấn đề phức tạp xảy ra ở cơ sở.

- Nhiều cấp ủy, đảng bộ, chi bộ chưa thực hiện nghiêm túc nền nếp, chế độ sinh hoạt đảng, nội dung sinh hoạt chi bộ xơ cứng, chậm đổi mới. Việc lãnh đạo và chỉ đạo công tác xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa thực hiện tốt.

- Các tổ chức cơ sở đảng trong công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài lúng túng về nội dung và phương thức hoạt động nhưng chưa được hướng dẫn kịp thời.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên còn nhiều hạn chế, yếu kém. Một bộ phận đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí phấn đấu, tinh thần đấu tranh, tự phê bình và phê bình yếu.

- Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, giáo dục đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở bị buông lỏng. Công tác kết nạp đảng viên còn chạy theo thành tích.

- Việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hàng năm còn hình thức, kết quả chưa phản ánh đúng thực chất.

Trong thời gian tới, phát huy những thành tích đã đạt được và khắc phục những yếu kém còn tồn tại, các tổ chức cơ sở đảng cần phải có phương hướng hoạt động cụ thể, nêu cao tinh thần phấn đấu của mỗi cán bộ, đảng viên để tổ chức cơ sở đảng thực sự là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở.

## II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN TRONG THỜI GIAN TỚI

### **1. Một số giải pháp chung nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên**

Để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, các cấp uỷ đảng, cán bộ, đảng viên cần thực hiện tốt một số biện pháp chủ yếu sau:

**1.1.** Thường xuyên giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ, kiến thức và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Tổ chức cơ sở đảng muốn vững mạnh rất cần có đội ngũ cán bộ, đảng viên có năng lực và phẩm chất tốt. Công tác giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ, kiến thức và năng lực công tác giữ vai trò cực kỳ quan trọng.

Trước hết, phải chăm lo bồi dưỡng về mặt lý luận, chính trị cho đội ngũ đảng viên; đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, biện pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Nội dung của bồi dưỡng lý luận, chính trị phải được gắn bó chặt chẽ với tình hình thực tiễn của từng tổ chức cơ sở đảng, qua đó nêu cao tinh thần trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên cộng sản. Cấp ủy cần nắm chắc tình hình tư tưởng, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên có biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, vi phạm về đạo đức, lối sống.

Thực hiện mạnh mẽ chủ trương trẻ hóa, tiêu chuẩn hóa, thể chế hóa và từng bước “nhất thể hóa” chức danh cán bộ.

**1.2.** Tiếp tục kiện toàn, hoàn thiện mô hình tổ chức của các tổ chức cơ sở đảng một cách đồng bộ, thống nhất với các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở theo hướng quy định rõ tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; phù hợp với đặc điểm cụ thể của địa phương, cơ quan, đơn vị.

**1.3.** Quan tâm hơn nữa đến công tác phát triển đảng, tạo mọi điều kiện để những quần chúng ưu tú phát huy hết năng lực của mình, xứng đáng đứng trong hàng ngũ của Đảng, đặc biệt là đoàn viên thanh niên, cán bộ khoa học và sinh viên,

công nhân và người lao động trong những lĩnh vực và địa bàn trọng yếu, có ít hoặc chưa có đảng viên. Hiện nay, ở một số nơi, công tác phát triển đảng còn có nhiều hạn chế như: các thủ tục kết nạp đảng còn chưa được chú trọng đúng mức, cấp ủy đảng chưa thật sự tạo điều kiện tốt nhất cho đối tượng kết nạp đảng được vào Đảng, đôi lúc còn quan liêu, hách dịch.

**1.4.** Lựa chọn bí thư chi bộ và cấp ủy viên là những người vừa có "đức", vừa có "tài". Tổ chức cơ sở đảng muốn vững mạnh rất cần có bí thư và cấp ủy viên nhiệt tình, có uy tín, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh và có khả năng lãnh đạo tốt. Với vị trí đầu tàu, bí thư chi bộ và cấp ủy viên là những người dẫn dắt chi bộ trong mọi hoạt động công tác đảng. Vì vậy, cần tổ chức bồi dưỡng và nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo của bí thư chi bộ và đội ngũ cấp ủy viên, giúp họ thực sự trở thành người cán bộ, đảng viên cách mạng trung thành của Đảng.

**1.5.** Nâng cao chất lượng, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, chất lượng sinh hoạt của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, đặc biệt là sinh hoạt chi bộ.

*Trước hết*, cần đảm bảo duy trì nên nếp sinh hoạt theo đúng quy định: sinh hoạt định kỳ hàng tháng, đảng viên tham gia sinh hoạt chi bộ đầy đủ, có ý thức xây dựng cho mỗi buổi sinh hoạt đạt chất lượng tốt nhất.



*Hai là*, thường xuyên đổi mới nội dung sinh hoạt, nâng cao chất lượng sinh hoạt. Bên cạnh việc thực hiện đúng quy trình sinh hoạt chi bộ theo hướng dẫn chung, chi bộ cần dành thời gian để các đảng viên trao đổi thông tin chính trị - xã hội có ảnh hưởng đến đời sống của đảng viên cũng như cơ quan, tổ chức. Một trong những biện pháp cải tiến nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ là kết hợp tốt giữa công tác đảng và công tác chuyên môn. Điều đó sẽ giúp cho cấp uỷ đảng, đảng viên nắm được tình hình chung của chi bộ, đảng uỷ cũng như tình hình của cơ quan, đơn vị mình một cách thiết thực nhất.

*Ba là*, căn cứ vào từng lĩnh vực hoạt động, tổ chức cơ sở đảng tiến hành hình thức sinh hoạt theo chuyên đề phù hợp đối với cán bộ, đảng viên. Việc sinh hoạt theo chuyên đề sẽ giúp cho buổi sinh hoạt có trọng tâm, trọng điểm hơn, cán bộ, đảng viên sẽ có cơ hội hiểu sâu hơn các vấn đề về công tác đảng và công tác chuyên môn.

### ***1.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát***

Để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của tổ chức cơ sở đảng đối với mọi hoạt động của cơ quan, đơn vị, tổ chức thì một trong những yếu tố giữ vai trò quan trọng là cấp uỷ cấp trên và chi uỷ cần thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với từng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở

đảng phải phân công cấp ủy viên trực tiếp phụ trách cơ sở, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời, ngắn gọn, cụ thể và cùng với cấp ủy, chính quyền cơ sở kịp thời tháo gỡ khó khăn, giải quyết dứt điểm những vấn đề xảy ra.

Thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ Chính trị về công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên ở cơ sở, về thi hành kỷ luật trong Đảng và những điều đảng viên không được làm. Qua đó nắm được tình hình hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, kịp thời biểu dương những đảng viên có thành tích phấn đấu tốt và xử lý nghiêm những đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm đạo đức, pháp luật.

## **2. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong các tổ chức hành chính, sự nghiệp, kinh tế, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội**

### ***2.1. Đối với các tổ chức hành chính, sự nghiệp***

Tổ chức cơ sở đảng cần thực hiện tốt chế độ sinh hoạt chi bộ, đặc biệt chú trọng đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt. Thông qua các bản tin nội bộ, thông tin công tác đảng của cấp ủy cấp trên, tổ chức cơ sở đảng xây dựng kế hoạch và chương trình làm việc gắn bó chặt chẽ với công tác chuyên môn của đơn vị. Triển khai tốt hình thức sinh hoạt theo chuyên đề, bám sát nội dung công tác đảng và công tác chuyên môn. Bên cạnh đó, do

tính chính trị của các tổ chức hành chính, sự nghiệp nên ban chỉ uỷ cần thường xuyên cập nhật những thông tin, thời sự chính trị ngoài cơ quan, đơn vị để đảng viên nắm bắt được tình hình chính trị - xã hội của đất nước. Điều này giúp nâng cao trình độ nhận thức cũng như cảm quan chính trị cho mỗi đảng viên, từ đó góp phần củng cố quan điểm chính trị, giữ vững lập trường tư tưởng của tổ chức đảng và đảng viên.

Ngoài ra cũng cần đặc biệt chú trọng đến công tác xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ quan, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên, công chức, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tổ chức cơ sở đảng cần phát huy tính chủ động, sáng tạo trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, không ngừng cải tiến lề lối, phương pháp làm việc, nâng cao hiệu quả công tác. Thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công tác đảng cũng như kỹ năng làm việc cho cán bộ, đảng viên, công chức để họ thực sự trở thành người đảng viên tốt, viên chức tốt.

## ***2.2. Đối với các tổ chức kinh tế***

Để giữ vững vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp thì các cấp uỷ đảng trong doanh nghiệp cần lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp đúng với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đảng viên và người lao động.

Bên cạnh đó, trước những mặt tiêu cực của nền kinh tế thị trường, tổ chức đảng trong doanh nghiệp cần đẩy mạnh công tác tự phê bình và phê bình, kiên quyết chống lại những biểu hiện tiêu cực làm phương hại đến lợi ích kinh tế cũng như vị thế chính trị của doanh nghiệp. Bởi trong thực tế đã có không ít những cán bộ, đảng viên vì chạy theo lợi nhuận đơn thuần, đánh mất đi phẩm chất của người đảng viên, ảnh hưởng đến uy tín, sức mạnh của tổ chức đảng. Do đó, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, người lao động trong các tổ chức doanh nghiệp, tránh tình trạng vi phạm kỷ luật đảng và pháp luật của Nhà nước.

### ***2.3. Đối với các tổ chức quốc phòng, an ninh***

Thường xuyên giáo dục về lập trường tư tưởng, quan điểm chính trị của Đảng và Nhà nước ta cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong lực lượng quốc phòng, an ninh. Bồi dưỡng về mặt chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng quốc phòng, an ninh. Thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát năng lực hoạt động của từng cá nhân, đơn vị, từ đó có những điều chỉnh kịp thời trong quá trình hoạt động. Có như vậy, tổ chức đảng mới thực sự trở thành hạt nhân lãnh đạo trong tổ chức quốc phòng, an ninh.

Hiện nay, các thế lực thù địch không ngừng tìm cách tấn công nước ta trên nhiều mặt. Hoạt

động của chúng ngày càng tinh vi, xảo quyệt thông qua các hoạt động diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ. Do đó, cần trang bị cho lực lượng an ninh, quốc phòng những thông tin, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới. Tổ chức đảng cần thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của mình thông qua: nâng cao kỷ luật trong Đảng, kiên quyết chống lại các biểu hiện tiêu cực như lợi dụng việc đứng trong hàng ngũ của Đảng để hoạt động chống phá tổ chức đảng và Nhà nước, cung cấp thông tin cho lực lượng phản động, v.v..

#### ***2.4. Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội ở khu dân cư, tổ dân phố và nông thôn***

Tổ chức cơ sở đảng ở khu dân cư, tổ dân phố và nông thôn có đặc điểm chung là trực tiếp lãnh đạo, hướng dẫn cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong đời sống.

Phần lớn đảng viên ở khu dân cư, tổ dân phố là cán bộ hưu trí, do đó, để phát huy vai trò lãnh đạo của chi bộ khu dân cư, tổ dân phố, chi uỷ cần luôn được đổi mới (đảng viên tham gia chi uỷ không quá 5 nhiệm kỳ), bí thư không nên kiêm tổ trưởng dân phố hoặc trưởng ban mặt trận khu dân cư. Bên cạnh đó cần chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ: đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt, dành nhiều thời gian cho đảng viên

trao đổi, thảo luận, đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến đời sống hàng ngày của khu dân cư, tổ dân phố. Có như vậy, vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng mới được phát huy một cách hiệu quả, góp phần củng cố mối quan hệ tốt đẹp giữa Đảng với nhân dân.

Thực tiễn cho thấy, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ nông thôn hiện nay chưa ngang tầm với vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo sự nghiệp đổi mới. Bởi vì, do điều kiện sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở vùng nông thôn còn gặp nhiều khó khăn, trình độ lý luận, trình độ văn hoá còn chưa đáp ứng được đòi hỏi của tình hình mới nên công tác đảng gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ, đảng viên ở nông thôn là vô cùng cần thiết.

*Một là*, cần chăm lo bồi dưỡng về mặt lý luận, chính trị cho cán bộ, đảng viên; mở các lớp học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng cho toàn thể cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân.

*Hai là*, lựa chọn và bố trí được bí thư chi bộ và cấp uỷ có năng lực lãnh đạo, phẩm chất chính trị, có uy tín và năng lực thực tiễn về công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng trong thời kỳ mới.

*Ba là*, thực hiện đúng nguyên tắc và chế độ sinh hoạt chi bộ. Gắn công tác phát triển nông nghiệp với công tác phát triển đảng, đảm bảo thực

hiện tốt nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh.

*Bốn là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của chi bộ đối với mọi mặt hoạt động ở thôn, làng, kịp thời phát hiện những sai phạm, hạn chế để khắc phục, sửa chữa.

*Năm là*, lãnh đạo việc xây dựng, củng cố các tổ chức đoàn thể nhân dân trong thôn, làng như: chi hội phụ nữ, chi đoàn thanh niên, chi hội cựu chiến binh, v.v., tạo nên một khối đoàn kết, thống nhất. Thông qua các tổ chức đó, phát hiện những người ưu tú nhất kết nạp vào Đảng, tăng cường lực lượng cho tổ chức đảng.

Thực hiện tốt một số giải pháp trên đây sẽ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên, điều này có ý nghĩa quyết định đến sự thống nhất, lớn mạnh của Đảng, góp phần giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị.

## SINH HOẠT CHI BỘ VẤN ĐỀ THỰC TẾ VÀ YÊU CẦU

Chi bộ là đơn vị chiến đấu cơ bản của Đảng, là hạt nhân lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Các cơ sở đảng mạnh thì toàn Đảng mạnh, nên tảng của Đảng mới vững. Muốn chi bộ mạnh, trước hết từng cấp uỷ, từng đảng viên phải nâng cao trách nhiệm trong sinh hoạt chi bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt”<sup>1</sup>, “Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt”<sup>2</sup>. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới công tác xây dựng tổ chức đảng cơ sở. Người chỉ rõ: “Tác dụng của chi bộ là cực kỳ quan trọng, vì nó là sợi dây chuyền để liên hệ Đảng với quần chúng”<sup>3</sup>, “Nhân dân ta rất tốt, nếu chi bộ khéo lãnh đạo và đảng viên hăng hái xung phong làm gương mẫu thì khó khăn gì cũng vượt qua,

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 210, 92.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 7, tr. 243.



công việc gì cũng làm tốt”<sup>1</sup>. Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá IX đã chỉ rõ: “Toàn Đảng tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng và hướng về cơ sở,... gắn xây dựng tổ chức đảng với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ”<sup>2</sup>. Theo đó, thực hiện tốt sinh hoạt chi bộ, luôn đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ là một trong những nhân tố quan trọng để phát huy vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, giúp đảng viên nâng cao nhận thức chính trị, ổn định tư tưởng, thực hiện chức năng lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu của mình.

Trong tình hình hiện nay, việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ là một trong những nhân tố quan trọng, quyết định chất lượng hoạt động của Đảng. Đây là một trong những biện pháp tổ chức, tư tưởng cơ bản chi phối toàn bộ hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên; qua đó, bồi dưỡng, rèn luyện, sàng lọc đảng viên và phát triển đảng. Chất lượng sinh hoạt chi bộ thể hiện sức chiến đấu, hiệu quả lãnh đạo của chi bộ. Sinh hoạt chi bộ có chất lượng sẽ làm cho đường lối, chính sách

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 10, tr. 532.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 144.

của Đảng được quán triệt, nhiệm vụ của chi bộ được triển khai, trí tuệ và trách nhiệm của từng đảng viên được nâng cao, kỷ luật của Đảng được tăng cường, quan hệ giữa Đảng với quần chúng nhân dân được củng cố và phát triển.

Để chi bộ đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, trước hết từng cấp uỷ, từng đảng viên phải tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia sinh hoạt đầy đủ, nêu cao trách nhiệm trong sinh hoạt đảng. Sinh hoạt chi bộ là một hình thức hoạt động chủ yếu của chi bộ, là khâu đầu tiên tạo sự thống nhất về hình thức, hành động của chi bộ trong một thời gian, hoặc trong thực hiện một công việc. Sinh hoạt chi bộ còn bảo đảm cho tổ chức đảng thực hiện chức năng lãnh đạo bằng nghị quyết, đối với chi bộ việc đề ra nghị quyết là một nhiệm vụ chính trị. Chất lượng sinh hoạt không bảo đảm sẽ làm ảnh hưởng tới chất lượng việc ra nghị quyết của chi bộ, làm ảnh hưởng tới sức chiến đấu của Đảng. Đây cũng là khâu cuối cùng để đánh giá hoạt động và kết quả của đảng viên theo công việc được giao, đồng thời rút ra những kết luận cần thiết, bổ sung, điều chỉnh các mặt hoạt động của chi bộ trong thời gian tiếp theo.

Nói đến sinh hoạt đảng là nói tới các khâu hoạt động của chi uỷ, tổ đảng và của đảng viên. Đây là những “mắt xích” quan trọng, có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, tạo nên nội dung sinh hoạt và hoạt động của chi bộ. Sinh hoạt đảng thể hiện

bằng nhiều hình thức như: sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt học tập, sinh hoạt chính trị, sinh hoạt định kỳ..., nhưng tất cả phải gắn với nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng. Phân biệt đối tượng từng loại hoạt động như vậy là để tránh sự trùng lặp, nhàm chán, hình thức, bảo đảm sự tập trung cao và hiệu quả trong sinh hoạt và hoạt động của chi bộ.

*Về sinh hoạt và hoạt động của chi uỷ:* Chi uỷ là cơ quan lãnh đạo của chi bộ, có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của chi bộ và của cấp uỷ cấp trên; trực tiếp chỉ đạo xây dựng chi bộ về chính trị, tư tưởng, tổ chức, giữ vững quan hệ với cơ quan chuyên môn (chính quyền) và các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị. Chi uỷ là cơ quan lãnh đạo tập thể của chi bộ; do vậy, việc giữ vững nề nếp sinh hoạt là rất cần thiết. Nhiệm vụ trọng tâm nhất của chi uỷ là bảo đảm sự thống nhất cao trong nhận định tình hình, đánh giá đúng hoạt động của chính quyền, các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn; kiểm điểm và có kế hoạch thực hiện tiếp các nghị quyết công việc hằng tháng của chi bộ.

*Sinh hoạt và hoạt động của tổ đảng:* Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi uỷ, tổ đảng cụ thể hoá nghị quyết của chi bộ để thực hiện. Công việc chủ yếu của tổ đảng là biến nghị quyết của chi bộ thành hành động tiên phong, gương mẫu của từng đảng viên, phân công cụ thể đảng viên thực hiện nghị quyết của chi bộ; trực tiếp nắm tình hình

quần chúng, vận động, động viên, thuyết phục quần chúng tham gia tích cực vào các mặt hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn.

*Hoạt động của đảng viên:* Người đảng viên vừa là một thành viên của chi bộ, vừa là người thực hiện bằng hành động gương mẫu của bản thân, vận động quần chúng nhân dân thực hiện một cách tự giác mọi nhiệm vụ được giao. Sức mạnh của Đảng là do tính tự giác của toàn thể đảng viên. Chỉ khi nào đảng viên tự giác thảo luận và tham gia giải quyết mọi vấn đề của Đảng thì tính tích cực của đảng viên mới được nâng cao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, mỗi đảng viên cần có phương pháp công tác đảng, phương pháp công tác quần chúng, phương pháp công tác xã hội.

*Sinh hoạt và hoạt động của chi bộ:* Bao gồm tổng thể của tất cả các vấn đề trên. Vì vậy, sinh hoạt chi bộ có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Yêu cầu trọng tâm đối với nội dung của sinh hoạt chi bộ là cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết của cấp uỷ cấp trên cho sát hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị mình; phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của các đảng viên trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc tổ chức, vận động quần chúng nhân dân phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, ổn định đời sống và làm nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Trong tiến trình đổi mới đất nước, nhất là từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, khoá VIII về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng hiện nay, việc đổi mới, chỉnh đốn các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên đã đạt được một số kết quả quan trọng. Nhìn chung, sinh hoạt đảng được chú trọng hơn cả về nội dung, hình thức và ngày càng được cải tiến theo hướng cụ thể, hiệu quả, thiết thực, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung sinh hoạt bám sát nhiệm vụ xây dựng Đảng, phát triển sản xuất và những vấn đề liên quan trực tiếp đến đảng viên và đơn vị mà chi bộ cần tập trung lãnh đạo.

Trong sinh hoạt, nhiều chi bộ đi thẳng vào vấn đề trọng tâm, bảo đảm được tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu; đảng viên dự họp ghi chép đầy đủ. Các hình thức sinh hoạt như sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt học tập, thậm chí cả sinh hoạt bất thường với những nội dung thiết thực, được chuẩn bị chu đáo và thông báo trước tối các đảng viên. Đội ngũ bí thư, chi uỷ được kiện toàn, từng bước được nâng cao cả về kiến thức, kinh nghiệm, về năng lực tổ chức điều hành và sự tín nhiệm. Đây là nguyên nhân quan trọng góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và khẳng định vị thế, vai trò lãnh đạo của chi bộ. Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và xử lý những đảng viên vi phạm... được coi trọng.

Tuy nhiên, hiện nay ở các chi bộ có những yếu

kém như: sinh hoạt không đều, chất lượng sinh hoạt không cao, nội dung sinh hoạt chung chung; không xác định rõ nội dung cần tập trung để thảo luận, bàn hướng giải quyết; chưa bàn và giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc đặt ra trong thực tiễn hoạt động của địa phương, đơn vị mình, nên nghị quyết của chi bộ đề ra không cụ thể, không rõ biện pháp thực hiện, tháng sau giống tháng trước; phương pháp điều hành cứng nhắc, nhiều chi uỷ không chuẩn bị trước nội dung sinh hoạt... Nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình ở nhiều nơi bị coi nhẹ. Thậm chí, có không ít đảng viên ở tổ chức cơ sở đảng, hoặc do cục bộ, bè phái, hoặc do tư thù cá nhân đã lợi dụng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng để công kích nhau, đấu đá nhau. Một số cán bộ lãnh đạo, nhất là lãnh đạo chính quyền, có biểu hiện coi thường, thiếu ý thức bình đẳng trong sinh hoạt chi bộ. Trong sinh hoạt, đảng viên ít thảo luận, ít đóng góp ý kiến, ít tỏ rõ thái độ, hoặc sa vào tranh cãi nhưng chi bộ không có kết luận, quyết định những vấn đề cần thiết. Không ít chi bộ chưa phân biệt được việc gì là của chi bộ, của chính quyền và của các tổ chức quần chúng, dẫn đến tình trạng lấn sân, bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng. Đây là một nguyên nhân dẫn đến thiếu sự thống nhất, thậm chí mất đoàn kết giữa tổ chức đảng và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời tạo nên sự đơn điệu, nhàm chán,

không gây được hứng thú, cuốn hút đông đảo đảng viên tham gia sinh hoạt chi bộ.

Trước yêu cầu hiện nay, thực hiện sinh hoạt đảng đúng định kỳ, đạt chất lượng cao là sự bảo đảm chất lượng cho việc đề ra nghị quyết của chi bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Thực tế ở những nơi xảy ra “điểm nóng”, những vấn đề chính trị, xã hội phức tạp và nhạy cảm thời gian vừa qua đã cho thấy: ở nơi nào, lúc nào mà sinh hoạt chi bộ bị buông lỏng, hoặc không có nội dung chính trị, tư tưởng cụ thể, thiết thực thì có nguy cơ đi chệch đường lối, chính sách của Đảng, hạ thấp vai trò tiên phong gương mẫu của người đảng viên, trách nhiệm của đảng viên ở đó rất yếu kém, thậm chí bị vô hiệu hoá; tổ chức đảng không nắm được đảng viên, đảng viên không nắm được quần chúng; kỷ luật của Đảng bị lỏng lẻo, các biểu hiện tiêu cực nảy sinh và phát triển, sự gắn bó giữa Đảng và quần chúng bị suy yếu.

Đổi mới nội dung, hình thức để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ là yêu cầu cấp thiết, là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng. Các chi bộ cần tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, khoá VIII: “Nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp uỷ và chi bộ, quản lý chặt chẽ đảng viên. Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ phải tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia sinh hoạt đầy đủ”. Để sinh hoạt đảng có chất lượng, cần

thực hiện đúng và tốt những nội dung: Xác định đúng nội dung sinh hoạt, lựa chọn hình thức sinh hoạt phù hợp; đảm bảo sinh hoạt đúng Điều lệ Đảng; gắn chương trình sinh hoạt của tổ chức đảng với chương trình công tác, nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị mình. Trước mắt, chú ý giải quyết tốt mấy vấn đề sau:

*Một là, về nguyên tắc tổ chức sinh hoạt.* Trước hết, đồng chí bí thư chi bộ phải là người chủ trì cuộc họp, là người trực tiếp chuẩn bị nội dung sinh hoạt. Người chủ trì cuộc họp phải báo cáo rõ lý do, mục đích, nội dung sinh hoạt, chú ý báo cáo rõ những vấn đề trọng tâm của buổi sinh hoạt mà tất cả đảng viên trong chi bộ cần tập trung thảo luận. Báo cáo phải đánh giá đúng tình hình một cách sâu sắc, khách quan về việc thực hiện nghị quyết của chi bộ. Để đánh giá đúng tình hình một cách khách quan, sâu sắc, cấp uỷ phải họp thảo luận một cách dân chủ, nghiêm túc và phải có sự nhất trí cao trước khi tổ chức họp chi bộ. Thực tế thời gian qua cho thấy, những chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, nhiều năm liên đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh đều do thực hiện tốt quy trình ra quyết định, sinh hoạt, thảo luận, tự phê bình và phê bình, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ.

*Hai là, thực hiện dân chủ trong sinh hoạt.* Quá trình điều hành cuộc sinh hoạt, người chủ trì phải khơi gợi, dẫn dắt để mọi đảng viên nghiên cứu và phát biểu chính kiến trên tinh thần phát huy dân



chủ, trí tuệ tập thể để tập trung thảo luận làm sáng tỏ các vấn đề nêu ra. Sau khi bàn bạc dân chủ, biểu quyết theo đa số trở thành nghị quyết của chi bộ thì tất cả đảng viên đều phải chấp hành và làm theo nghị quyết. Vì thế, trước hết phải tôn trọng và thực hiện đầy đủ các quyền của đảng viên như: được thảo luận một cách dân chủ, thẳng thắn các vấn đề về nhiệm vụ chính trị của chi bộ, nội dung sinh hoạt; được thông tin tình hình cần thiết, được quyền phê bình, chất vấn, biểu quyết công việc, nội dung thảo luận, được trình bày rõ quan điểm và ý kiến của riêng mình về mọi vấn đề; được bảo lưu ý kiến theo nguyên tắc đảng. Cấp uỷ cần lắng nghe và tiếp thu ý kiến của đảng viên, không thành kiến, quy chụp hay phân biệt đối xử. Khắc phục cả hai tình trạng cấp uỷ độc đoán, vi phạm quyền dân chủ trong Đảng và tính thụ động, ỷ lại của đảng viên.

*Ba là, bảo đảm tính lãnh đạo, tính chiến đấu và tính giáo dục.* Chi bộ phân công cụ thể, hướng dẫn công việc rõ ràng và định kỳ kiểm tra công tác, kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Đảng, chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của từng đảng viên. Mọi đảng viên đều phải tham gia sinh hoạt chi bộ đều đặn, thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả những nhiệm vụ do chi bộ phân công; phải coi việc sinh hoạt chi bộ là nghĩa vụ, là quyền lợi để khẳng định mình, để phát huy, đồng thời nhận thấy những mặt yếu để có hướng khắc phục.

Những chi bộ sinh hoạt đạt chất lượng không cao do sa vào những việc sự vụ khi xây dựng nội dung sinh hoạt, xây dựng nghị quyết, cấp uỷ đã không tuân thủ đúng quy trình, hướng dẫn của cấp trên, không bán vào chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình cơ sở theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Điều đó dẫn đến nội dung, chương trình sinh hoạt chất lượng kém, báo cáo của chi bộ trùng lặp với báo cáo của chính quyền, làm cho đảng viên xem nhẹ cuộc họp của chi bộ, hoặc là sa vào bàn công việc của chính quyền, mà không quan tâm đúng mức đến việc bàn về công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, của chi bộ. Do đó, điều quan trọng ở đây là cấp uỷ cần ý thức rõ trách nhiệm của mình trong việc xác định vấn đề, phương pháp sinh hoạt phù hợp và bản lĩnh quyết sách, nhất là trước những vấn đề phức tạp.

*Bốn là, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch công tác để bàn định trong cuộc sinh hoạt.* Trước mỗi kỳ sinh hoạt, chi uỷ cần chuẩn bị tốt nội dung, chương trình sinh hoạt. Trong đó chọn những vấn đề bức xúc, quan trọng tại cơ sở và thông báo cho đảng viên biết trước để chuẩn bị ý kiến. Bí thư chi bộ căn cứ vào nội dung của chi uỷ đã chuẩn bị, chọn một vài nội dung trọng tâm để thảo luận ra nghị quyết. Khi nêu vấn đề công tác, cấp uỷ phải có đầy đủ luận cứ cho từng nội dung

một cách sát đúng với thực tế nhiệm vụ chính trị của đơn vị mình, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng và phải căn cứ vào nghị quyết của cấp uỷ cấp trên trực tiếp. Việc chuẩn bị nghị quyết và ra nghị quyết của chi bộ phải hết sức cụ thể, gắn rõ trách nhiệm tới từng tổ đảng, từng đảng viên, người phụ trách và phải có mốc thời gian hoàn thành. Nếu không phân công rõ ràng, không định rõ thời gian cụ thể, người chịu trách nhiệm chung, dễ tạo ra sự hời hợt và gây khó khăn trong việc tổ chức thực hiện cũng như việc kiểm tra, đôn đốc.

*Năm là, người điều hành cuộc họp phải có tác phong khoa học, tránh sa vào những vụ việc sự vụ.* Người chủ trì cuộc sinh hoạt phải nắm vững mục đích, nội dung sinh hoạt để chủ động điều hành một cách khoa học. Tuỳ nội dung và hình thức sinh hoạt cụ thể, người chủ trì cuộc họp sinh hoạt lựa chọn phương pháp điều hành cho thích hợp, kịp thời gian tương xứng. Các vấn đề qua dân chủ trao đổi, bàn luận, phải được kết luận. Làm tốt điều này, vừa phát huy được trí tuệ tập thể, vừa giữ gìn được sự đoàn kết nhất trí trong nhận thức và hành động của mỗi đảng viên trong chi bộ, củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, vừa tạo nên không khí sinh hoạt chân tình, cởi mở, thẳng thắn đồng chí. Đó là một bí quyết thành công của sinh hoạt chi bộ.

Những công việc này phải được thực hiện thông qua sinh hoạt đảng và có như vậy, nghị quyết của chi bộ, nghị quyết của Đảng mới được thực hiện nghiêm túc, mang lại kết quả cao.

## ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SINH HOẠT CHI BỘ CƠ QUAN KHỐI ĐOÀN THỂ

Để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng cơ quan khối đoàn thể, trước hết phải xây dựng các chi bộ trong sạch, vững mạnh. Muốn vậy, cần phải đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Nghiên cứu thực tiễn những năm gần đây, chúng tôi thấy những biện pháp được các chi bộ, đảng bộ cơ quan khối đoàn thể áp dụng có hiệu quả thường là:

### **Duy trì nền nếp sinh hoạt**

Đây là kết luận chung của nhiều chi bộ, đảng bộ trực thuộc Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội Nông dân Việt Nam... Một chi bộ chỉ nâng cao được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu nếu giữ được nền nếp và chất lượng sinh hoạt. Phải làm cho cán bộ, đảng viên thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh: “Chi bộ phải là

*động lực* của mỗi cơ quan”<sup>1</sup>, mỗi đảng viên phải có trách nhiệm tham gia sinh hoạt chi bộ đầy đủ, có ý thức xây dựng để cho mỗi buổi sinh hoạt đạt chất lượng, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của chi bộ.

### **Đổi mới nội dung sinh hoạt**

Các chi bộ cơ quan khối đoàn thể đang từng bước cải tiến nội dung sinh hoạt, nâng cao chất lượng sinh hoạt. Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội Nông dân Việt Nam chỉ đạo các chi bộ, đảng bộ trực thuộc đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt theo phương châm “Dân chủ - Thiết thực - Hiệu quả”. Bên cạnh việc thực hiện đúng quy trình sinh hoạt chi bộ theo hướng dẫn chung, nhiều chi bộ đã dành thời gian thông tin thời sự chính trị, giúp đảng viên chọn lựa, định hướng đúng trong hoàn cảnh hiện đang bùng nổ thông tin đa chiều, đa hướng. Chi bộ Ban Kiểm tra (Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội Nông dân Việt Nam), trước mỗi buổi sinh hoạt thường nghiên cứu “Thông báo nội bộ” do đồng chí bí thư trực tiếp phụ trách việc này. Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thường dành thời gian trong các cuộc họp giao ban các bí thư chi bộ, đảng bộ trực thuộc để giới thiệu những thông tin cần chú ý lấy

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 7, tr. 268.

từ Thông báo nội bộ, Tạp chí Xây dựng Đảng, Tạp chí Tư tưởng - Văn hóa, Thông tin công tác tư tưởng lý luận,... Tiếp đó các chi bộ cũng dùng các tài liệu trên để giới thiệu với đông đảo đảng viên. Nhiều chi bộ còn dành thời gian để các đảng viên giới thiệu, trao đổi thông tin mới cập nhật qua báo, đài...

Trong sinh hoạt, nhiều chi bộ đã tập trung kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ, chỉ rõ những mặt được, chưa được theo từng chỉ tiêu đề ra trong nghị quyết, kiểm điểm trách nhiệm từng đảng viên. Trong thực thi nhiệm vụ, các chi bộ có sự trao đổi thống nhất, phân công mỗi đảng viên phụ trách một vài công việc cụ thể như phụ trách công đoàn, nữ công, đoàn thanh niên,... Định kỳ hàng quý, 6 tháng, chi ủy, chi bộ đều nghe từng đồng chí báo cáo việc thực hiện nội dung công việc được phân công, kiểm điểm ý thức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Một trong những nội dung được các chi bộ chú trọng là vấn đề phát triển đảng viên. Muốn làm tốt công tác này, chi bộ có sự phân công cụ thể việc giúp đỡ quần chúng cho đảng viên. Đảng viên định kỳ báo cáo tình hình phấn đấu của quần chúng trước chi bộ. Chi bộ Ban Kiểm tra (Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội Nông dân Việt Nam) do làm tốt công tác này mà từ năm 2001 đến nay đã kết nạp được 5 đảng viên và số đồng chí này đều trưởng thành, phát huy tác dụng tốt, trong đó một đồng chí được bổ nhiệm làm Phó Văn phòng cơ

quan Hội, một được bầu làm phó bí thư chi bộ - Phó trưởng Ban Kiểm tra.

### **Làm tốt công tác tư tưởng, thực hiện thường xuyên tự phê bình, phê bình**

Ban chỉ ủy, bí thư chi bộ cần nắm vững chức năng, nhiệm vụ, những diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, khéo gọi mở và biết tạo điều kiện cho các đảng viên nói thẳng, nói thật trong sinh hoạt đảng; chân tình, cởi mở, góp ý trên tinh thần đồng chí, đồng nghiệp, giúp nhau tiến bộ. Ở một chi bộ có đảng viên vi phạm khuyết điểm, qua góp ý, phê bình xác đáng của tập thể đã xúc động cảm ơn và hứa hẹn sửa chữa.

Một số nơi đảng viên trẻ ngại phát biểu ý kiến, ngại va chạm... chi bộ phải tìm cách tác động giáo dục để đảng viên nhận thức đúng trách nhiệm, mạnh dạn phát huy vai trò của mình. Chi bộ Văn phòng (Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam) đã ra nghị quyết: Trong mỗi buổi sinh hoạt chi bộ, đảng viên phải phát biểu ít nhất một lần, qua đó đảng viên trẻ dần dần mạnh dạn, thẳng thắn góp ý, phê bình.

### **Tổ chức sinh hoạt chuyên đề**

Căn cứ vào nội dung, yêu cầu của công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức, một số chi bộ đã chọn được những nội dung sinh hoạt chuyên đề phù hợp. Có những đảng bộ đề ra tiêu chí thi đua là



trong từng năm, mỗi chi bộ phải sinh hoạt được ít nhất một chuyên đề, có cộng điểm thưởng đối với các chi bộ sinh hoạt được nhiều chuyên đề và đạt chất lượng. Việc này được làm tương đối tốt ở Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Để sinh hoạt chuyên đề đạt chất lượng, chi ủy phải chủ động đề xướng nội dung cho phù hợp với yêu cầu công tác tư tưởng, công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của chi bộ trong từng thời gian; thông báo nội dung trước để đảng viên chuẩn bị ý kiến, phân công một chi ủy viên (hoặc đảng viên) chịu trách nhiệm chính trong việc chuẩn bị để trình bày trước chi bộ. Có xướng xuất được chủ đề trọng tâm, có sự chuẩn bị chu đáo, đảng viên thảo luận nhiệt tình thì buổi sinh hoạt chuyên đề mới đạt chất lượng tốt. Cũng rất cần đề cao việc kiểm tra, đôn đốc xít xao của chi ủy trong suốt quá trình chuẩn bị thực hiện. Nhiều chi bộ thực hiện tốt chuyên đề “Góp ý Dự thảo Văn kiện trình Đại hội X của Đảng”. Một số chi bộ thuộc Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam sinh hoạt tốt theo chuyên đề Chuẩn bị nhân sự Đại hội IV Hội Cựu chiến binh Việt Nam”. Đảng bộ Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương có chuyên đề “Đổi mới phương thức hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam”. Ở Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội, Chi bộ Tổ chức Cán bộ có chuyên đề “Giải pháp xây dựng lực lượng hội viên nòng cốt”; Chi bộ Tuyên giáo có

chuyên đề “Xóa mù chữ cho cán bộ hội phụ nữ cơ sở”; Chi bộ Bảo tàng phụ nữ Việt Nam thảo luận chuyên đề “Văn hóa công sở và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức”; Đảng bộ Văn phòng Trung ương Hội thì đi sâu vào chuyên đề vai trò tham mưu trong công tác thi đua khen thưởng...

Nhằm mục đích nâng cao nhận thức của mỗi đảng viên về việc hợp tác, giúp đỡ nhau cùng phát triển, phát huy tinh thần đoàn kết, gắn bó trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, Chi bộ Khoa phụ vận thuộc Đảng bộ Trường Cán bộ phụ nữ Trung ương đã sinh hoạt chuyên đề về văn hóa hợp tác. Ở Chi bộ Báo Cựu Chiến binh Việt Nam với chuyên đề “Làm thế nào để phát triển được đảng viên”, chi bộ đã cùng trao đổi tìm nguyên nhân vì sao 13 năm không kết nạp được đảng viên và tìm giải pháp khắc phục. Nhờ vậy, trong đợt kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, chi bộ đã kết nạp được hai đồng chí. Cuối năm 2005, khi Báo *Cựu chiến binh Việt Nam* cùng lúc thiếu hụt cả ban biên tập, chi bộ kịp thời sinh hoạt chuyên đề “Giữ vững trong đợt biến”, đã phân tích tình hình tổ chức cán bộ, rút kinh nghiệm về việc tạo nguồn, đề ra phương án xử lý trước mắt và lâu dài.

Ở nhiều chi bộ, buổi sinh hoạt chuyên đề thường là buổi sinh hoạt chi bộ mở rộng (có mời quần chúng tham gia) như chuyên đề “Làm thế nào để phát triển đảng viên”, “Tìm hiểu 60 năm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” của

Chi bộ Ban Kiểm tra (Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội Nông dân Việt Nam), chuyên đề “Để xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh” của Chi bộ Tổ chức cán bộ (Đảng bộ cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam)... Hình thức này giúp chi bộ tập trung được trí tuệ của cả đảng viên, quần chúng trong xây dựng chi bộ, đơn vị; quần chúng cảm nhận được sự trân trọng của chi bộ, càng có ý thức phấn đấu, rèn luyện; cán bộ, đảng viên, nhất là những cán bộ, đảng viên trẻ cũng thấy rõ hơn trách nhiệm của mình.

Để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, các chi bộ phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó chú ý tạo sự thống nhất giữa chi ủy và cơ quan quản lý công tác chuyên môn, bàn bạc, thống nhất mục đích, yêu cầu, nội dung từng buổi sinh hoạt. Đảng viên phải được biết rõ về nội dung, thời gian sinh hoạt, có ý thức chuẩn bị. Bí thư chi bộ phải thường xuyên tích lũy kinh nghiệm, cập nhật kiến thức, đổi mới phong cách công tác (khoa học, dân chủ, sâu sát quần chúng) và phải là người trực tiếp chuẩn bị nội dung sinh hoạt. Cấp trên trực tiếp của cơ sở phải thường xuyên kiểm tra việc chấp hành chế độ sinh hoạt, định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm.

## NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA CHI BỘ KHU DÂN CƯ

Nếu nói cơ sở là cấp thực hiện các chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, là cầu nối giữa Đảng và Nhà nước với dân thì nơi thực hiện trực tiếp chính là thôn, bản (đối với xã), tổ dân phố (đối với phường, thị trấn) và khu dân cư. Vì vậy, trong cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chú trọng vấn đề *nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ khu dân cư* là hết sức cần thiết.

Hiện nay, ở các khu dân cư (kể cả những khu dân cư mới hoặc đang hình thành) thuộc phường, thị trấn, phần lớn các chi bộ thường có đến trên dưới 90% số đảng viên là cán bộ hưu trí. Trong đó hầu hết có trình độ khá về chuyên môn và am hiểu chính trị, có uy tín, vốn sống và kinh nghiệm công tác khá phong phú. Vấn đề đặt ra là, cần xây dựng chi bộ về tổ chức và xác định nội dung hoạt động như thế nào để phát huy được ý thức tự giác, những mặt mạnh về trình độ, kiến thức, vốn sống, khắc phục những hạn chế về tuổi, sức khỏe của

đội ngũ đảng viên. Theo chúng tôi có thể bằng những giải pháp sau:

- 1) Có chương trình, nghị quyết thiết thực, phân công công tác cho đảng viên hợp lý;
- 2) Chi uỷ và chi bộ có sự hướng dẫn, giúp đỡ để đảng viên lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ được phân công;
- 3) Định kỳ đảng viên báo cáo kết quả thực hiện công tác đã được giao trước chi bộ;
- 4) Xây dựng được những điển hình, thường xuyên rút kinh nghiệm, biểu dương kịp thời những đảng viên tích cực;
- 5) Chi uỷ gương mẫu đoàn kết, hoạt động đều tay đi đôi với phát huy vai trò của bí thư chi bộ.

Song cần tập trung thực hiện tốt hai yếu tố cơ bản:

*Trước hết, về tổ chức*, do chi bộ khu dân cư có những đặc điểm riêng như nêu trên, quy mô chi bộ không nên quá 20 đảng viên và phụ trách không quá 3 tổ dân phố. Có như vậy mới phù hợp với điều kiện, khả năng, giúp chi bộ, cấp uỷ sâu sát hộ dân, nắm chắc tình hình. Cuộc vận động “Xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” lấy khu dân cư làm đơn vị, chi bộ nên lấy tên là *chi bộ khu dân cư*. Đảng uỷ cần lãnh đạo Uỷ ban nhân dân nghiên cứu, khảo sát, quy hoạch việc phân định khu dân cư trình Hội đồng nhân dân. Các khu dân cư phải có số tổ, số hộ, số dân hợp lý, không quá chênh lệch nhau và phù hợp với các quy định của cấp trên. Thực tế mấy năm nay, nguồn bổ sung đảng viên của chi bộ khu dân cư là số đảng viên mới về hưu; số này thường có trình độ khá

hơn. Để phát huy vai trò lãnh đạo của chi bộ khu dân cư, chi ủy cần luôn được đổi mới; những trường hợp thật cần thiết, thực sự có uy tín, đảng viên yêu cầu cũng không nên tham gia chi ủy quá 5 nhiệm kỳ. Nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của chi bộ, đồng thời, mở rộng dân chủ trong hoạt động của các đoàn thể, bí thư chi bộ không nên kiêm tổ trưởng dân phố hoặc trưởng ban Mặt trận khu dân cư. Hiện nay, nhiều nơi số tổ dân phố đông hơn 3 lần số chi bộ. Do lãnh đạo phường nắm tổ trưởng dân phố không chắc bằng nắm bí thư chi bộ và do hiểu không đúng về sự lãnh đạo toàn diện của chi bộ, nên không ít nơi đã biến bí thư chi bộ thành cụm trưởng hành chính của Ủy ban nhân dân phường. Tình trạng đó cần sớm khắc phục.

*Hai là, đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.*

Đối với chi bộ khu dân cư, đảm bảo sinh hoạt đều hằng tháng không khó. Hầu hết đảng viên coi kỳ họp là dịp để gặp gỡ, giao tiếp; là nơi nhắc nhở, giúp đỡ nhau giữ gìn phẩm chất, tư cách đảng viên, tiếp tục đóng góp tâm, lực, trí tuệ cho Đảng. Vấn đề quan tâm nhất là làm sao để sinh hoạt chi bộ có chất lượng, thực sự bổ ích mà không cứng nhắc, đáp ứng mong mỏi của mỗi đảng viên. Muốn vậy, theo tôi có thể thực hiện tốt một số nội dung sau:

- Sau khi dự giao ban đảng ủy, chi ủy chuẩn bị kỹ nội dung sinh hoạt để phổ biến thật gọn, rõ

những công tác trọng tâm và định hướng lãnh đạo của đảng uỷ; chương trình, kế hoạch công tác của chi bộ đã được cụ thể hoá sát hợp với tình hình chi bộ và khu dân cư.

- Dành thời gian thích đáng để đảng viên trao đổi, thảo luận đóng góp ý kiến vào chương trình, kế hoạch công tác của chi bộ, có liên hệ bản thân và tình hình khu dân cư. Qua đó, thực hiện tự phê bình và phê bình về vai trò của đảng viên và sự lãnh đạo của chi bộ.

- Tuỳ tình hình cụ thể từng tháng, nội dung công tác của chi bộ, ngoài việc bàn bạc quyết định những vấn đề thuộc về kinh tế-xã hội, cần rất coi trọng bàn về tổ chức tham quan, du lịch, khám sức khoẻ, chúc mừng sinh nhật các đồng chí trong tháng, nghe nói chuyện thời sự và trao đổi thảo luận những vấn đề thời sự...

- Chương trình, kế hoạch công tác của chi bộ chỉ có thể được thực hiện khi từng chi uỷ viên, mỗi đảng viên đều được phân công trách nhiệm cụ thể, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của từng đồng chí.

Đồng thời, cần giữ được nếp sinh hoạt giữa chi uỷ với đảng viên đang công tác được giới thiệu về nơi cư trú theo Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị, ít nhất một năm 2 kỳ. Đây là dịp trao đổi cởi mở, thẳng thắn, chân tình, học tập kinh nghiệm và hiểu biết lẫn nhau giữa cấp uỷ địa phương với đảng viên đang công tác. Sự tập hợp có tổ chức đảng viên đang công tác cùng bàn bạc, giải quyết

các vấn đề của khu dân cư là hết sức cần thiết, là cách phát huy sức mạnh và hiệu quả lãnh đạo của đội ngũ đảng viên ở khu dân cư. Tiếc rằng, đến nay cơ chế sinh hoạt cũng như điều kiện tổ chức sinh hoạt với số đảng viên này như thế nào cũng chưa được cấp trên hướng dẫn cụ thể.

Hoạt động của chi bộ khu dân cư là yếu tố tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở, nhằm ổn định và phát triển kinh tế, giữ vững an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Vì vậy, nâng cao năng lực hoạt động và sức chiến đấu của chi bộ khu dân cư cần được sự quan tâm thường xuyên của các cấp uỷ đảng.



## ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA CHI BỘ Ở NÔNG THÔN

Chi bộ là nền tảng, là tế bào của Đảng, nơi gắn liền Đảng với quần chúng, tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, qua triển khai nhiệm vụ chính trị cụ thể của từng đơn vị. Chi bộ cũng là nơi giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, phát hiện, tạo nguồn cán bộ cho Đảng. Nói về vai trò của chi bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh. Đảng mạnh là do chi bộ tốt”<sup>1</sup>.

Nước ta là một nước nông nghiệp, hơn 60% dân số sống ở nông thôn, do vậy số tổ chức cơ sở đảng và lực lượng đảng viên nông thôn cũng chiếm phần lớn. Cơ cấu đội ngũ đảng viên nông thôn đã có sự thay đổi. Bên cạnh số đồng chí trưởng thành được kết nạp tại chỗ, còn lại là số cán bộ nghỉ hưu, bộ đội, thanh niên xung phong phục viên,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 92.

xuất ngũ và số đảng viên là cán bộ, công nhân, viên chức do tình giản biên chế hành chính trở về địa phương. Từ đó, đã tăng thêm số lượng đảng viên ở mỗi chi bộ, thôn, ấp, làng, bản (sau đây gọi là chi bộ thôn, làng), có nơi lên tới vài chục đảng viên. Đồng thời, cũng tạo sự chênh lệch về tuổi tác (phần lớn là đảng viên cao tuổi), sức khỏe, năng lực, trình độ. Số đảng viên trực tiếp lao động, thật sự gắn bó với nông nghiệp lại chiếm rất ít. Vì vậy, nâng cao chất lượng sinh hoạt và năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ ở nông thôn là yêu cầu tất yếu, cấp bách.

Không thể phủ nhận những cố gắng, tiến bộ của các chi bộ nông thôn trong việc lãnh đạo, động viên toàn dân phát huy nội lực, đoàn kết, nhất trí, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường an ninh, quốc phòng ở địa phương. Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ nông thôn chưa ngang tầm với vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo sự nghiệp đổi mới. Có thể nêu lên một số mặt hạn chế của chi bộ nông thôn:

- Năng lực lãnh đạo của chi ủy, nhất là vai trò của đồng chí bí thư ở không ít chi bộ còn nhiều bất cập trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ và chỉ thị, nghị quyết của cấp uỷ cấp trên. Trong sinh hoạt chi bộ, việc chuẩn bị và tiến hành nội dung cũng như hình thức sinh hoạt còn khá lúng túng. Nhiều nơi, sinh hoạt chi bộ thường sa vào

hình thức, dập khuôn, không tập trung bàn thảo những vấn đề trọng tâm, thiết thực, chưa thể hiện được tính chất lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu của sinh hoạt đảng. Còn nhiều đồng chí quen tác phong điều hành theo kiểu mệnh lệnh, chỉ thị nên chưa động viên, khơi dậy và phát huy sức mạnh của từng tổ đảng, vai trò của mỗi đảng viên. Phân công trách nhiệm và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của đảng viên thường không cụ thể, rõ ràng.

- Ý thức sinh hoạt đảng của một bộ phận đảng viên thiếu nghiêm túc, sinh hoạt rời rạc, đi muộn, về sớm. Số lượng đảng viên dự các kỳ sinh hoạt thường chỉ đạt 60-70%. Trong sinh hoạt, ý kiến phát biểu hay lan man, thiếu tập trung, gây thắc mắc, tranh cãi, mất thời gian mà vẫn không rõ chính kiến, nên hiệu quả thấp.

- Đảng viên sinh hoạt ở các chi bộ thôn, xóm đa phần xuất thân từ nông dân, không ít đồng chí vẫn còn ảnh hưởng của tư tưởng tiểu nông, cá nhân chủ nghĩa. Vì vậy, công tác tự phê bình và phê bình chưa thật sự dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, có nơi còn bị ràng buộc bởi dòng họ, “phe cánh” dẫn đến tình trạng dĩ hòa vi quý, làm mất tính khách quan của tự phê bình và phê bình; hoặc lợi dụng phê bình để đả kích người này, nói xấu người kia, thiếu tính xây dựng. Một số đảng viên sống thiếu mẫu mực, ngại tiếp xúc với quần chúng, tiêu cực, tham nhũng, làm giàu bất chính, bất chấp luật pháp, dư luận, mất uy tín với nhân dân.

- Trong các chi bộ thôn, làng hiện nay số lượng đảng viên đông, hầu hết là đảng viên hưu trí, tuổi khá cao, có nơi bình quân tới 55-60 tuổi. Trong khi đó, công tác tạo nguồn, bồi dưỡng quần chúng ưu tú kết nạp vào Đảng chưa được coi trọng. Có chi bộ hàng chục năm không kết nạp được đảng viên. Lực lượng đảng viên trực tiếp lao động gắn bó với nông nghiệp ít, sự hiểu biết thực tiễn trên các mặt hoạt động xã hội nông thôn của nhiều đảng viên hạn chế. Có tình trạng số đảng viên nói nhiều hơn số đảng viên làm. Vì vậy, đã ảnh hưởng đến chất lượng sinh hoạt và vai trò lãnh đạo của chi bộ.

Từ thực trạng tình hình trên đây, để nâng cao chất lượng sinh hoạt và năng lực lãnh đạo của chi bộ nông thôn cần thực hiện tốt những yêu cầu sau:

*Một là*, phải chăm lo bồi dưỡng về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước cho mọi đảng viên. Nội dung bồi dưỡng lý luận, chính trị phải được gắn với tình hình thực tiễn ở từng chi bộ và mỗi địa phương. Trên cơ sở đó, nêu cao trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên trong lao động sản xuất, công tác, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, nói đi đôi với làm, thật sự là tấm gương cho quần chúng noi theo.

*Hai là*, phải lựa chọn và bố trí được bí thư chi bộ và cấp ủy là những đồng chí có sức khỏe, nhiệt

tình, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức và lối sống lành mạnh, thật sự có năng lực, uy tín, nhất là năng lực thực tiễn về công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng trong thời kỳ mới. Bí thư và chi ủy phải là trung tâm đoàn kết trong chi bộ, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ. Tùy điều kiện từng nơi, có thể bố trí bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn.

*Ba là*, thực hiện đúng đắn nguyên tắc, chế độ và tính chất sinh hoạt chi bộ. Chi ủy, trước hết là bí thư chi bộ cần chuẩn bị chu đáo, thảo luận kỹ nội dung sinh hoạt chi bộ thường kỳ, xác định rõ những vấn đề trọng tâm, trọng điểm cần tập trung lãnh đạo trước khi báo cáo ra chi bộ. Trên cơ sở chuẩn bị của chi ủy, chi bộ thảo luận, phân tích kỹ từng vấn đề, chỉ rõ ưu, khuyết điểm; đề ra những giải pháp lãnh đạo có tính khả thi và quyết định (thành nghị quyết của kỳ họp). Trong tổ chức thực hiện phải phân việc cụ thể cho từng cấp ủy viên và mỗi đảng viên sát với nhiệm vụ, khả năng từng người. Tùy nội dung để chọn hình thức sinh hoạt chi bộ cho phù hợp, cần coi trọng hình thức sinh hoạt chuyên đề để có thể bàn sâu, bàn kỹ một vấn đề cần tập trung lãnh đạo.

*Bốn là*, tăng cường công tác kiểm tra, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của chi bộ đối với mọi mặt hoạt động ở thôn, làng. Thường xuyên sơ kết, rút kinh nghiệm, thực hiện tự phê bình và phê bình đi đôi với tăng cường quản lý đảng viên, nhất là đảng viên có chức, có quyền. Qua đó, kịp thời biểu

dương những điển hình làm giỏi, những gương đảng viên phấn đấu tốt; xử lý nghiêm những đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm đạo đức, vi phạm những điều đảng viên không được làm và pháp luật của Nhà nước.

*Năm là*, lãnh đạo việc xây dựng, củng cố các tổ chức đoàn thể nhân dân trong thôn, làng như: chi hội phụ nữ, chi đoàn thanh niên, chi hội cựu chiến binh, chi hội người cao tuổi, chi hội nông dân, v.v.. Trên cơ sở đó, phát huy sức mạnh tổng hợp, đoàn kết được toàn dân, tập trung thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương một cách sáng tạo, hiệu quả nhất. Thông qua phong trào hoạt động của quần chúng để phát hiện những người ưu tú thật sự tiêu biểu, gương mẫu trong cuộc sống cũng như trong lao động, sản xuất, tạo nguồn bồi dưỡng kết nạp vào Đảng, tăng cường sức trẻ cho chi bộ.

Thực hiện tốt những chủ trương, giải pháp trên nhất định sẽ góp phần nâng cao được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ ở nông thôn hiện nay.

## RA NGHỊ QUYẾT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CHI BỘ

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã nêu “Cải tiến việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết”. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng tiếp tục xác định “Đổi mới cách ra nghị quyết... đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hội nghị”<sup>1</sup>.

Việc đó thể hiện ở ba bước: chuẩn bị ra nghị quyết, ra nghị quyết và lãnh đạo tổ chức thực hiện nghị quyết.

Bước 1: *Làm tốt việc chuẩn bị ra nghị quyết*. Chuẩn bị tốt sẽ tạo điều kiện ra nghị quyết tốt. Nghị quyết có chính xác, khoa học thì việc thực hiện mới có cơ sở đạt hiệu quả. Thực hiện nghị quyết là khâu trực tiếp đạt tới mục tiêu của lãnh đạo.

Chuẩn bị ra nghị quyết trước hết phải phát huy vai trò trách nhiệm của bí thư, của các chi ủy

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 310.

viên. Cần làm tốt việc thu thập thông tin, nắm chắc tình hình chi bộ, địa phương, đơn vị, cơ quan, ngành, phải sâu sát thực tế, căn cứ vào nhiệm vụ trên giao cũng như sự chỉ đạo trực tiếp của thường vụ đảng ủy cơ sở để chọn phương án đúng cho nội dung cần phải lãnh đạo thực hiện trong tháng hoặc nhiệm kỳ.

Cần chọn những vấn đề phải tập trung giải quyết trong từng thời gian. Nghĩa là việc chuẩn bị phải có trọng tâm, trọng điểm, không thể dàn trải, tràn lan.

Các nội dung được đưa vào dự thảo nghị quyết phải ngắn gọn, có tính thuyết phục, thể hiện được tính giáo dục, tính chiến đấu, tính lãnh đạo.

Bí thư phải thông báo nội dung, thời gian họp, để khi thảo luận xây dựng nghị quyết không tràn lan, đạt chất lượng cao.

Bước 2: *Làm tốt việc ra nghị quyết*. Dự thảo nghị quyết phải được toàn chi bộ tham gia xây dựng với tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm, dân chủ.

Báo cáo của bí thư hoặc đại diện chi ủy phải mạch lạc, rõ ràng, có sức thuyết phục, thể hiện rõ tinh thần tự phê bình và phê bình.

Đại diện chi ủy phải đề xuất được những nội dung cần tập trung thảo luận và ra nghị quyết. Phải khéo gợi mở, khuyến khích đảng viên phát biểu chính kiến của mình, làm sao cho việc thảo luận phản ánh trí tuệ tập thể và đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng.



Tổng kết thảo luận của bí thư (đại diện chi ủy) phải rõ ràng, rành mạch, khách quan, trung thực, phải chú ý tới mọi ý kiến trong hội nghị (kể cả ý kiến thống nhất và không thống nhất). Sau khi kết luận phải lấy biểu quyết, có thể biểu quyết toàn bộ hay biểu quyết từng phần. Những vấn đề mới, khó, phức tạp chưa thể và chưa nên quyết định ngay cần làm thử rút kinh nghiệm. Nghị quyết có giá trị thực hiện khi có hơn một nửa (quá bán) số đảng viên của chi bộ nhất trí tán thành, người có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp trên nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành theo nghị quyết chi bộ, trong khi thực hiện không được truyền bá các ý kiến sai với nghị quyết.

*Bước 3: Làm tốt việc lãnh đạo, tổ chức thực hiện nghị quyết.* Thực hiện nghị quyết, làm cho nghị quyết biến thành hành động cụ thể thiết thực là mục tiêu, yêu cầu của sự lãnh đạo. Chi ủy phải có sự chuẩn bị, phải vạch kế hoạch, giao nhiệm vụ cho từng cấp ủy viên phụ trách, cho đảng viên thực hiện một cách cụ thể và khi đảng viên được phân công triển khai thực hiện, chi ủy phải theo dõi, giám sát, giúp đỡ kịp thời. Đồng thời phải thông báo nội dung nghị quyết tới tổ chức chính quyền, đoàn thể (trừ nội dung bí mật) tới phạm vi lãnh đạo của chi bộ để các tổ chức đó biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện. Đảng viên miệng nói tay làm, không hô hào chung chung.

Vấn đề quan trọng nữa là bí thư, từng chỉ ủy viên phải tự bồi dưỡng và được bồi dưỡng thường xuyên, để ngày càng nâng cao trình độ thực hiện tốt ba bước trên.

**HƯỚNG DẪN SỐ 08-HD/BTCTW**  
**NGÀY 21 THÁNG 6 NĂM 2007**  
**CỦA BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG**  
**Một số vấn đề cụ thể về nghiệp vụ**  
**công tác đảng viên và lập biểu thống kê**  
**cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng**  
*(Trích)*

Căn cứ Điều lệ Đảng; Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị về “Thi hành Điều lệ Đảng”; Hướng dẫn số 03-HD/TCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương “Một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng” khoá X;

Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số vấn đề cụ thể về nghiệp vụ công tác đảng viên và lập biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng như sau:

*Phần thứ nhất*

**VỀ NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN**

**I. KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN**

**1. Quy trình kết nạp đảng viên và công nhận đảng viên chính thức**

**1.1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch kết nạp đảng viên**

...

*c) Đối với cấp uỷ cơ sở:*

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chi bộ xây dựng và thực hiện kế hoạch kết nạp đảng viên.

- Định kỳ hằng tháng xét đề nghị của chi bộ để bổ sung, điều chỉnh danh sách cảm tình Đảng của đảng bộ; xét, đề nghị cho cảm tình Đảng đi học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng.

*d) Đối với chi bộ:*

- Đánh giá, phân tích chất lượng quần chúng để xây dựng kế hoạch tạo nguồn kết nạp đảng viên; tổ chức tuyên truyền, giáo dục; chỉ đạo các tổ chức quần chúng, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giáo dục, lựa chọn đoàn viên, hội viên ưu tú giới thiệu với chi bộ. Chi bộ xét, nếu quần chúng có đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì ra Nghị quyết công nhận quần chúng đó là cảm tình Đảng.

- Chi bộ giao nhiệm vụ cho cảm tình Đảng để thử thách và có nghị quyết phân công đảng viên chính thức giúp đỡ cảm tình Đảng phấn đấu vào Đảng.

- Định kỳ hằng tháng xem xét, ra nghị quyết lựa chọn quần chúng ưu tú vào danh sách cảm tình Đảng, đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi danh sách cảm tình Đảng; xét, đề nghị cho cảm tình Đảng đi học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng; xét, quyết định cho cảm tình Đảng (đã học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng và chi uỷ kiểm tra thấy cảm tình Đảng có nhận thức tốt về Đảng) được làm thủ tục xem xét kết nạp vào Đảng.

### ***1.2. Xét kết nạp đảng viên và công nhận đảng viên chính thức (kể cả kết nạp lại)***

a) Xét kết nạp đảng viên phải thực hiện đúng quy định tại Điều 4, Điều lệ Đảng; các điểm 1, 3, 4, 5 Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị và nội dung tại các điểm 1, 3, 5, 6 Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương "Một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng".

b) Xét công nhận đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức phải thực hiện đúng quy định tại Điều 5, Điều lệ Đảng; điểm 7, Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị và nội dung tại các điểm 4, 5, 6 Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương.

### ***1.3. Sử dụng đúng các mẫu tài liệu về kết nạp đảng viên và công nhận đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức (tại mục I, phụ lục I kèm theo)***

## **2. Một số vấn đề liên quan đến kết nạp đảng viên**

### ***2.1. Thủ tục kết nạp đảng viên ở nơi chưa có đảng viên, chưa có chi bộ***

Việc kết nạp người vào Đảng ở nơi chưa có đảng viên, chưa có chi bộ: Thực hiện theo nội dung tại điểm 6 (6.6) Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể đối với một số trường hợp sau:

a) Ở thôn, ấp, bản, buôn, làng:

- Đảng uỷ xã giao cho chi bộ có điều kiện thuận lợi nhất để phân công đảng viên chính thức tuyên truyền, giúp đỡ người vào Đảng. Khi có đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào Đảng thì chi bộ (nơi đảng viên giúp đỡ người xin vào Đảng đang sinh hoạt) làm thủ tục đề nghị kết nạp vào Đảng theo quy định. Nhiệm vụ này được thực hiện cho đến khi thôn, ấp, bản... có đủ số lượng đảng viên chính thức để lập chi bộ.

- Nếu là chi bộ cơ sở xã thì chi bộ cử đảng viên tuyên truyền, giáo dục, giúp đỡ người vào Đảng ở những thôn, ấp, bản... chưa có đảng viên, khi người đó có đủ tiêu chuẩn vào Đảng thì chi bộ làm thủ tục đề nghị kết nạp theo quy định.

b) Ở trường học, cơ sở y tế:

- Trường học, cơ sở y tế do uỷ ban nhân dân xã (và tương đương) quản lý: như trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường mầm non, trạm y tế..., thì đảng uỷ xã (và tương đương) thực hiện việc kết nạp đảng viên ở những trường, cơ sở y tế chưa có đảng viên như đối với thôn, ấp, bản, buôn, làng nêu trên.

- Trường học, cơ sở y tế chưa có đảng viên do uỷ ban nhân dân cấp huyện và tương đương quản lý: như trung tâm giáo dục thường xuyên, trường dân lập, trường tư thục, bệnh viện..., thì cấp uỷ huyện và tương đương chỉ đạo tổ chức đảng ở những cơ quan chuyên môn trực tiếp quản lý thực hiện việc kết nạp đảng viên.

- Trường học, cơ sở y tế chưa có đảng viên do tỉnh, thành phố quản lý: thì tỉnh uỷ, thành uỷ chỉ đạo cấp uỷ ở những cơ quan chuyên môn trực tiếp quản lý thực hiện việc kết nạp đảng viên.

*c) Ở doanh nghiệp chưa có đảng viên:*

Thực hiện tương tự như ở khối các trường, cơ sở y tế, cụ thể: Nếu do cấp xã (và tương đương) quản lý thì giao cho cấp uỷ xã và tương đương thực hiện; nếu do cấp huyện (và tương đương) quản lý thì giao cho cấp uỷ ở những cơ quan chuyên môn trực tiếp quản lý thực hiện; nếu do tỉnh (và tương đương) quản lý thì giao cho cấp uỷ ở những cơ quan trực tiếp quản lý thực hiện; nếu do các bộ, ngành Trung ương quản lý thì giao cho đảng uỷ cơ quan các bộ, ngành Trung ương thực hiện việc kết nạp đảng viên.

## ***2.2. Thủ tục giải quyết những trường hợp kết nạp người vào Đảng hoặc công nhận đảng viên chính thức sai quy định***

Cấp uỷ cấp trên, qua kiểm tra phát hiện thấy việc kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức sai quy định được xử lý theo nội dung tại điểm 5 (5.4) Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006, thủ tục tiến hành như sau:

a) Trường hợp quyết định kết nạp người vào Đảng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 1, Điều lệ Đảng và điểm 5, Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị, thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp ra văn bản chỉ đạo cấp

ủy ra quyết định phải huỷ bỏ quyết định của mình và thông báo cho cấp ủy cấp dưới làm thủ tục xoá tên đảng viên đó trong danh sách đảng viên như sau:

- Trong văn bản chỉ đạo của cấp ủy cấp trên đối với cấp ủy ra quyết định kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức phải huỷ bỏ quyết định cần nêu rõ các nội dung:

+ Không đủ tiêu chuẩn của người vào Đảng theo quy định tại Điều 1, Điều lệ Đảng về phẩm chất chính trị; hoặc phẩm chất đạo đức và lối sống; hoặc ý thức tổ chức, kỷ luật và đoàn kết nội bộ.

+ Không đủ điều kiện về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay; hoặc chưa đủ tuổi đời; hoặc không thuộc diện được kết nạp lại vào Đảng theo quy định của Bộ Chính trị.

- Căn cứ Công văn chỉ đạo nêu trên, cấp ủy nơi đã ra quyết định kết nạp người vào Đảng hoặc công nhận đảng viên chính thức phải ra quyết định huỷ bỏ quyết định, trong quyết định cần nêu rõ:

+ Căn cứ và lý do ban hành quyết định.

+ Nội dung quyết định gồm 3 điều:

**Điều 1:** Huỷ quyết định kết nạp đảng viên số..., hoặc huỷ Quyết định công nhận đảng viên chính thức số..., hoặc huỷ Quyết định kết nạp lại đảng viên số... của...

**Điều 2:** Không công nhận... là đảng viên của Đảng.



**Điều 3:** Văn phòng, Ban Tổ chức..., Đảng uỷ cơ sở..., Chi bộ... và người có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

- Khi nhận được quyết định, đảng uỷ cơ sở đưa văn bản chỉ đạo của cấp uỷ cấp trên và quyết định nêu trên vào hồ sơ của đảng viên bị xoá tên để quản lý theo quy định, chi bộ công bố và giao quyết định cho đảng viên không được công nhận là đảng viên của Đảng trong hội nghị chi bộ.

b) Trường hợp quyết định kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức không đúng thẩm quyền và không đúng thủ tục (quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều lệ Đảng và điểm 3, điểm 5, Quy định 23-QĐ/TW ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị, hoặc kết nạp người vào Đảng chưa đủ tuổi đời theo quy định tại điểm 2, Điều 1, Điều lệ Đảng) thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp (của cấp uỷ ra quyết định) ra quyết định huỷ bỏ quyết định đó và chỉ đạo các cấp uỷ cấp dưới làm các thủ tục như sau:

- Nếu người vào Đảng không đủ tiêu chuẩn quy định như điểm (a) nêu trên, thì không công nhận là đảng viên của Đảng; trong quyết định huỷ bỏ quyết định kết nạp hoặc công nhận đảng viên chính thức của cấp uỷ cấp dưới cũng có 3 điều như nội dung tại điểm (a) nêu trên.

- Nếu người vào Đảng có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ Đảng; hoặc thuộc diện được xét kết nạp lại vào Đảng theo quy định của Bộ Chính trị, thì được công nhận là đảng viên của

Đảng; trong quyết định huỷ bỏ quyết định của cấp uỷ cấp dưới cần nêu rõ các nội dung:

+ Căn cứ và lý do ban hành quyết định (lý do cần nêu cụ thể như: quyết định kết nạp người vào Đảng chưa đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 4, Điều lệ Đảng; hoặc quyết định công nhận đảng viên chính thức chưa đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 5, Điều lệ Đảng; hoặc quyết định kết nạp người vào Đảng chưa đúng thẩm quyền quy định tại điểm 3, Quy định số 23-QĐ/TW của Bộ Chính trị; hoặc quyết định kết nạp người vào Đảng chưa đủ tuổi đời theo quy định tại điểm 2, Điều 1, Điều lệ Đảng; hoặc quyết định kết nạp lại người vào Đảng chưa xin ý kiến của ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương theo quy định tại điểm 5, Quy định 23 của Bộ Chính trị; hoặc quyết định kết nạp đảng viên đối với người vào Đảng khi thay đổi đơn vị công tác, đi học tập hoặc nơi cư trú mới chưa đúng nội dung tại điểm 3 (3.13)c, Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương;...).

+ Nội dung quyết định gồm 4 điều:

**Điều 1:** Huỷ Quyết định kết nạp đảng viên số..., hoặc huỷ Quyết định công nhận đảng viên chính thức số..., hoặc huỷ Quyết định kết nạp lại đảng viên số... của...

**Điều 2:** Công nhận... là đảng viên của Đảng, được kết nạp vào Đảng ngày..., được công nhận là

đảng viên chính thức ngày...; hoặc được kết nạp lại vào Đảng ngày...

Việc xác định ngày được kết nạp (kể cả kết nạp lại), ngày được công nhận là đảng viên chính thức của đảng viên nêu trên, như sau: xác định lại ngày kết nạp, ngày công nhận đảng viên chính thức cho đúng quy định tại điểm 2, Điều 1, Điều lệ Đảng đối với trường hợp đã kết nạp người vào Đảng chưa đủ tuổi đời theo quy định; các trường hợp còn lại (trừ trường hợp quyết định kết nạp đảng viên đối với người vào Đảng khi thay đổi đơn vị công tác, đi học tập, hoặc nơi cư trú mới chưa đúng nội dung tại điểm 3 (3.13)c, Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương, được giữ theo ngày kết nạp, ngày công nhận đảng viên chính thức ghi trong quyết định của cấp uỷ đã quyết định kết nạp người vào Đảng chưa đúng thẩm quyền trước đây.

**Điều 3:** Được giữ nguyên các tài liệu trong hồ sơ kết nạp đảng viên và hồ sơ công nhận đảng viên chính thức của đảng viên... trước đây; đảng viên có trách nhiệm khai lại lý lịch đảng viên, phiếu đảng viên theo quy định; tổ chức đảng làm lại thẻ đảng viên cho đảng viên và sửa lại ngày kết nạp, ngày công nhận chính thức nêu trên trong các tài liệu có liên quan của đảng viên.

**Điều 4:** Văn phòng, Ban Tổ chức..., Ban Thường vụ..., Đảng uỷ..., Chi bộ... và đảng viên

có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

+ Sau khi nhận được quyết định, các cấp uỷ trực thuộc và đảng viên thực hiện các nội dung tại Điều 3 nêu trên, đưa quyết định của cấp uỷ cấp trên, lý lịch đảng viên vào hồ sơ của đảng viên để quản lý theo quy định, chi bộ công bố và trao quyết định cho đảng viên trong hội nghị chi bộ.

### ***2.3. Thời hạn xét làm thủ tục công nhận đảng viên chính thức***

Thời hạn xét làm thủ tục công nhận đảng viên chính thức thực hiện theo quy định tại điểm 7 (7.1)a, Quy định số 23-QĐ/TW của Bộ Chính trị, cụ thể như sau:

Từ khi chi bộ có nghị quyết đề nghị công nhận đảng viên chính thức, cấp uỷ có thẩm quyền phải xem xét quyết định và thông báo kết quả cho chi bộ, không được để chậm quá 30 ngày; nếu quá thời hạn trên, mà không có lý do chính đáng thì cấp uỷ để chậm phải kiểm điểm trách nhiệm trước cấp uỷ cấp trên.

### ***2.4. Hướng dẫn khai và chứng nhận lý lịch của người xin vào Đảng (Mẫu 2-KNĐ)***

a) *Yêu cầu:* Người vào Đảng phải tự khai trung thực, đầy đủ, rõ ràng các nội dung trong lý lịch; không tẩy xoá, sửa chữa và nhờ người khác viết hộ.

b) *Nội dung khai lý lịch của người xin vào Đảng:*

01. Họ và tên đang dùng: viết đúng họ, chữ đệm và tên ghi trong giấy chứng minh thư nhân dân, bằng chữ in hoa, ví dụ: NGUYỄN VĂN HÙNG.
02. Nam, nữ: là nam thì gạch chữ "nữ", là nữ thì gạch chữ "nam".
03. Họ và tên khai sinh: viết đúng họ, chữ đệm và tên ghi trong giấy khai sinh.
04. Bí danh: viết các bí danh đã dùng (nếu có).
05. Ngày, tháng, năm sinh: viết đúng ngày, tháng, năm sinh đã ghi trong giấy khai sinh.
06. Nơi sinh: viết rõ thôn, xã, huyện, tỉnh, thành phố; số nhà, đường phố, phường, thị xã, quận, thành phố nơi cấp giấy khai sinh theo tên hiện dùng của hệ thống hành chính Nhà nước.
07. Quê quán: là nơi sinh sống của ông nội; cha đẻ; trường hợp cá biệt có thể ghi theo quê quán của người mẹ hoặc người nuôi dưỡng mình từ nhỏ (nếu không biết rõ bố, mẹ).  
Viết địa chỉ như mục 06 nêu trên.
08. Nơi ở hiện nay: là nơi đăng ký trong sổ hộ khẩu. Viết địa chỉ như mục 06 nêu trên.  
Nếu bản thân hiện nay đang tạm trú ở đâu thì viết thêm địa chỉ nơi tạm trú đó.
09. Dân tộc: viết tên dân tộc gốc của bản thân như: Kinh, Thái, Tày, Nùng, Mường... (nếu là con lai người nước ngoài thì ghi rõ quốc tịch, dân tộc của bố, mẹ là người nước ngoài).
10. Tôn giáo: trước khi vào Đảng theo tôn giáo

nào thì viết rõ (ví dụ: đạo Phật, đạo Thiên chúa, đạo Hồi, đạo Cao Đài, đạo Hoà Hảo... viết cả chức vụ trong tôn giáo - nếu có), nếu không theo đạo nào thì viết chữ "không".

11. Thành phần xã hội hoặc nghề nghiệp của bản thân: viết rõ là công nhân, nông dân, công chức, viên chức, nhân viên, thợ thủ công, bộ đội, nhà văn, nhà báo, chủ doanh nghiệp...; nếu sống phụ thuộc gia đình thì viết là học sinh, sinh viên hoặc chưa có việc làm.
12. Trình độ hiện nay:
  - Học vấn phổ thông: viết rõ đã học xong lớp mấy hệ 10 hay 12 năm, học chính quy hay bổ túc (ví dụ: 8/10 chính quy, 9/12 bổ túc).
  - Chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ: đã được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật gì thì viết theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp, thuộc chuyên ngành nào, học chính quy hay tại chức. Cụ thể như sau:
    - + Chuyên môn, nghiệp vụ: viết theo bằng cấp về chuyên môn, nghiệp vụ (ví dụ: Công nhân kỹ thuật hàn bậc 3, Trung cấp Thú y, Cao đẳng Sư phạm, Đại học nông nghiệp...).
    - + Học vị: viết rõ học vị theo bằng cấp về chuyên môn kỹ thuật (ví dụ: Tiến sĩ Toán học, Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Luật, Kỹ sư Cơ khí, Bác sĩ Ngoại khoa... theo đúng văn bằng) nếu có nhiều bằng thì ghi tất cả.

+ Học hàm: là danh hiệu được Nhà nước phong như: Giáo sư, Phó giáo sư.

- Lý luận chính trị: viết theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp như: sơ cấp, trung cấp, cao cấp, cử nhân; học hệ chính quy hay tại chức.

- Ngoại ngữ: viết đại học Anh ngữ, Pháp ngữ, tiếng Nga... (nếu tốt nghiệp đại học ngoại ngữ). Đối với hệ bồi dưỡng ngoại ngữ thì viết là: Anh, Pháp, Nga... trình độ A, B, C, D theo văn bằng hoặc chứng nhận đã được cấp. Nói được tiếng dân tộc thiểu số nào thì viết rõ tên dân tộc đó.

13. Ngày và nơi kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: viết rõ ngày, tháng, năm và nơi kết nạp vào Đoàn (chi đoàn, đoàn cơ sở, huyện, tỉnh hoặc cơ quan Trung ương).
14. Ngày và nơi kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ nhất (nếu có): viết rõ ngày, tháng, năm và nơi kết nạp vào Đảng (chi bộ, đảng bộ cơ sở, huyện, tỉnh hoặc cơ quan Trung ương).
15. Ngày và nơi công nhận chính thức lần thứ nhất (nếu có): viết như mục 14.
16. Người giới thiệu vào Đảng lần thứ nhất (nếu có): viết rõ họ, tên, chức vụ, đơn vị công tác, hiện nay ở đâu của từng người giới thiệu mình vào Đảng, nếu ban chấp hành đoàn cơ sở giới thiệu thì viết rõ tên đoàn thanh niên cơ sở và tổ chức đoàn thanh niên cấp trên

trực tiếp (nếu ban chấp hành công đoàn cơ sở giới thiệu thì cũng viết nội dung tương tự).

17. Lịch sử bản thân: tóm tắt quá trình từ thời niên thiếu cho đến ngày tham gia hoạt động xã hội (như ngày vào Đoàn thanh niên, ngày nhập ngũ, ngày thoát ly hoặc ngày vào hoạt động trong các tổ chức kinh tế, xã hội, ngày vào học ở các trường đại học, chuyên nghiệp...).
18. Những công tác, chức vụ đã qua: viết đầy đủ, rõ ràng, liên tục (theo tháng) từ khi tham gia hoạt động xã hội đến nay, từng thời gian làm việc gì? ở đâu? giữ chức vụ gì về Đảng, chính quyền, trong lực lượng vũ trang, các đoàn thể, các tổ chức văn hoá, giáo dục, khoa học, xã hội... (viết cả thời gian nhập ngũ, xuất ngũ, tái ngũ, đi học, đi chữa bệnh, đi nghỉ mát, tham quan nước ngoài, bị bắt, bị tù, bị đứt liên lạc hoặc không hoạt động nếu có...).
19. Đặc điểm lịch sử: viết rõ lý do bị ngừng sinh hoạt đảng (nếu có); có bị bắt, bị tù không (do chính quyền nào, từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu). Có tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu?). Đã tham gia các chức sắc gì trong các tôn giáo.
20. Những lớp đào tạo, bồi dưỡng đã qua: viết rõ đã học những lớp lý luận chính trị hay chuyên môn, nghiệp vụ nào, theo chương



trình gì; cấp nào mở, tên trường, thời gian học, ở đâu; học chính quy hay tại chức; tên văn bằng hoặc chứng chỉ được cấp.

21. Đi nước ngoài: viết rõ thời gian từ tháng năm nào đến tháng năm nào, đi nước nào (chỉ ghi các trường hợp đi học tập, lao động hợp tác, công tác... từ 3 tháng trở lên); do cấp nào cử đi.
22. Khen thưởng: viết rõ tháng năm, hình thức được khen thưởng (từ giấy khen trở lên), cấp nào quyết định; các danh hiệu được Nhà nước phong tặng: Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân...
23. Kỷ luật: viết rõ tháng năm, lý do sai phạm, hình thức kỷ luật (về kỷ luật đảng, chính quyền, đoàn thể từ khiển trách trở lên). Cấp nào quyết định.
24. Hoàn cảnh gia đình: viết rõ những người chủ yếu trong gia đình như:
  - Cha, mẹ đẻ (hoặc người nuôi dưỡng từ nhỏ), cha, mẹ vợ (hoặc cha, mẹ chồng), vợ (hoặc chồng). Viết rõ: họ và tên, năm sinh, nơi sinh, quê quán; chỗ ở, nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế, thái độ chính trị của từng người qua các thời kỳ:
  - + Về hoàn cảnh kinh tế từng người: viết rõ thành phần giai cấp trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong cải cách ruộng

đất năm 1954 (ở miền Bắc) hoặc trong cải tạo công, nông, thương nghiệp năm 1976 ở các tỉnh, thành phố phía Nam từ Quảng Trị trở vào như: cố nông, bản nông, trung nông, phú nông, địa chủ, công chức, viên chức, dân nghèo, tiểu thương, tiểu chủ, tiểu tư sản, tư sản... (nếu có sự thay đổi thành phần giai cấp cần viết rõ lý do). Nếu thành phần gia đình chưa được quy định ở các thời điểm nêu trên và hiện nay thì viết như nội dung hướng dẫn ở mục 11 nêu trên. Nguồn thu nhập, mức sống của gia đình hiện nay viết như mục 31 trong phiếu đảng viên tại điểm 2 (2.2) mục II, phần thứ nhất của Hướng dẫn này.

+ Về thái độ chính trị của từng người: viết rõ đã tham gia tổ chức cách mạng; làm công tác gì, giữ chức vụ gì? Tham gia hoạt động và giữ chức vụ gì trong tổ chức chính quyền, đoàn thể, đảng phái nào... của đế quốc hoặc chế độ cũ; hiện nay, những người đó làm gì? ở đâu? Nếu đã chết thì viết rõ lý do chết, năm nào? tại đâu?

- Anh chị em ruột của bản thân, của vợ (hoặc chồng); các con: viết rõ họ tên, năm sinh, chỗ ở, nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế, thái độ chính trị của từng người.

- Đối với ông, bà, nội ngoại: viết rõ họ tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp, thái độ chính trị của từng người.

25. Tự nhận xét: viết những ưu, khuyết điểm chính của bản thân về các mặt phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực công tác và quan hệ quần chúng từ khi phấn đấu vào Đảng đến nay; sự tín nhiệm của quần chúng và đảng viên ở đơn vị công tác đối với bản thân như thế nào ?
26. Cam đoan và ký tên: viết “Tôi cam đoan đã khai đầy đủ, rõ ràng và chịu trách nhiệm trước Đảng về những nội dung đã khai trong lý lịch”, viết rõ ngày, tháng, năm, ký tên, ghi rõ họ tên.
27. Nhận xét của chi uỷ chi bộ: Sau khi có kết quả thẩm tra, xác minh làm rõ các nội dung trong lý lịch của người xin vào Đảng, chi bộ kết luận, chi uỷ chi bộ viết rõ bản lý lịch đã khai đúng sự thật chưa? Không đúng ở điểm nào? Có vi phạm tiêu chuẩn lịch sử chính trị và chính trị hiện nay không? Quan điểm, lập trường, phẩm chất đạo đức, lối sống và quan hệ quần chúng... của người xin vào Đảng?
28. Chứng nhận của cấp uỷ cơ sở: Sau khi thẩm định lại kết quả thẩm tra, xác minh và làm rõ những vấn đề chưa rõ hoặc còn nghi vấn trong nội dung lý lịch của người xin vào Đảng; tập thể cấp uỷ cơ sở xem xét, kết luận thì đồng chí bí thư cấp uỷ viết rõ: "chứng nhận lý lịch của đồng chí... khai tại đảng bộ (hoặc chi bộ) cơ sở... là đúng sự thật; không (hoặc có) vi phạm lịch sử chính trị và chính trị hiện nay của người vào Đảng theo quy

định của Bộ Chính trị; có đủ (hoặc không đủ) điều kiện về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay để xem xét kết nạp đồng chí... vào Đảng", viết rõ ngày, tháng, năm, chức vụ, ký tên, họ và tên, đóng dấu của cấp uỷ cơ sở. Trường hợp cấp uỷ cơ sở chưa có con dấu, thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp xác nhận chữ ký của bí thư cấp uỷ cơ sở, viết rõ chức vụ, ký tên, đóng dấu của cấp uỷ.

### ***2.5. Nhận xét của cấp uỷ, tổ chức đảng,... nơi đến thẩm tra lý lịch của người xin vào Đảng***

*a) Nhận xét của ban thường vụ hoặc của ban chấp hành đảng bộ cơ sở nơi đến thẩm tra:*

Viết những nội dung cần thiết về lý lịch của người xin vào Đảng do cấp uỷ nơi có người xin vào Đảng yêu cầu, đã đúng (hay chưa đúng) với nội dung người xin vào Đảng đã khai trong lý lịch, đã được tập thể cấp uỷ hoặc ban thường vụ thống nhất; đồng chí thay mặt cấp uỷ hoặc ban thường vụ ký tên, viết rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu của cấp uỷ.

*b) Nhận xét của cơ quan tổ chức hoặc của thường trực cấp uỷ cấp trên cơ sở (nếu có).*

Viết những nội dung cần thiết về lý lịch của người xin vào Đảng do cấp uỷ nơi có người xin vào Đảng yêu cầu, đã được thường trực cấp uỷ hoặc lãnh đạo ban tổ chức của cấp uỷ thống nhất; đồng chí đại diện thường trực cấp uỷ hoặc lãnh đạo ban tổ chức ký tên, viết rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu của cấp uỷ hoặc của ban tổ chức.

c) Nội dung nhận xét nêu trên được viết trực tiếp vào mục “Nhận xét của cấp uỷ, tổ chức đảng...” ở phần cuối bản “Lý lịch của người xin vào Đảng” hoặc trong “Phiếu nhận xét lý lịch của người xin vào Đảng” khi thẩm tra xác minh lý lịch của người xin vào Đảng theo đường công văn.

## **2.6. Thời gian dự bị được Điều lệ Đảng quy định qua các kỳ đại hội của Đảng**

a) Điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương (thực hiện từ khi thành lập Đảng đến tháng 11-1951) quy định thời kỳ dự bị của đảng viên như sau:

Công nhân: 2 tháng, nông dân: 4 tháng, trí thức và thành phần khác: 6 tháng, những người phụ trách các đảng phái khác: 12 tháng.

b) Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam khoá II (thực hiện từ tháng 12-1951 đến tháng 8-1960) quy định thời kỳ dự bị của đảng viên như sau:

+ Thợ thuyền, cố nông, bần nông, dân nghèo: 6 tháng.

+ Trung nông, tiểu tư sản, trí thức: 1 năm.

+ Thuộc các tầng lớp khác: 2 năm.

+ Binh sĩ cách mạng thuộc thành phần giai cấp loại B (tức là trung nông, tiểu tư sản, trí thức) đã qua 3 năm được hưởng điều kiện loại A (là thợ thuyền, cố nông, bần nông, dân nghèo).

Những chiến sĩ cộng sản đặc biệt, khi được xét kết nạp vào Đảng thì có thể rút ngắn thời gian dự bị. Việc rút ngắn thời gian dự bị này sẽ do chi bộ quyết định và cấp trên chuẩn y.

Khi hết thời kỳ dự bị thì xét chuyển thành đảng viên chính thức. Nếu thấy chưa đủ điều kiện thì có thể kéo dài thời gian dự bị, nhiều nhất là gấp đôi, không đủ điều kiện thì đưa ra khỏi Đảng.

*c) Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam khoá III: (thực hiện từ tháng 9-1960 đến 12-1976) quy định thời kỳ dự bị của đảng viên như sau:*

Công nhân: 9 tháng, các thành phần khác: 1 năm, khi xét chuyển chính thức nếu chưa đủ điều kiện có thể kéo dài nhưng không quá 1 năm, hết thời gian kéo dài nếu không đủ điều kiện thì đưa ra khỏi Đảng.

Ở miền Nam, Điều lệ Đảng Nhân dân cách mạng quy định: công nhân, cố nông, bần nông, dân nghèo thành thị phải qua 9 tháng dự bị; trung nông, học sinh, sinh viên, trí thức tiểu tư sản phải qua 1 năm dự bị.

*d) Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá IV, từ tháng 12-1976 đến tháng 2-1982 và khoá V, từ tháng 3-1982 đến tháng 11-1986) quy định:*

+ Thời gian 1 năm đối với: công nhân đã trực tiếp sản xuất từ 5 năm trở lên; cán bộ, nhân viên và chiến sĩ hoạt động chuyên nghiệp từ 5 năm trở lên trong bộ máy của Đảng, Nhà nước, của các đoàn thể cách mạng và trong lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Thời gian 18 tháng đối với các thành phần và những trường hợp khác.

Hết thời gian dự bị nếu xét thấy không đủ tư cách để công nhận là đảng viên chính thức thì xoá tên trong danh sách đảng viên dự bị.

Thời gian dự bị tính từ ngày chi bộ tuyên bố kết nạp vào Đảng.

Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày được chi bộ quyết định công nhận là đảng viên chính thức.

*e) Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá VI, VII, VIII, IX và khoá X) từ tháng 12-1986 đến nay quy định:*

Người kết nạp vào Đảng phải trải qua một thời kỳ dự bị 12 tháng tính từ ngày chi bộ tuyên bố kết nạp. Trong thời kỳ dự bị chi bộ tiếp tục giáo dục...; nếu không đủ tư cách đảng viên thì đề nghị lên cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên dự bị.

## II. PHÁT THẺ ĐẢNG VIÊN, QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐẢNG VIÊN, GIỚI THIỆU SINH HOẠT ĐẢNG

Tổ chức thực hiện các công tác: phát thẻ đảng viên; quản lý hồ sơ đảng viên; giới thiệu sinh hoạt đảng phải theo đúng quy định tại Điều 6, Điều lệ Đảng; điểm 9, Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị và nội dung nêu tại điểm 7, 8, 9, Hướng dẫn số 03-HD/TCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương. Cụ thể về nghiệp vụ như sau:

### **1. Phát và quản lý thẻ đảng viên**

#### ***1.1. Quy trình làm thẻ, phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên***

*a) Làm thẻ đảng viên:*

- Sau khi chi bộ ra nghị quyết đề nghị công

nhận đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức; chi uỷ thu 2 ảnh chân dung (cỡ 2x3 cm) của đảng viên gửi cùng danh sách đề nghị phát thẻ đảng viên lên đảng uỷ cơ sở; đảng uỷ cơ sở xét, lập danh sách (theo mẫu 1) đề nghị cấp uỷ có thẩm quyền; ban tổ chức cấp uỷ có thẩm quyền tập hợp lập danh sách đề nghị (theo mẫu 1-TĐV) báo cáo ban thường vụ cấp uỷ; ban thường vụ xét, quyết định công nhận đảng viên chính thức cùng với việc xét, quyết định phát thẻ đảng viên (theo mẫu 2-TĐV) và quyết định phát thẻ cho cá nhân đảng viên (theo mẫu 3-TĐV).

- Khi có quyết định phát thẻ đảng viên, ban tổ chức của cấp uỷ hoàn thiện danh sách phát thẻ đảng viên theo các đợt (3-2, 19-5, 2-9, 7-11 hàng năm) trong máy vi tính truyền qua mạng hoặc copy ra USB (ở nơi chứa nối mạng máy vi tính) lên ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương; ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương xét, cho số thẻ đảng viên theo nội dung (tại điểm 1 (1.2), mục II của Hướng dẫn này) vào danh sách phát thẻ đảng viên trong máy vi tính, truyền qua mạng (hoặc copy ra USB) về máy tính của huyện uỷ và tương đương, giao thẻ đảng viên cho ban tổ chức huyện uỷ và tương đương; ban tổ chức huyện uỷ và tương đương hoàn thiện tám thẻ đảng viên theo nội dung tại điểm 1 (1.3), mục II của Hướng dẫn này, vào sổ phát thẻ đảng viên của đảng bộ, giao thẻ đảng viên cho cấp uỷ cơ sở.

- Việc xét, cấp lại thẻ đảng viên bị mất, đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng được tiến hành như sau:



Chi bộ căn cứ lý do bị mất, bị hỏng thẻ trong bản kiểm điểm của đảng viên để xét và thu 2 ảnh chân dung (cỡ 2 x 3cm) gửi cùng danh sách đề nghị đảng uỷ cơ sở; đảng uỷ cơ sở xét, gửi danh sách (theo mẫu 1A và 1B) đề nghị cấp uỷ có thẩm quyền; ban tổ chức của cấp uỷ có thẩm quyền tập hợp lập danh sách (theo mẫu 1A-TĐV và 1B-TĐV) báo cáo ban thường vụ cấp uỷ xét, ra quyết định cấp lại thẻ đảng viên bị mất (theo mẫu 4-TĐV), đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng (theo mẫu 4A-TĐV).

Sau khi có quyết định của cấp uỷ, ban tổ chức của cấp uỷ hoàn thiện danh sách cấp lại thẻ đảng viên bị mất và đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng theo các đợt (3-2, 19-5, 2-9, 7-11 hàng năm) trong máy vi tính, truyền theo mạng (hoặc copy ra USB) lên ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương; gửi ảnh của đảng viên và thẻ đảng bị hỏng của đảng viên lên ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương; ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương dùng thẻ đảng viên chưa có số in số thẻ đảng viên bị mất, bị hỏng của đảng viên bằng máy in màu (màu đỏ), đánh vi tính các yếu tố của đảng viên vào thẻ đảng viên, dán ảnh đảng viên, đóng dấu nổi vào ảnh đảng viên, ép nhựa bảo vệ thẻ đảng viên, giao thẻ đảng viên cho huyện uỷ và tương đương tổ chức trao thẻ cho đảng viên.

*b) Phát thẻ đảng viên:*

- Cấp uỷ cơ sở, sau khi nhận thẻ đảng của đảng viên, tổ chức hoặc chỉ đạo chi bộ tổ chức lễ phát

thẻ đảng cho đảng viên. Đồng chí bí thư hoặc phó bí thư cấp uỷ cơ sở thay mặt cấp uỷ trực tiếp trao thẻ đảng cho đảng viên.

- Hình thức trang trí như buổi lễ kết nạp đảng viên nêu tại điểm 3 (3.12)d Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương; tiêu đề “Lễ phát thẻ đảng viên”.

- Nội dung chương trình buổi lễ phát thẻ đảng viên gồm: chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu đến dự; đồng chí đại diện cấp uỷ đọc quyết định phát thẻ đảng viên; đồng chí bí thư hoặc phó bí thư cấp uỷ cơ sở trao thẻ đảng cho đảng viên, căn dặn đảng viên chấp hành quy định về sử dụng và bảo quản thẻ đảng viên; đảng viên nhận thẻ đảng hứa hẹn, ký vào sổ danh sách đảng viên của đảng bộ, chi bộ cơ sở; chào cờ, bế mạc.

*c) Quản lý thẻ đảng viên:*

- Tổ chức đảng và đảng viên phải thực hiện đúng nội dung sử dụng và bảo quản thẻ đảng viên nêu tại điểm 7 (7.2) Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương.

- Cấp uỷ cơ sở và cấp uỷ cấp trên trực tiếp của cơ sở sử dụng, bảo quản tốt sổ phát thẻ đảng viên (theo mẫu 5-TĐV), sổ giao nhận thẻ đảng viên (theo mẫu 6-TĐV); định kỳ hằng năm, cấp uỷ cơ sở tổ chức kiểm tra thẻ đảng viên, kịp thời xử lý thẻ đảng viên bị mất, bị hỏng của đảng viên.

- Sau mỗi đợt phát thẻ, ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương tập hợp danh sách phát thẻ đảng viên, danh sách cấp lại thẻ đảng viên bị mất,

danh sách đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng giao về Ban Tổ chức Trung ương qua mạng (hoặc USB) và 1 bản danh sách. Hằng năm sơ kết rút kinh nghiệm và gửi báo cáo kết quả phát thẻ đảng viên về Ban Tổ chức Trung ương.

## ***1.2. Phát hành thẻ đảng viên và cho số thẻ đảng viên***

### ***a) Phát hành thẻ đảng viên:***

- Mẫu thẻ đảng viên mới do Ban Bí thư ban hành (theo Quyết định số 85-QĐ/TW ngày 6-10-2003).

- Thẻ đảng viên do Ban Tổ chức Trung ương in ấn, phát hành và quản lý thống nhất.

- Các cấp uỷ trực thuộc Trung ương sử dụng thẻ đảng viên để phát cho đảng viên trong đảng bộ và quản lý theo chế độ mật.

### ***b) Cho số thẻ đảng viên:***

- Mỗi đảng viên mang một số thẻ đảng viên: Số thẻ đảng viên gồm có 8 chữ số, chia làm 2 nhóm: nhóm 1 gồm 2 chữ số đầu là số hiệu của các đảng bộ trực thuộc Trung ương, nhóm 2 gồm 6 chữ số liên tiếp nằm trong cụm số (từ 000.001 đến 999.999) theo Quy định số 01-QĐ/TCTW ngày 26-02-2002 của Ban Tổ chức Trung ương về “Ký hiệu, số hiệu và cụm số của các đảng bộ trực thuộc Trung ương”. Số thẻ đảng viên được in trong thẻ đảng viên.

*Ví dụ:* Đảng viên A được ghi số thứ tự (thứ 10) trong danh sách đổi thẻ đảng viên kèm theo Quyết định của Ban Thường vụ Đảng uỷ Dân, Chính,

Đảng tỉnh Hà Nam gửi về Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đầu tiên khi thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Ban Bí thư “Về việc đổi thẻ đảng viên” thì Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tiến hành cho số thẻ đảng viên của đảng viên A trong danh sách đổi thẻ đảng viên nêu trên là: 30.000010 (trong đó, hai chữ số đầu 30 là số hiệu của Đảng bộ tỉnh Hà Nam, sáu chữ số tiếp theo là dãy số nằm trong cụm số từ 000.001 đến 999.999 được ghi trong Quy định số 01-QĐ/TCTW của Ban Tổ chức Trung ương nêu trên).

- Ban tổ chức của cấp uỷ trực thuộc Trung ương chỉ cho số thẻ đảng viên và cấp thẻ đảng viên theo số lượng trong danh sách phát thẻ đảng viên (theo mẫu 1-TĐV) của các đảng bộ huyện và tương đương, với thứ tự số thẻ đảng viên liên tục từ nhỏ đến lớn theo trình tự thời gian nhận danh sách phát thẻ đảng viên của huyện uỷ và tương đương (không chia cụm số thẻ đảng viên cho các huyện uỷ và tương đương); dùng Bộ Chương trình quản lý thẻ đảng viên đánh số thẻ đảng viên vào danh sách phát thẻ đảng viên; sau mỗi đợt (3-2, 19-5, 2-9, 7-11 hàng năm) tổng hợp danh sách phát thẻ của đảng bộ trong máy tính, truyền theo mạng lên Ban Tổ chức Trung ương quản lý (gửi kèm theo 1 bản danh sách phát thẻ đảng viên).

### ***1.3. Hoàn thiện tấm thẻ đảng viên***

Sau khi nhận thẻ đảng viên, ban tổ chức huyện uỷ và tương đương tổ chức hoàn thiện tấm thẻ đảng viên như sau:

a) Căn cứ danh sách phát thẻ đảng viên đã được ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương phê duyệt, sử dụng Bộ Chương trình quản lý thẻ đảng viên nhập và in các yếu tố của đảng viên vào thẻ đảng viên bảo đảm kỹ thuật (theo Bộ Chương trình mẫu cài đặt trong máy vi tính).

*Chú ý:* Trước khi in vào thẻ đảng viên, cần kiểm tra đối chiếu các yếu tố của đảng viên trong danh sách phát thẻ đảng viên, phải đúng với các yếu tố và số thẻ đảng viên in trên thẻ đảng viên; chỉ đưa từng thẻ vào khay giấy máy in để in thẻ đảng viên.

b) Cắt ảnh đảng viên (theo cỡ 2 x 3 cm) bằng kim cắt ảnh; dán ảnh đảng viên vào thẻ đảng viên (bằng keo dán trắng trong).

c) Mang thẻ đảng viên đến ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương đóng dấu nổi của ban chấp hành đảng bộ tỉnh và tương đương vào góc phải của ảnh đảng viên (vành ngoài của con dấu tính từ dưới cầm trở xuống trong ảnh đảng viên).

d) Mang thẻ đảng viên về ép nhựa bảo vệ (được phát cùng với thẻ đảng viên) bằng máy ép plastic.

*Chú ý:* Dấu bảo vệ in sẵn trong tấm nhựa phải đặt trùng với vị trí ảnh của đảng viên trong thẻ đảng viên.

đ) Căn cứ thẻ đảng viên và danh sách phát thẻ đảng viên, vào sổ đổi và phát thẻ đảng viên (mẫu 5-TĐV); giao thẻ đảng viên cho cấp uỷ cơ sở (mẫu 6-TĐV), người nhận thẻ ký vào sổ.

e) Trường hợp thẻ đảng viên bị làm sai, làm

hỏng: mang thẻ đảng viên làm sai, làm hỏng và ảnh đảng viên về ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương để kiểm tra, làm lại thẻ.

Ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương dùng thẻ đảng viên chưa in số (không số) nhập và in số thẻ đảng viên làm sai, làm hỏng bằng máy in màu (màu đỏ), nhập và in các yếu tố của đảng viên vào thẻ đảng viên, dán ảnh đảng viên vào thẻ, đóng dấu nổi vào ảnh và giao thẻ cho huyện uỷ và tương đương tiếp tục hoàn thiện tám thẻ đảng viên, thu lại thẻ làm sai, làm hỏng để quản lý.

*Chú ý:* Việc cấp lại thẻ mất, đổi lại thẻ hỏng cho đảng viên bị mất, bị hỏng thẻ đảng viên, còn đủ tiêu chuẩn, cũng thực hiện tương tự như nội dung trên.

#### ***1.4. Sử dụng đúng các mẫu tài liệu về phát thẻ đảng viên (tại mục II, phụ lục I kèm theo)***

### **2. Quản lý hồ sơ đảng viên**

#### ***2.1. Hướng dẫn khai lý lịch đảng viên***

Sau khi được kết nạp vào Đảng, đảng viên viết lý lịch để tổ chức đảng quản lý. Nội dung viết như hướng dẫn về khai lý lịch của người xin vào Đảng tại điểm 2 (2.2) mục I của Hướng dẫn này; cụ thể như sau:

*a) Các nội dung từ 1 (họ và tên đang dùng) đến nội dung 24 (hoàn cảnh gia đình) viết đúng như hướng dẫn tại điểm 2 (2.3) mục I nêu trên. Riêng mục 24 thì:*

- Phần khai về anh, chị em ruột, các con và anh, chị em ruột vợ (hoặc chồng) chỉ viết rõ họ và tên, năm sinh (tuổi), chỗ ở, nghề nghiệp, công tác và thái độ chính trị hiện nay.

- Phần khai về ông, bà nội ngoại chỉ viết những người có đặc điểm chính trị ảnh hưởng tốt, xấu với bản thân. Ví dụ: là Lão thành cách mạng, Anh hùng... hoặc có tội ác, bị cách mạng xử lý.

b) *Cam đoan - Ký tên*: viết nội dung như mục 26 trong lý lịch của người xin vào Đảng tại điểm 2 (2.3) mục I của Hướng dẫn này.

c) *Chứng nhận của cấp ủy cơ sở*:

Có 2 mức chứng nhận:

- Nếu cấp ủy đã thẩm tra, kết luận đúng sự thật thì viết: "Chứng nhận lý lịch của đồng chí... khai tại đảng bộ, chi bộ cơ sở... là đúng sự thật".

- Nếu cấp ủy chỉ đối khớp với lý lịch kết nạp Đảng hoặc lý lịch cũ của đảng viên thấy đúng thì viết: "Chứng nhận lý lịch của đồng chí... theo đúng lý lịch kết nạp Đảng (hoặc lý lịch cũ)".

Viết ngày, tháng, năm, chức vụ, họ và tên đồng chí bí thư hoặc phó bí thư, ký tên, đóng dấu của cấp ủy cơ sở.

Trường hợp cấp ủy cơ sở chưa có con dấu, thì cấp ủy cấp trên trực tiếp xác nhận chữ ký, ghi rõ chức vụ, ký tên, đóng dấu.

## **2.2. Hướng dẫn khai phiếu đảng viên (mẫu 2 HSDV)**

a) *Khai các mục ở phần tiêu đề trong phiếu đảng viên*:

- Viết rõ tên các đảng bộ tỉnh và tương đương, huyện và tương đương, đảng bộ cơ sở, đảng bộ bộ phận và chi bộ mà đảng viên đang sinh hoạt đảng.

- Nếu là chi bộ cơ sở thì viết rõ tên chi bộ cơ sở vào tiếp sau dòng chữ "Đảng bộ, chi bộ cơ sở" không viết vào vị trí của chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở.

*b) Số lý lịch đảng viên:*

Mỗi đảng viên mang một số lý lịch; số lý lịch đảng viên gồm 6 chữ số và từ 1 đến 3 chữ ký hiệu, được viết vào 9 ô vuông in sẵn trong phiếu đảng viên, 9 ô vuông chia thành 2 nhóm: nhóm 1 có 6 ô để viết 6 chữ số, mỗi ô viết 1 chữ số theo thứ tự từ trái sang phải; nhóm 2 có 3 ô để viết 1 đến 3 chữ ký hiệu của tỉnh, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương, mỗi chữ ký hiệu được viết vào 1 ô theo thứ tự từ trái sang phải.

*c) Cách viết 6 chữ số vào 6 ô vuông trong nhóm 1 của số lý lịch đảng viên:*

- Ban Tổ chức Trung ương quy định thống nhất mỗi đảng bộ tỉnh, thành, đảng bộ trực thuộc Trung ương một cụm số như sau :

+ 64 đảng bộ tỉnh, thành phố và Đảng bộ Quân đội sử dụng cụm số từ 000 001 đến 999 999 cho mỗi đảng bộ.

+ Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương và Đảng bộ Công an Trung ương sử dụng cụm số từ 000 001 đến 099 999 cho mỗi đảng bộ.

- Ban tổ chức tỉnh, thành uỷ, đảng uỷ trực



thuộc Trung ương sử dụng cụm số nêu trên để quy định cụm số cho các đảng bộ cấp huyện và tương đương (cho cụm số nhiều hơn 2-3 lần số lượng đảng viên của từng đảng bộ trực thuộc), cụm số còn lại để dự phòng và thông báo các cụm số đó với Ban Tổ chức Trung ương.

*Ví dụ:* Đảng bộ quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (tại thời điểm cho cụm số) có số lượng đảng viên là 13.000 đảng viên, thì cho cụm số có số lượng nhiều hơn 3 lần là:  $13.000 \times 3 = 39.000$  lấy tròn là 40.000.

- Ban tổ chức huyện uỷ và tương đương sử dụng cụm số do tỉnh, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương quy định nêu trên để cho số lý lịch đối với từng đảng viên trong đảng bộ theo nguyên tắc sau:

+ Chỉ cấp số lý lịch đối với những đảng viên thuộc diện phải khai phiếu đảng viên tại đảng bộ gồm: những đảng viên đang sinh hoạt đảng chính thức, đảng viên được miễn sinh hoạt đảng và đảng viên mới được kết nạp.

+ Mỗi đảng viên chỉ mang một số lý lịch, số đó phải đủ 6 chữ số và phải ghi theo trình tự liên tục từ nhỏ đến lớn trong cụm số đã quy định của tỉnh và tương đương nêu trên.

*Ví dụ:* Đảng bộ quận Ba Đình (đến thời điểm viết phiếu đảng viên) có 13.000 đảng viên, cụm số Ban Tổ chức Thành uỷ Hà Nội quy định cho quận Ba Đình là từ 000 001 đến 040 000 (40.000 số), Ban Tổ chức Quận uỷ Ba Đình ghi số lý lịch đối với đảng viên trong đảng bộ theo trình tự từ 000

001 đến 013 000 (13.000 đảng viên) đang sinh hoạt đảng chính thức và được miễn sinh hoạt đảng của đảng bộ. Sau đó cho tiếp số lý lịch đối với đảng viên mới được kết nạp vào Đảng từ cụm số 013 001 cho đến 040.000.

*d) Cách viết ký hiệu của tỉnh, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương vào 3 ô vuông trong nhóm 2 của số lý lịch đảng viên:*

- Viết đúng ký hiệu do Ban Tổ chức Trung ương quy định đối với các đảng bộ tỉnh, thành phố và đảng bộ trực thuộc Trung ương (theo ký hiệu, số hiệu trong Quy định số 01-QĐ/TCTW ngày 26-12-2002 của Ban Tổ chức Trung ương).

- Viết các chữ trong ký hiệu theo kiểu chữ in hoa vào mỗi ô vuông trong nhóm 2 theo thứ tự từ trái sang phải.

*Ví dụ:* Đảng viên đầu tiên ở Đảng bộ quận Ba Đình cho cụm số 000 001 ký hiệu của Đảng bộ thành phố Hà Nội, Ban Tổ chức Trung ương quy định là: HN, số lý lịch của đảng viên này là:

0	0	0	0	0	1	H	N	
---	---	---	---	---	---	---	---	--

Số lý lịch đảng viên phải được tổ chức đảng nơi quản lý hồ sơ đảng viên, viết bổ sung vào lý lịch đảng viên (viết phía dưới dòng chữ số thẻ đảng viên trong bìa trước quyển lý lịch đảng viên) và lý lịch của người xin vào Đảng đã được kết nạp vào Đảng.

*đ) Số thẻ đảng viên:* viết số thẻ đảng viên

trong thẻ đảng đã được đổi và phát thẻ đảng viên từ khi thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW ngày 17-10-2003 của Ban Bí thư đến nay. Số thẻ đảng viên gồm 8 chữ số, mỗi chữ số được ghi vào một ô in sẵn trong phiếu đảng viên theo thứ tự từ trái sang phải. Ví dụ:

8	3
---	---

0	0	3	5	7	8
---	---	---	---	---	---

*e) Ảnh của đảng viên:*

- Ảnh của đảng viên được chụp theo kiểu chân dung, rõ hình, rõ nét, kích cỡ 3 x 4 cm, ảnh màu.

- Mỗi đảng viên giao cho tổ chức đảng 2 ảnh để dán vào phiếu đảng viên, lý lịch đảng viên.

*g) Khai các mục trong phiếu đảng viên:*

1. Họ và tên khai sinh: viết đúng họ tên đã ghi trong giấy khai sinh bằng chữ in hoa đậm nét, ví dụ: NGUYỄN VĂN HÙNG.

2. Nam, nữ: là nam thì viết chữ “Nam”, là nữ thì viết chữ “Nữ”.

3. Họ và tên đang dùng: viết họ, chữ đệm và tên như trong lý lịch đảng viên.

Các mục: 4 (sinh ngày); 5 (nơi sinh); 6 (quê quán); 7 (nơi đăng ký hộ khẩu); 8 (dân tộc); 9 (tôn giáo): Viết như nội dung tương ứng các mục (5, 6, 7, 8, 9, 10) tại điểm 2 (2.3)b, mục I Hướng dẫn này về khai lý lịch của người xin vào Đảng.

10. Thành phần gia đình: viết thành phần giai cấp của cha hoặc mẹ hoặc người nuôi dưỡng từ nhỏ theo quy định trong cải cách ruộng đất năm

1954 (ở miền Bắc) hoặc trong cải tạo công nông thương nghiệp năm 1976 ở các tỉnh, thành phía Nam từ Quảng Trị trở vào như: cố nông, bần nông, trung nông, phú nông, địa chủ, công chức, viên chức, dân nghèo, tiểu thương, tiểu chủ, tiểu tư sản, tư sản... Nếu thành phần gia đình chưa được quy định ở các thời điểm nêu trên thì viết như nội dung hướng dẫn ở mục 11 dưới đây.

11. Nghề nghiệp bản thân hiện nay, viết rõ: công nhân, nông dân, công chức, viên chức, nhân viên, thợ thủ công, bộ đội, nhà văn, nhà báo, chủ doanh nghiệp; nếu sống phụ thuộc gia đình thì viết là học sinh, sinh viên hoặc chưa có việc làm.

12. Công việc chính đang làm: viết rõ nghề nghiệp chính của mình hiện nay đang làm như: công nhân tiện, công nhân lái xe...; công chức nhà nước, cơ quan đảng, đoàn thể...; nhân viên đánh máy, tạp vụ, văn phòng...; thợ kỹ nghệ vàng bạc...; bác sĩ khoa ngoại, sĩ quan, chiến sĩ, công nhân quốc phòng...; sinh viên đại học luật, đại học kinh tế quốc dân... Đang làm việc trong doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá, tư nhân, liên doanh với nước ngoài..., cơ sở sản xuất hợp tác xã, hộ sản xuất cá thể, kinh tế hộ gia đình...

13. Ngày vào Đảng và ngày chính thức: viết ngày tháng năm được kết nạp vào Đảng, được công nhận là đảng viên chính thức (như trong lý lịch đảng viên); tại chi bộ: viết rõ tên chi bộ, đảng bộ cơ sở, huyện, tỉnh hoặc đảng bộ trực thuộc Trung ương.

Người giới thiệu vào Đảng: viết rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của từng người giới thiệu mình vào Đảng, hiện nay đang ở đâu; nếu ban chấp hành đoàn cơ sở giới thiệu thì viết rõ tên đoàn thanh niên cơ sở và tổ chức đoàn thanh niên cấp trên trực tiếp (nếu ban chấp hành công đoàn cơ sở giới thiệu thì cũng viết nội dung tương tự).

14. Ngày được tuyển dụng làm cán bộ, công chức:

Tham gia cách mạng trước 19-8-1945: viết ngày tháng năm tham gia hoạt động trong một tổ chức hoặc một đoàn thể do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

- Từ 20-8-1945 đến 7-1-1954: viết ngày tháng năm vào hoạt động trong một cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Đông Dương sau là Đảng Lao động Việt Nam, tham gia hoạt động trong hệ thống chính quyền, đoàn thể từ cấp cơ sở trở lên; ngày vào làm việc trong cơ quan, xí nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang.

- Từ 8-1-1954 đến 30-4-1975: các tỉnh phía Bắc (từ Vĩnh Linh, Quảng Bình trở ra): viết ngày tháng năm được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của Đảng Lao động Việt Nam, chính quyền, các đoàn thể chính trị, cơ quan, xí nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang... của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, được hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Các tỉnh phía Nam viết ngày tháng năm vào hoạt động trong một cơ quan, một tổ chức chính quyền, đoàn thể từ cấp cơ sở thuộc hệ thống tổ chức

của Đảng Lao động Việt Nam, Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam hay của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam; hoặc ngày được cách mạng giao nhiệm vụ rõ ràng và hoạt động liên tục.

- Từ 01-5-1975: Viết ngày tháng năm được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của Đảng Lao động Việt Nam (sau này là Đảng Cộng sản Việt Nam), chính quyền, các đoàn thể chính trị, các cơ quan, xí nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Đối với một số chức danh chủ chốt của Đảng, chính quyền cơ sở ở xã, phường, thị trấn (sau 7-1954 ở miền Bắc và sau 4-1975 ở miền Nam đến ngày Nhà nước ban hành Pháp lệnh cán bộ, công chức (ngày 26-02-1998) như: chủ tịch, phó chủ tịch, uỷ viên thư ký UBND; bí thư, phó bí thư, uỷ viên thường trực đảng uỷ xã, phường; xã đội trưởng, xã đội phó, chính trị viên trưởng, chính trị viên phó xã đội; trưởng và phó ban công an, an ninh xã) liên sau đó được tuyển vào cơ quan, đơn vị thành công nhân, viên chức... thì ngày tuyển dụng được tính từ ngày được hưởng lương thuộc ngân sách nhà nước.

- Từ ngày 26-02-1998 trở đi: viết ngày tháng năm được tuyển dụng làm cán bộ công chức theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Chú ý viết rõ tên cơ quan và địa chỉ cơ quan tuyển dụng làm công nhân, viên chức...

15. Ngày vào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: viết ngày tháng năm được kết nạp vào Đoàn.

16. Ngày tham gia các tổ chức chính trị xã hội khác như: Công đoàn, hội nông dân, hội chữ thập đỏ, hội liên hiệp thanh niên, hội cựu chiến binh, hội phụ nữ.

17. Ngày nhập ngũ, xuất ngũ: viết ngày đi bộ đội, công an hoặc thanh niên xung phong, làm nghĩa vụ quân sự hoặc bảo đảm giao thông, viết rõ quân hàm hoặc chức vụ cao nhất trong quân đội, công an, thanh niên xung phong. Nếu đã xuất ngũ (viết rõ ngày được phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu). Nếu được tái ngũ thì viết đầy đủ các lần tái ngũ, xuất ngũ đó.

18. Trình độ hiện nay: viết như nội dung mục 12 “trình độ hiện nay”, tại điểm 2 (2.3)b, mục I về khai lý lịch của người xin vào Đảng của Hướng dẫn này.

19. Tình trạng sức khỏe: viết tình hình sức khỏe bản thân hiện nay: chiều cao, tốt, trung bình, kém và có bệnh mãn tính gì?

- Thương binh loại: viết thương binh loại nào. Nếu được hưởng chế độ gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, viết chữ "x" vào ô vuông.

20. Số chứng minh nhân dân: viết số giấy chứng minh nhân dân đã được chính quyền Nhà nước cấp. Nếu đang là bộ đội viết số chứng minh quân đội.

21. Được miễn công tác và sinh hoạt đảng thì viết rõ ngày, tháng, năm, thời gian được miễn.

22. Tóm tắt quá trình nghề nghiệp và công tác:

Viết rõ từng giai đoạn theo nghề nghiệp và công tác: từ tháng năm nào đến tháng năm nào làm nghề gì, giữ chức vụ gì ở các cơ quan, đơn vị nào. Đảm bảo thời gian ghi được liên tục. Nếu có thời gian gián đoạn cũng được ghi rõ lý do.

23. Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ...:

Viết rõ học trường nào, chuyên ngành gì, thời gian từ tháng, năm nào đến tháng, năm nào. Hình thức học là chính quy hay tại chức...; đã được cấp bằng tốt nghiệp hay chứng chỉ tốt nghiệp, tên văn bằng hoặc chứng chỉ.

24. Khen thưởng: viết rõ tên, hạng huy chương, huân chương đã được Nhà nước tặng (kể cả huân, huy chương nước ngoài) và bằng khen đã được tặng. Được tặng năm nào.

25. Được tặng Huy hiệu Đảng: nếu đã được tặng loại Huy hiệu Đảng: 30, 40, 50, 60, 70, 80 năm nào, thì đánh dấu (x) vào các ô vuông tương ứng trong phiếu đảng viên.

26. Danh hiệu được phong: Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân..., được phong năm nào.

27. Kỷ luật: viết rõ hình thức đã bị xử lý kỷ luật của Đảng (khai trừ, cách chức, cảnh cáo, khiển trách); kỷ luật hành chính (buộc thôi việc, cách chức, cảnh cáo, khiển trách) nếu bị xử lý theo pháp luật (viết rõ: tù giam, tù án treo,



cảnh cáo pháp luật); tên cơ quan quyết định kỷ luật, thời gian bị kỷ luật, lý do bị kỷ luật. Nếu đã được sửa án kỷ luật thì viết rõ lý do, cấp nào ra quyết định...

28. Đặc điểm lịch sử bản thân:

a) Được kết nạp lại vào Đảng: viết như mục 13 nêu trên.

b) Được khôi phục đảng tịch: viết rõ ngày tháng năm, tại chi bộ, đảng bộ nào? Lý do được khôi phục và cấp ủy đảng ra quyết định.

c) Bị bắt, bị tù (do chính quyền nào, từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu).

d) Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc...).

29. Quan hệ với nước ngoài:

a) Đã đi nước ngoài: những nước nào, thời gian đi, đi làm gì, cấp nào cử đi (chỉ viết những lần đi nước ngoài từ 3 tháng trở lên).

b) Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, trụ sở đặt ở đâu...?).

c) Có thân nhân (cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (viết rõ: họ và tên, quan hệ, tên nước đang ở, làm gì, địa chỉ...).

30. Quan hệ gia đình:

Viết rõ họ tên, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, nơi ở hiện nay (trong, ngoài nước) của cha mẹ đẻ, cha

mẹ vợ hoặc chồng (hoặc người nuôi dưỡng bản thân từ nhỏ); vợ hoặc chồng, anh chị em ruột và các con đẻ, con nuôi.

31. Hoàn cảnh kinh tế của bản thân và gia đình: viết tại thời điểm kê khai.

+ Tổng thu nhập của hộ gia đình (trong 1 năm): gồm lương, các nguồn khác của bản thân và của các thành viên cùng sinh sống chung trong một hộ gia đình về kinh tế.

+ Nhà ở, đất ở, đất sản xuất, kinh doanh (viết rõ nguồn gốc: nhà được cấp, được thuê, tự mua, tự xây dựng, nhà được thừa kế, nhà được tặng hoặc cho; đất được giao quyền sử dụng, đất được thừa kế, đất do chuyển nhượng, đất được thuê... tổng diện tích) của bản thân và của các thành viên khác cùng sinh sống chung trong một hộ gia đình (thành viên nào đã ra ở riêng thì không khai ở đây).

+ Hoạt động kinh tế: viết rõ kinh tế cá thể, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân, chủ trang trại..., số lao động thuê mướn.

+ Những tài sản có giá trị lớn: viết những tài sản của bản thân và hộ gia đình có giá trị 50 triệu đồng trở lên như ô tô, tàu, thuyền.

*h) Quản lý phiếu đảng viên:*

- Quản lý và sử dụng phiếu đảng viên:

Thực hiện như nội dung tại điểm 8 (8.3)g, Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể thêm:

- Phiếu đảng viên của đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng và đảng viên đã từ trần được sắp xếp, quản lý cùng với hồ sơ của họ theo thứ tự trong “Sổ theo dõi đảng viên ra khỏi Đảng” và “Sổ theo dõi đảng viên từ trần” của đảng bộ.

- Đối với đảng viên chưa khai phiếu đảng viên, nhưng phải chuyển sinh hoạt đảng (cắt đảng số khỏi đảng bộ cũ) thì cấp uỷ huyện, thị và cấp tương đương nơi có đảng viên chuyển đi có giấy “chứng nhận chưa khai phiếu đảng viên” để đảng viên báo cáo với cấp uỷ nơi đến hướng dẫn khai phiếu đảng viên.

### ***2.3. Hướng dẫn khai phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên (mẫu 3-HSDV)***

a) Các mục ở phần tiêu đề trong phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên viết như nội dung tương ứng trong phiếu đảng viên; riêng mục số thẻ đảng viên viết theo số trong thẻ đảng (theo mẫu mới) của đảng viên đã được đổi hoặc phát.

b) Khai các mục trong phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên:

- Chỉ viết những mục có nội dung thay đổi so với năm trước, những mục không có thay đổi so với năm trước thì ghi vào mục đó chữ "K".

- Các mục đã có chỉ dẫn thì viết theo chỉ dẫn trong phiếu, các mục còn lại viết nội dung tương ứng như các mục đã hướng dẫn khai phiếu đảng viên ở điểm 2 (2.2) Hướng dẫn này.

c) Sử dụng và quản lý phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên:

- Chi uỷ chi bộ hướng dẫn, thu nhận, kiểm tra, xác nhận phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên, viết bổ sung những thay đổi vào danh sách đảng viên của chi bộ rồi chuyển phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên lên đảng uỷ cơ sở (nếu là chi bộ cơ sở thì chi uỷ xác nhận vào mục của cấp uỷ cơ sở).

- Cấp uỷ cơ sở sau khi đã kiểm tra, ký, xác nhận vào phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên, viết bổ sung những thay đổi vào lý lịch đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ rồi chuyển phiếu đó lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

- Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng kiểm tra, thu nhận phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên; viết bổ sung (bằng mực đỏ) những thay đổi vào các mục từ 22-27 và mục 29-30 trong phiếu đảng viên, danh sách đảng viên của đảng bộ; chuyển phiếu bổ sung hồ sơ về cấp uỷ quản lý hồ sơ đảng viên để quản lý thống nhất.

#### ***2.4. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên***

Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên là một nội dung quan trọng trong công tác đảng viên, các tổ chức đảng phải chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các nội dung sau:

*a) Xây dựng, quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu đảng viên theo Quy định số 08-QĐ/TCTW ngày 9-7-2003 của Ban Tổ chức Trung ương, trong*

*đó cần chú ý những vấn đề sau:*

- Về xây dựng cơ sở dữ liệu đảng viên:

+ Cơ sở dữ liệu đảng viên ở trong Đảng do Ban Tổ chức Trung ương quy định thống nhất các thông tin nhập vào cơ sở dữ liệu đảng viên (phiếu đảng viên, phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên, phiếu báo công nhận đảng viên chính thức, phiếu báo đảng viên chuyển sinh hoạt đảng, phiếu báo đảng viên từ trần) và các biểu báo thống kê khai thác cơ sở dữ liệu đảng viên (thông qua 10 biểu thống kê) chung cho cả 3 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện và tương đương). Các cấp uỷ cấp dưới không được bổ sung, sửa đổi vào các mẫu thông tin đầu vào và các biểu báo cáo thống kê nêu trên.

+ Việc nhập và khai thác cơ sở dữ liệu đảng viên phải sử dụng Bộ Chương trình quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên do Ban Tổ chức Trung ương quy định ở tất cả các cấp trong hệ thống tổ chức của Đảng, không được sử dụng bộ chương trình khác để quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên.

- Về quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên:

+ Cơ sở dữ liệu đảng viên là tài liệu mật của Đảng, các tổ chức đảng phải quản lý chặt chẽ theo chế độ bảo mật.

+ Cơ sở dữ liệu đảng viên của đảng bộ nào thì cấp uỷ đó có trách nhiệm quản lý, không được quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên của cấp uỷ cấp trên và các cấp uỷ khác.

+ Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên của đảng bộ là cơ quan tổ chức của cấp uỷ và phải

chịu trách nhiệm trước cấp uỷ việc quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên.

- Về sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên:

+ Các cấp uỷ đảng và cơ quan tham mưu của cấp uỷ được sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên để thực hiện công tác xây dựng đảng nói chung và công tác tổ chức xây dựng đảng. Các cơ quan khác muốn sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên thì phải được cấp uỷ cùng cấp đồng ý.

+ Cấp uỷ và cơ quan tham mưu của cấp uỷ cấp nào chỉ được sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên của cấp đó.

- Về chế độ trách nhiệm:

+ Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư và Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng về xây dựng, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên của toàn Đảng, thống nhất phục vụ yêu cầu chỉ đạo của Ban Bí thư, Bộ Chính trị. Ban hành các văn bản hướng dẫn, kiểm tra các cấp uỷ cấp dưới tổ chức thực hiện.

+ Các ban tổ chức của cấp uỷ trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp cấp uỷ chỉ đạo thực hiện việc xây dựng, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên của đảng bộ; hướng dẫn; kiểm tra các cấp uỷ cấp dưới thực hiện.

+ Cấp uỷ huyện và tương đương trực tiếp chỉ đạo thực hiện việc xây dựng, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên của đảng bộ, hướng dẫn, kiểm tra các cấp uỷ trực thuộc thực hiện.

+ Cấp uỷ cơ sở tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên của đảng bộ theo chỉ đạo của cấp uỷ cấp trên; kịp thời lập và gửi phiếu đảng viên, phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên, các phiếu báo về đảng viên lên cấp uỷ cấp trên theo quy định.

+ Chi bộ đảng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thu nhận phiếu đảng viên, phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên; thẩm tra, xác minh làm rõ những nội dung trong phiếu đảng viên trước khi gửi lên cấp uỷ cơ sở.

+ Trách nhiệm của người sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên: những cá nhân có thẩm quyền khai thác cơ sở dữ liệu đảng viên theo quy định tại Điều 10, Quy định 08-QĐ/TCTW của Ban Tổ chức Trung ương, phải sử dụng đúng mục đích, bảo đảm bí mật thông tin của tổ chức và cá nhân đảng viên; không được sử dụng vào các mục đích riêng.

*b) Thực hiện chế độ nhập, cập nhật, đồng bộ và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu đảng viên theo Quy định số 02-QĐ/BTCTW ngày 03-7-2006 của Ban Tổ chức Trung ương, cần quan tâm những vấn đề sau:*

- Các thông tin phải nhập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu đảng viên gồm: những thay đổi về mã số tổ chức của tổ chức đảng trực thuộc; phiếu đảng viên (mẫu 2-HSĐV) của đảng viên mới kết nạp, được kết nạp lại và được khôi phục đảng tịch; các biến động về đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức (mẫu 11-SHĐ), đảng viên được công

nhận chính thức (mẫu 4-HSĐV), đảng viên ra khỏi Đảng (mẫu 5-HSĐV), đảng viên từ trần (mẫu 6-HSĐV) và các thay đổi của đảng viên theo phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên (mẫu 3-HSĐV).

- Thực hiện đúng chế độ đồng bộ cơ sở dữ liệu đảng viên: hàng tuần huyện uỷ và tương đương đồng bộ về tỉnh uỷ và tương đương (theo lịch của ban tổ chức của cấp uỷ); hàng tháng tỉnh uỷ và tương đương đồng bộ về Ban Tổ chức Trung ương (theo lịch của Ban Tổ chức Trung ương) và đồng bộ cơ sở dữ liệu đảng viên đột xuất theo yêu cầu của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp trên.

- Thực hiện chế độ khai thác cơ sở dữ liệu đảng viên:

+ Thẩm quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên thực hiện đúng nội dung tại mục III, Quy định số 08-QĐ/TCTW ngày 9-7-2003.

+ Ban tổ chức của cấp uỷ sử dụng Bộ Chương trình quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên ở tỉnh uỷ, huyện uỷ và tương đương cung cấp các thông tin từ cơ sở dữ liệu đảng viên phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ theo định kỳ: hàng tháng tổng hợp các biểu thống kê số 1, số 2 và số 3-TCTW (thời điểm chốt số liệu báo cáo vào ngày cuối tháng); định kỳ 6 tháng tổng hợp các biểu thống kê số 1, số 2, số 3, số 4, số 5, số 6, số 8 và số 9-TCTW (thời điểm chốt số liệu vào ngày 30-6 hàng năm); hàng năm tổng hợp tất cả các biểu từ số 1 đến số 9-TCTW (thời điểm chốt số liệu báo cáo vào ngày 31-12 hàng năm, riêng biểu số 7A, 7B-



TCTW là ngày 31-1 năm kế tiếp của năm báo cáo). Cung cấp đột xuất các biểu thống kê trên và các chỉ tiêu liên quan đến đội ngũ đảng viên của đảng bộ theo chỉ đạo của cấp uỷ và của cấp uỷ cấp trên.

+ Từ tháng 1-2009 trở đi cấp uỷ cấp dưới báo cáo cấp uỷ cấp trên các biểu thống kê thông qua mạng thông tin của Đảng theo thời gian như sau: huyện uỷ và tương đương báo cáo về tỉnh uỷ và tương đương sau 3 ngày, tỉnh uỷ và tương đương báo cáo về Ban Tổ chức Trung ương sau 5 ngày kể từ thời điểm chốt số liệu tổng hợp báo cáo.

*c) Trang bị kỹ thuật và bố trí cán bộ đáp ứng yêu cầu xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên:*

- Về trang bị kỹ thuật (xây dựng mạng LAN, bảo mật và đường truyền cơ sở dữ liệu đảng viên) thực hiện theo Quy định số 13-QĐ/BTCTW ngày 19-5-2005 của Ban Tổ chức Trung ương; Công văn số 535-CV/CNTT ngày 27-10-2005 của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng và Kế hoạch số 15-KH/VPTW ngày 31-01-2005 của Văn phòng Trung ương Đảng.

- Về bố trí cán bộ công nghệ thông tin (sử dụng Bộ Chương trình quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên ở ban tổ chức của cấp uỷ và quản trị mạng, ở văn phòng cấp uỷ từ cấp huyện trở lên) thực hiện theo Công văn số 3257-CV/TCTW ngày 9-9-2003 và Kế hoạch số 16-KH/TCTW ngày 8-7-2003 của Ban Tổ chức Trung ương. Cần chú ý:

+ Ở tỉnh uỷ và tương đương: bố trí 2 cán bộ có trình độ đại học tin học (1 cán bộ sử dụng Bộ

Chương trình quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên và các dữ liệu về tổ chức xây dựng đảng ở ban tổ chức của cấp uỷ; 1 cán bộ quản trị mạng chung của tỉnh uỷ ở văn phòng cấp uỷ); đồng thời kiện toàn Phòng Công nghệ thông tin - Cơ yếu theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

+ Ở huyện uỷ và tương đương: bố trí 2 cán bộ có trình độ kỹ thuật viên tin học trở lên (1 cán bộ ở ban tổ chức và 1 cán bộ ở văn phòng cấp uỷ) để thực hiện các nhiệm vụ như trên.

*d) Chuẩn bị các điều kiện thực hiện tốt chỉ đạo của Ban Bí thư trong Thông báo số 06-TB/TW ngày 15-6-2006 “Về việc ban hành Đề án tin học hoá hoạt động của cơ quan đảng giai đoạn 2006-2010”; trong đó, việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên cần chú ý những nội dung sau:*

- Tổ chức nhập cả 4 trang trong phiếu đảng viên của các đảng viên trong đảng bộ vào cơ sở dữ liệu đảng viên.

- Thực hiện Bộ Chương trình quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên được nâng cấp giai đoạn 2006-2010, trong đó có nội dung cấp cơ sở tiến hành xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên trên mạng công nghệ thông tin của Đảng.

- Bổ sung mã số tổ chức trong hệ thống tổ chức của Đảng và sử dụng Website hỗ trợ kỹ thuật việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên trên mạng công nghệ thông tin của Đảng.

Các nội dung trên được triển khai thực hiện

theo kế hoạch của Ban Tổ chức Trung ương.

### ***2.5. Sử dụng đúng các mẫu tài liệu về quản lý hồ sơ đảng viên (tại mục III, phụ lục I kèm theo)***

#### **3. Giới thiệu sinh hoạt đảng**

Đảng viên phải kịp thời xuất trình quyết định của cấp có thẩm quyền cho chuyển công tác, thay đổi nơi cư trú, đi học tập, lao động, được nghỉ hưu, nghỉ mất sức, phục viên, đi công tác biệt phái hoặc đến làm hợp đồng ở các cơ quan, doanh nghiệp... và bản tự kiểm điểm về ưu, khuyết điểm thực hiện nhiệm vụ đảng viên của năm trước và thời gian trước thời điểm chuyển sinh hoạt đảng, báo cáo chi uỷ, chi bộ xét làm thủ tục giới thiệu sinh hoạt đảng theo quy định.

#### ***3.1. Quy trình giới thiệu sinh hoạt đảng***

##### ***3.1.1. Chuyển sinh hoạt đảng chính thức (cắt đảng số ở đảng bộ)***

a) Chuyển sinh hoạt đảng chính thức ở trong nước:

- Chi uỷ (kể cả chi uỷ cơ sở) nơi có đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức đi, sau khi kiểm tra kỹ (quyết định của cấp có thẩm quyền cho đảng viên chuyển công tác, học tập, thay đổi nơi cư trú..., bản tự kiểm điểm và thẻ đảng của đảng viên) viết ô số 1 trong giấy giới thiệu sinh hoạt đảng "Loại 10 ô" giới thiệu đảng viên đến cấp uỷ cấp trên trực tiếp như: đảng uỷ bộ phận hoặc

đảng uỷ cơ sở, hoặc ban thường vụ huyện uỷ và tương đương (nếu chi bộ cơ sở trực thuộc đảng bộ huyện và tương đương), hoặc ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương (nếu chi bộ cơ sở trực thuộc đảng bộ tỉnh và tương đương).

- Đảng uỷ bộ phận kiểm tra, viết ô số 2 giới thiệu đảng viên đến đảng uỷ cơ sở.

- Đảng uỷ cơ sở kiểm tra, viết nhận xét vào bản kiểm điểm của đảng viên; viết ô số 3 giới thiệu đảng viên đến cấp uỷ cấp trên trực tiếp như: ban thường vụ huyện uỷ và tương đương, hoặc ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương (nếu đảng bộ cơ sở trực thuộc đảng bộ tỉnh và tương đương), niêm phong hồ sơ đảng viên (nếu đã được giao quản lý hồ sơ đảng viên) giao cho đảng viên báo cáo cấp uỷ nơi đến.

- Ban thường vụ huyện uỷ và tương đương kiểm tra, viết ô số 4 giới thiệu đảng viên đến cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên sẽ chuyển đến như: ban thường vụ huyện uỷ và tương đương, hoặc ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương (nếu tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên chuyển đến trực thuộc đảng bộ tỉnh và tương đương), hoặc Đảng uỷ ngoài nước (nếu đảng viên chuyển sinh hoạt đảng ra ngoài nước); kiểm tra đầy đủ các tài liệu trong hồ sơ đảng viên (hồ sơ quản lý, hồ sơ kết nạp, phiếu đảng viên và các tài liệu liên quan khác), niêm phong hồ sơ đảng viên giao cho đảng viên mang theo; viết 2 phiếu

báo chuyển sinh hoạt đảng (1 phiếu gửi bằng đường công văn đến cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên chuyển đến, 1 phiếu gửi ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương để báo cáo).

- Ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương; cơ quan chính trị của đảng uỷ quân khu, quân đoàn, quân, binh chủng, các tổng cục và tương đương trong Đảng bộ Quân đội, Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân nơi đảng viên chuyển đi kiểm tra, viết ô số 5 giới thiệu đảng viên đến cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên sẽ chuyển đến như: ban thường vụ huyện uỷ và tương đương, ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương, hoặc Đảng uỷ ngoài nước; kiểm tra và niêm phong hồ sơ đảng viên giao cho đảng viên mang theo; viết phiếu báo chuyển sinh hoạt đảng gửi theo đường công văn đến cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên chuyển đến; viết ô số 6 để tiếp nhận và giới thiệu đảng viên về cấp uỷ cấp dưới trực tiếp như: ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp của cấp uỷ cơ sở, hoặc đảng uỷ cơ sở hoặc chi uỷ cơ sở trực thuộc nơi đảng viên chuyển đến sinh hoạt; kiểm tra, thu nhận, quản lý toàn bộ hồ sơ đảng viên (nếu cấp uỷ cơ sở đã được giao quản lý hồ sơ đảng viên thì niêm phong hồ sơ đảng viên giao cho đảng viên mang theo).

- Ban thường vụ huyện uỷ và tương đương nơi đảng viên chuyển đến, kiểm tra, viết ô số 7 để tiếp nhận và giới thiệu đảng viên về cấp uỷ cấp dưới

trực tiếp như: đảng uỷ cơ sở, hoặc chi uỷ cơ sở nơi đảng viên chuyển đến sinh hoạt; kiểm tra, thu nhận, quản lý hoặc chuyển hồ sơ đảng viên như trên.

- Đảng uỷ cơ sở nơi đảng viên chuyển đến: kiểm tra, thu nhận hồ sơ đảng viên để quản lý (nếu được giao quản lý), viết ô số 8 để tiếp nhận và giới thiệu đảng viên về đảng uỷ bộ phận (nếu có), hoặc chi uỷ chi bộ nơi đảng viên chuyển đến sinh hoạt.

- Đảng uỷ bộ phận nơi đảng viên chuyển đến, viết ô số 9 để tiếp nhận và giới thiệu đảng viên về chi uỷ chi bộ nơi đảng viên chuyển đến sinh hoạt.

- Chi uỷ (kể cả chi uỷ cơ sở) viết ô số 10 tiếp nhận đảng viên về sinh hoạt và chuyển giấy giới thiệu sinh hoạt đảng của đảng viên lên đảng uỷ cơ sở để quản lý theo quy định; nếu là chi uỷ cơ sở thì trực tiếp quản lý giấy giới thiệu sinh hoạt đảng đó.

- Hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng chính thức gồm:

+ Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức (loại 10 ô).

+ Phiếu đảng viên (khi đảng viên chuyển sinh hoạt đảng ra khỏi đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng).

+ Thẻ đảng viên,

+ Hồ sơ đảng viên.

+ Bản tự kiểm điểm đảng viên, có nhận xét của cấp uỷ cơ sở nơi giới thiệu đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức.

b) Chuyển sinh hoạt đảng chính thức ra ngoài nước:

- Đảng uỷ ngoài nước: sau khi kiểm tra toàn bộ hồ sơ đảng viên chuyển sinh hoạt đảng từ tổ chức đảng trong nước chuyển đến, dùng giấy giới thiệu sinh hoạt đảng "loại 2 ô", viết ô số 1 để tiếp nhận đảng viên và lưu giữ giấy giới thiệu sinh hoạt đảng đó cùng với toàn bộ hồ sơ của đảng viên.

- Đảng uỷ ngoài nước thông báo danh sách đảng viên đó đến cấp uỷ của ta ở ngoài nước nơi đảng viên đến theo dõi quản lý theo quy định; đảng viên ra ngoài nước, báo cáo với cấp uỷ nơi đến để được tiếp nhận sinh hoạt đảng và làm nhiệm vụ đảng viên.

- Khi đảng viên trở về nước, cấp uỷ ở ngoài nước ghi nhận xét vào bản tự kiểm điểm của đảng viên trong thời gian ở ngoài nước, giao cho đảng viên để báo cáo với Đảng uỷ ngoài nước xét, làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng về trong nước.

- Đảng uỷ ngoài nước căn cứ bản kiểm điểm của đảng viên và nhận xét của cấp uỷ ở ngoài nước để viết tiếp vào ô số 2 giấy giới thiệu sinh hoạt đảng "loại 2 ô" của đảng viên để tiếp nhận và giới thiệu đảng viên về cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên sẽ chuyển đến như: ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương (nếu tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên về trực thuộc đảng bộ tỉnh và tương đương), hoặc ban thường vụ huyện uỷ và tương đương, kiểm tra và niêm

phong hồ sơ đảng viên giao cho đảng viên mang theo cùng với giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức của đảng viên lúc chuyển đi để báo cáo với cấp uỷ nơi chuyển đến.

- Các cấp uỷ cấp trên của tổ chức cơ sở đảng và chi uỷ chi bộ nơi đảng viên sẽ chuyển đến, sử dụng giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức của đảng viên lúc chuyển đi để làm tiếp thủ tục tiếp nhận đảng viên về sinh hoạt đảng tại chi bộ theo trình tự nêu ở điểm (a) nói trên.

Trường hợp đảng viên về trong nước, nhưng chưa có nơi tiếp nhận công tác thì Đảng uỷ ngoài nước làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức cho đảng viên về đảng bộ nơi cư trú, khi có quyết định nhận công tác, cấp uỷ nơi đảng viên cư trú làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên đến đảng bộ nơi nhận công tác.

Trong thời gian đảng viên ở ngoài nước, nếu đảng viên được cơ quan chủ quản và đại sứ quán hoặc cơ quan đại diện của Nhà nước ta cho phép chuyển sang nước khác, thì cấp uỷ nơi đảng viên chuyển đi ghi nhận xét vào bản tự kiểm điểm của đảng viên trong thời gian ở tại nước đó, giao cho đảng viên để báo cáo với cấp uỷ nơi chuyển đến để tiếp tục sinh hoạt đảng và làm nhiệm vụ đảng viên. Cấp uỷ nơi đảng viên chuyển đi báo cáo danh sách đảng viên đó về Đảng uỷ ngoài nước để thông báo cho cấp uỷ nơi đảng viên sẽ chuyển đến.

Trường hợp đảng viên đã làm xong thủ tục



chuyển sinh hoạt đảng chính thức đến Đảng uỷ ngoài nước, nhưng lại có quyết định không ra ngoài nước nữa, thì Đảng uỷ ngoài nước viết vào ô số 6 giấy giới thiệu sinh hoạt đảng của đảng viên để tiếp nhận và giới thiệu đảng viên trở lại đảng bộ nơi giới thiệu đảng viên đi. Trường hợp đảng viên trở về tổ chức cơ sở đảng trực thuộc tỉnh uỷ và tương đương thì Đảng uỷ ngoài nước không ghi vào ô số 6 giấy giới thiệu, làm công văn riêng theo hướng dẫn tại điểm 9 (9.3)c Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương để ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương viết ô số 6 tiếp nhận và giới thiệu đảng viên trở lại đảng bộ nơi giới thiệu đi.

- Đối với đảng viên đi làm việc theo thời vụ, lưu động thường xuyên theo công trình hợp tác ở nước ngoài, không cắt biên chế ở cơ quan, doanh nghiệp... thì tổ chức đảng nơi cử đảng viên đi thành lập chi bộ hoặc tổ đảng sinh hoạt theo hệ thống tổ chức đảng của cơ quan, doanh nghiệp... và thông báo cho Đảng uỷ ngoài nước biết để cùng phối hợp quản lý.

### *3.1.2. Chuyển sinh hoạt đảng tạm thời (không cắt đảng số ở đảng bộ)*

a) Chuyển sinh hoạt đảng tạm thời ở trong nước:

- Chi uỷ (kể cả chi uỷ cơ sở) nơi có đảng viên chuyển sinh hoạt đảng tạm thời đi, sau khi kiểm tra kỹ (quyết định của cấp có thẩm quyền cho đảng viên đi công tác, học tập..., bản tự kiểm điểm và thẻ đảng của đảng viên) viết ô số 1 giấy giới

thiệu sinh hoạt đảng tạm thời "loại 8 ô" để giới thiệu đảng viên đến đảng uỷ cơ sở; nếu là chi uỷ cơ sở thì giới thiệu đảng viên đến đảng uỷ cơ sở, hoặc chi uỷ cơ sở nơi đảng viên sẽ đến sinh hoạt đảng tạm thời.

- Đảng uỷ cơ sở nơi có đảng viên chuyển đi, kiểm tra, viết tiếp ô số 2 giới thiệu đảng viên đến đảng uỷ cơ sở hoặc chi uỷ cơ sở nơi đảng viên sẽ đến sinh hoạt đảng tạm thời.

- Đảng uỷ cơ sở nơi đảng viên chuyển đến sinh hoạt đảng tạm thời: kiểm tra, viết tiếp ô số 3 tiếp nhận và giới thiệu đảng viên về chi uỷ chi bộ trực thuộc; chi uỷ hoặc chi uỷ cơ sở viết ô số 4 để tiếp nhận đảng viên đến sinh hoạt đảng tạm thời.

- Khi đảng viên hoàn thành nhiệm vụ trở về: chi uỷ, hoặc chi uỷ cơ sở nơi đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời kiểm tra, ghi nhận xét vào bản tự kiểm điểm của đảng viên, viết tiếp ô số 5 giới thiệu đảng viên đến đảng uỷ cơ sở; nếu là chi uỷ cơ sở thì giới thiệu đảng viên đến đảng uỷ cơ sở, hoặc chi uỷ cơ sở nơi đảng viên sẽ trở về.

- Đảng uỷ cơ sở nơi đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời kiểm tra, viết tiếp ô số 6 giới thiệu đảng viên đến đảng uỷ cơ sở, hoặc chi uỷ cơ sở nơi đảng viên sẽ trở về.

- Đảng uỷ cơ sở nơi đảng viên trở về, kiểm tra, viết tiếp ô số 7 tiếp nhận và giới thiệu đảng viên trở về chi uỷ chi bộ trực thuộc. Chi uỷ hoặc chi uỷ cơ sở tiếp nhận đảng viên vào ô số 8 cho đảng viên sinh hoạt chi bộ, đồng thời chuyển giấy sinh hoạt

đảng của đảng viên lên đảng uỷ cơ sở quản lý theo quy định.

- Tài liệu chuyển sinh hoạt đảng tạm thời gồm:

+ Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời (loại 8 ô).

+ Thẻ đảng viên hoặc quyết định kết nạp đảng viên (nếu là đảng viên dự bị).

+ Bản tự kiểm điểm đảng viên, có nhận xét của cấp uỷ cơ sở nơi đảng viên chuyển đi và nơi đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời khi trở về.

b) Chuyển sinh hoạt đảng tạm thời ra ngoài nước:

- Chi uỷ chi bộ nơi có đảng viên chuyển sinh hoạt đảng tạm thời ra ngoài nước, sau khi kiểm tra (quyết định của cấp có thẩm quyền cho đảng viên ra ngoài nước công tác, học tập... thời gian từ 3 tháng đến dưới 1 năm; bản tự kiểm điểm và thẻ đảng của đảng viên) viết ô số 1 giấy giới thiệu “Loại 8 ô” giới thiệu đảng viên đến đảng uỷ cơ sở; đảng uỷ cơ sở kiểm tra, viết tiếp ô số 2 giới thiệu đảng viên đến đảng uỷ hoặc chi uỷ cơ sở ở ngoài nước nơi đảng viên sẽ chuyển đến sinh hoạt, viết “Phiếu công tác ngoài nước” giao cho đảng viên báo cáo với đảng uỷ hoặc chi uỷ cơ sở ở ngoài nước xét, tiếp nhận sinh hoạt đảng (đảng viên không phải qua Đảng uỷ ngoài nước), đồng thời gửi danh sách trích ngang của đảng viên đó về Đảng uỷ ngoài nước để theo dõi và thông báo cho tổ chức đảng ở ngoài nước biết tiếp nhận đảng viên đến sinh hoạt.

Đối với chi uỷ chi bộ cơ sở cũng làm đầy đủ các nội dung trên, viết ô số 1 giấy giới thiệu “Loại 8 ô”

giới thiệu đảng viên đến đảng uỷ hoặc chi uỷ cơ sở ở ngoài nước xét, tiếp nhận đảng viên đến sinh hoạt đảng tạm thời.

- Khi đảng viên hoàn thành nhiệm vụ trở về trong nước, đảng uỷ hoặc chi uỷ cơ sở ở ngoài nước ghi nhận xét vào bản kiểm điểm của đảng viên để đảng viên báo cáo với đảng uỷ hoặc chi uỷ cơ sở nơi đã giới thiệu đảng viên đi xét, làm thủ tục tiếp nhận đảng viên trở về sinh hoạt; thủ tục tiếp nhận đảng viên như sau:

Đảng uỷ cơ sở viết tiếp ô số 7 giấy giới thiệu khi giới thiệu đảng viên đi để tiếp nhận và giới thiệu đảng viên đến chi bộ trực thuộc, chi uỷ viết ô số 8 tiếp nhận đảng viên về sinh hoạt, đồng thời chuyển giấy sinh hoạt đảng của đảng viên lên đảng uỷ cơ sở quản lý theo quy định; chi uỷ cơ sở cũng viết vào ô số 8 giấy giới thiệu để tiếp nhận đảng viên trở về sinh hoạt.

- Nội dung trong “Phiếu công tác ở ngoài nước” và một số nội dung cụ thể có liên quan thực hiện theo Hướng dẫn số 755-HD/BCSĐNN ngày 30-10-2003 và Công văn số 793-CV/BCSĐNN ngày 4-12-2003 của Đảng uỷ ngoài nước.

c) Xét gia hạn thêm thời gian sinh hoạt đảng tạm thời:

Đảng viên đến ở với người thân (vợ, chồng, bố, mẹ, con, cháu...) cần ở thêm một thời gian; đi công tác biệt phái, đi làm hợp đồng (do yêu cầu công tác đảng viên phải ở lại một thời gian dưới 1 năm); đảng viên đi học ở trong nước (do yêu cầu

học tập phải ở lại một thời gian dưới 2 năm); đảng viên nghỉ chờ việc làm (do chưa có việc làm); đảng viên đang công tác, học tập, lao động, tham quan, chữa bệnh... ở ngoài nước (do yêu cầu công tác và việc riêng được cơ quan chủ quản ở trong nước, sứ quán, hoặc tổng lãnh sự quán, trưởng đoàn đại diện của Nhà nước ta ở nước sở tại đồng ý cho ở lại thêm một thời gian dưới 1 năm) thì phải làm văn bản báo cáo với cấp uỷ cơ sở nơi đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời ở trong nước, hoặc đảng uỷ ngoài nước (đối với đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời ở ngoài nước) xem xét, viết thời gian gia hạn thêm vào giấy giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời của đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời ở trong nước hoặc viết thời gian gia hạn thêm vào phiếu công tác ở ngoài nước của đảng viên sinh hoạt tạm thời ở ngoài nước; đảng viên có trách nhiệm báo cáo với cấp uỷ cơ sở nơi sinh hoạt đảng chính thức để theo dõi.

### *3.1.3. Chuyển giao tổ chức và chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên ở tổ chức đảng giải tán, giải thể, sáp nhập hoặc chia tách*

a) Chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên ở tổ chức đảng bị giải tán, hoặc giải thể: thực hiện theo nội dung tại điểm 9 (9.3)d, Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương, nghiệp vụ cụ thể như sau:

- Đảng viên ở chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở bị giải tán không bị đưa ra khỏi Đảng, thì đảng uỷ cơ sở căn cứ vào hồ sơ đảng viên viết ô số 1 trong giấy

giới thiệu sinh hoạt đảng (loại 10 ô) không ký tên, đóng dấu, viết tiếp vào ô số 3 để giới thiệu đảng viên đến đảng bộ mới theo trình tự thủ tục nêu ở điểm 3 (3.1.1)a Hướng dẫn này để đảng viên được sinh hoạt đảng ở chi bộ nơi chuyển đến.

- Đảng viên ở đảng bộ, chi bộ cơ sở bị giải tán không bị đưa ra khỏi Đảng, thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng căn cứ hồ sơ đảng viên, viết ô số 1 trong giấy giới thiệu sinh hoạt đảng (loại 10 ô) không ký tên, đóng dấu; viết tiếp ô số 4 (nếu cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng đó là cấp uỷ huyện và tương đương) hoặc viết ô số 5 (nếu cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng đó là cấp uỷ tỉnh và tương đương) để giới thiệu đảng viên đến đảng bộ mới theo trình tự thủ tục nêu ở điểm 3 (3.1.1)a nói trên để đảng viên được tham gia sinh hoạt đảng ở chi bộ nơi chuyển đến.

- Tổ chức đảng giải thể thì cấp uỷ tổ chức đảng giải thể đó tiếp tục thực hiện việc chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên ngay sau khi có quyết định giải thể, sau khi giới thiệu đảng viên chuyển sinh hoạt đảng xong, thì giao nộp con dấu của cấp uỷ theo quy định. Thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên thực hiện theo trình tự nêu ở điểm 3 (3.1.1)a Hướng dẫn này.

b) Chuyển giao tổ chức và chuyển sinh hoạt đảng tập thể cho đảng viên ở đảng bộ chia tách hoặc sáp nhập: thực hiện theo nội dung tại điểm 9 (9.5), Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương.

## ***3.2. Sử dụng và viết giấy giới thiệu sinh hoạt đảng***

### ***3.2.1. Sử dụng và bảo quản giấy giới thiệu sinh hoạt đảng***

a) Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng được sử dụng theo đúng nội dung tại điểm 9 (9.4) Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương nêu trên, cụ thể như sau:

- Đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức ở trong nước, dùng giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức (có 10 ô, in ký hiệu riêng cho từng đảng bộ tỉnh và tương đương, nền hoa văn màu lá mạ), quy ước là: Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng “Loại 10 ô”.

- Đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức từ Đảng uỷ ngoài nước ra ngoài nước và từ ngoài nước về, dùng giấy giới thiệu sinh hoạt đảng ra ngoài nước (có 2 ô, nền hoa văn màu hồng đào), quy ước là: Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng “Loại 2 ô”.

- Đảng viên chuyển sinh hoạt đảng tạm thời dùng giấy giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời (có 8 ô, nền hoa văn màu vàng chanh), quy ước là: Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng “Loại 8 ô”.

- Đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức từ chi bộ này đến chi bộ khác trong cùng một đảng bộ cơ sở dùng giấy giới thiệu sinh hoạt đảng nội bộ (có 5 ô, nền hoa văn màu nõn chuối), quy ước là: Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng “Loại 5 ô”.

b) Cấp phát giấy giới thiệu sinh hoạt đảng phải có sổ sách ghi chép đầy đủ, ký nhận rõ ràng, số lượng cấp phát theo yêu cầu thực tế, định kỳ (6 tháng 1 lần) kiểm tra việc sử dụng, bảo quản và báo cáo lên ban tổ chức cấp uỷ cấp trên.

### *3.2.2- Viết giấy giới thiệu sinh hoạt đảng*

a) Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng do cán bộ nghiệp vụ hoặc đồng chí được ký giấy giới thiệu viết: Trong một ô chỉ viết bằng một thứ mực và một kiểu chữ, chữ viết phải rõ ràng, chính xác, không tẩy xoá sửa chữa, không viết mực đỏ và bút chì. Đối với cả 4 loại giấy giới thiệu sinh hoạt đảng, nếu viết sai ô số 1 thì phải thay giấy khác để viết lại, các ô còn lại bị sai sót nhỏ thì cán bộ viết giấy giới thiệu sinh hoạt đảng có thể sửa chữa như sau: gạch bỏ chỗ viết sai (nhưng bảo đảm vẫn đọc được chữ sai đó), viết lại cho đúng lên phía trên chỗ viết sai, đóng dấu của cấp uỷ hoặc của cơ quan tổ chức, cơ quan chính trị của cấp uỷ vào chỗ sửa chữa.

b) Một số điểm chú ý khi viết giấy giới thiệu sinh hoạt đảng:

- Số TĐV: viết theo số trong thẻ đảng được đổi hoặc phát thẻ đảng viên mới của đảng viên.

- Số LL: viết theo số lý lịch của đảng viên.

- Số sổ đảng viên (SDV): viết theo thứ tự trong danh sách đảng viên của chi bộ.

- Số..... (GTSHĐ): viết theo số thứ tự trong sổ giới thiệu sinh hoạt đảng của đảng bộ.



- Mục “đã đóng đảng phí hết tháng”: viết giấy giới thiệu sinh hoạt đảng cho đảng viên tháng nào thì thu tiền đảng phí hết tháng đó.

- Mục “kính gửi”, “kính chuyển” hoặc “thay mặt (TM)”: chi bộ, kể cả chi bộ cơ sở, viết tiếp sau chữ kính gửi, kính chuyển hoặc (TM) là "chi uỷ chi bộ..."; đảng uỷ viết: "Ban Thường vụ..." hoặc "Đảng uỷ..."; ban tổ chức viết: "Ban tổ chức..."; phòng chính trị viết: "Phòng chính trị..."; viết chức vụ, ký tên, họ tên và đóng dấu của cấp uỷ, hoặc của cơ quan tổ chức, hoặc của cơ quan chính trị theo quy định.

- Mục hồ sơ kèm theo: giao cho đảng viên chuyển sinh hoạt đảng mang theo tài liệu nào trong hồ sơ đảng viên thì ghi vào mục kèm theo trong giấy giới thiệu sinh hoạt đảng loại tài liệu đó.

### ***3.3. Một số nội dung liên quan đến giới thiệu sinh hoạt đảng***

a) Giới thiệu sinh hoạt đảng cho đảng viên đi học ở các trường quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đảng viên của Đội công tác tăng cường cho cơ sở theo Chỉ thị 123 của Bộ Quốc phòng được thực hiện theo Công văn số 1026-CV/BTC ngày 6-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn số 1389/HD-TC ngày 19-12-2006 của Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng.

b) Sử dụng hết giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức "Loại 10 ô" không in ký hiệu:

Khi sử dụng hết giấy giới thiệu sinh hoạt đảng

chính thức, ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương làm công văn đề nghị Ban Tổ chức Trung ương kèm theo báo cáo tình hình sử dụng và quản lý giấy giới thiệu sinh hoạt đảng của đảng bộ, để xét việc cấp bổ sung giấy giới thiệu sinh hoạt đảng. Nếu được cấp bổ sung giấy giới thiệu sinh hoạt đảng không ký hiệu thì ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương đóng ký hiệu của tỉnh, thành uỷ vào giấy giới thiệu đó trước khi sử dụng giới thiệu đảng viên chuyển sinh hoạt đảng.

c) Thủ tục lập lại hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng bị mất:

- Đảng viên để mất giấy giới thiệu sinh hoạt đảng và hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng phải thực hiện đầy đủ các nội dung tại điểm 9 (9.1)a Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương để báo cáo với cấp uỷ cơ sở nơi đã giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng đi.

- Cấp uỷ cơ sở nơi đã giới thiệu đảng viên chuyển sinh hoạt đảng đi, kiểm tra kỹ lý do để mất hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng nêu trong bản tường trình của đảng viên. Nếu thấy đảng viên quản lý không tốt để mất hồ sơ thì đảng viên phải kiểm điểm rõ khuyết điểm trước khi cho lập lại hồ sơ, việc lập lại hồ sơ bị mất như sau:

+ Đảng viên viết lại lý lịch đảng viên, phiếu đảng viên và bản tự kiểm điểm theo quy định.

+ Cấp uỷ cơ sở thẩm tra, xác minh, chứng nhận lý lịch, phiếu đảng viên và ghi nhận xét vào bản

tự kiểm điểm của đảng viên (chú ý: qua thẩm tra, xác minh thấy đảng viên khai không trung thực, phải xem xét thật kỹ lý do để mất hồ sơ, nếu thấy rõ hành vi để mất hồ sơ nhằm lược bỏ những nội dung đã ghi trong lý lịch trước đây liên quan đến mục đích tư lợi cá nhân của đảng viên thì tùy theo mức độ sai phạm để xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo đến khai trừ ra khỏi Đảng).

+ Sao lại quyết định kết nạp đảng viên, quyết định công nhận đảng viên chính thức (nếu văn phòng cấp uỷ có thẩm quyền đang lưu giữ).

+ Làm lại thủ tục giới thiệu đảng viên chuyển sinh hoạt đến đảng bộ mới theo quy định.

*Tất cả các văn bản nêu trên được đưa vào trong hồ sơ đã lập lại của đảng viên.*

### ***3.4. Sử dụng đúng các mẫu về giới thiệu sinh hoạt đảng (tại mục IV, phụ lục I kèm theo)***

## **III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐẢNG VIÊN**

### **1. Đảng viên xin miễn sinh hoạt đảng**

#### ***1.1. Đảng viên xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng theo quy định tại Điều 7, Điều lệ Đảng***

Thực hiện theo quy định tại điểm 10, Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị “Thi hành Điều lệ Đảng”, cụ thể như sau:

a) Đảng viên tuổi cao, sức yếu xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng, tự làm đơn hoặc trực tiếp báo cáo với chi bộ.

b) Chi bộ xét, ra nghị quyết cho đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng (ghi sổ nghị quyết của chi bộ) và báo cáo đảng uỷ cơ sở.

c) Khi đảng viên muốn trở lại công tác và sinh hoạt đảng, tự làm đơn hoặc trực tiếp báo cáo với chi bộ xét, quyết định.

## ***1.2. Đảng viên xin miễn công tác và sinh hoạt đảng không vì lý do tuổi cao, sức yếu như ở điểm 1 (1.1) nêu trên***

a) Được vận dụng Điều 7, Điều lệ Đảng xét cho đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng trong các trường hợp sau đây:

- Do phải đi điều trị bệnh dài ngày hoặc ở xa nơi cư trú.

- Đi thăm người thân ở ngoài nước.

- Đi làm việc lưu động ở các địa phương, đơn vị trong nước thời gian dưới 1 năm, việc làm không ổn định, hoặc ở những nơi chưa có tổ chức đảng, không có điều kiện trở về tham gia sinh hoạt chi bộ theo quy định.

- Đảng viên là cán bộ, công chức nghỉ trước tuổi chờ đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ quy định của Nhà nước có nguyện vọng được miễn sinh hoạt đảng.

b) Đảng viên phải làm đơn nêu rõ lý do và thời gian xin miễn công tác và sinh hoạt đảng, báo cáo chi bộ.

c) Chi bộ xét, ra nghị quyết đề nghị cấp uỷ cơ sở xét, quyết định.

## **2. Đảng viên xin ra khỏi Đảng**

Thực hiện theo nội dung tại điểm 10 (10.2) Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể như sau:

a) Chi bộ xem xét kỹ lý do xin ra khỏi Đảng ghi trong đơn của đảng viên. Nếu vì có khuyết điểm nên xin ra để tránh kỷ luật của Đảng thì phải xử lý kỷ luật về Đảng, sau đó mới xét cho ra khỏi Đảng. Nếu vì có vướng mắc liên quan đến quyền và nghĩa vụ của đảng viên thì tổ chức đảng xem xét giải quyết thấu tình, đạt lý và chi bộ phải làm tốt công tác tư tưởng trước khi xét cho đảng viên xin ra khỏi Đảng.

b) Sau khi đã làm đầy đủ các nội dung nêu trên, chi bộ báo cáo đảng uỷ bộ phận (nếu có), đảng uỷ cơ sở xem xét báo cáo cấp uỷ có thẩm quyền xét, quyết định cho đảng viên ra khỏi Đảng (chi bộ, đảng uỷ cơ sở không phải ra nghị quyết đối với việc đảng viên ra khỏi Đảng, đối với đảng uỷ cơ sở được giao quyền kết nạp đảng viên, khai trừ đảng viên thì ra quyết định).

## **3. Tuổi đảng của đảng viên được khôi phục quyền đảng viên**

Tuổi đảng của đảng viên được khôi phục quyền đảng viên thực hiện theo quy định tại điểm 8 (8.2)b, Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31-10-2006

của Bộ Chính trị “Thi hành Điều lệ Đảng”, cụ thể như sau:

a) Được tính tuổi đảng liên tục đối với những người bị đưa ra khỏi Đảng đã được cấp có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận là bị oan và từ khi bị đưa ra khỏi Đảng đến nay không làm điều gì vi phạm.

b) Đối với đảng viên được khôi phục quyền đảng viên trước đây chưa được tính tuổi đảng liên tục thì cũng được tính lại tuổi đảng theo quy định trên.

c) Đảng viên được khôi phục quyền đảng viên có trách nhiệm truy nộp đủ số tiền đóng đảng phí cho chi bộ trong thời gian gián đoạn sinh hoạt đảng nay được tính tuổi đảng liên tục theo quy định của Ban Bí thư về mức tiền đóng đảng phí hàng tháng tại thời điểm đảng viên gián đoạn sinh hoạt đảng.

#### **4. Phân công công tác cho đảng viên**

Thực hiện theo nội dung tại điểm 2 (2.3), Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể như sau:

##### **4.1. Yêu cầu**

a) Bảo đảm để mỗi đảng viên trong chi bộ (kể cả đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời) đều được phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với khả năng, điều kiện, hoàn cảnh và sức khỏe.

b) Việc phân công công tác cho đảng viên được

tiến hành ở chi bộ hàng năm và được bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu nhiệm vụ của chi bộ trong năm; kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công là cơ sở để xem xét đánh giá chất lượng đảng viên hàng năm.

#### ***4.2. Nội dung phân công***

Trên cơ sở thực hiện Điều lệ Đảng; chức năng, nhiệm vụ của chi bộ và nhiệm vụ được cấp uỷ cấp trên giao, chi bộ tiến hành phân công công tác cho đảng viên như sau:

*a) Đối với đảng viên đang công tác trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp..., được phân công:*

- Thực hiện nhiệm vụ đảng viên theo quy định tại Điều 2, Điều lệ Đảng.

- Thực hiện chức trách, nhiệm vụ chuyên môn do chính quyền, cơ quan, đơn vị giao.

- Thực hiện chức trách, nhiệm vụ do tổ chức đảng, đoàn thể phân công.

- Thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể về xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh, cơ quan, đơn vị và các đoàn thể vững mạnh.

- Thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú theo Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

*b) Đối với đảng viên ở xã, phường, thị trấn được phân công:*

- Đảng viên là công chức cơ sở:

Thực hiện các nội dung tương tự tại điểm (a) nêu trên và thực hiện thêm một số nhiệm vụ của đảng viên không phải là công chức cơ sở dưới đây.

- Đảng viên không phải là công chức cơ sở:
- + Thực hiện nhiệm vụ đảng viên theo quy định tại Điều 2, Điều lệ Đảng.
- + Thực hiện hoặc tham gia thực hiện một số chuyên đề như: chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; làm kinh tế hộ gia đình; xây dựng thôn, xóm, tổ dân phố sạch đẹp văn minh và gia đình văn hoá mới; phòng chống các tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn, đoàn kết khu dân cư; giúp đỡ hộ gia đình xoá đói giảm nghèo, khắc phục khó khăn...
- + Theo dõi, giúp đỡ quần chúng ưu tú phấn đấu vào Đảng; giúp đỡ các tổ chức quần chúng hoạt động và tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, hội viên phấn đấu vào Đảng.
- Đối với đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng thực hiện nhiệm vụ đảng viên theo quy định tại Điều 2, Điều lệ Đảng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và sức khoẻ của đảng viên; giáo dục gia đình, con cháu chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương và xây dựng gia đình văn hoá.

### ***4.3. Phương pháp tiến hành***

*a) Đối với chi bộ (kể cả chi bộ cơ sở):*

- Hằng năm (vào dịp đầu năm) chi uỷ (hoặc bí thư chi bộ) rà soát, điều chỉnh việc phân công công tác trong năm cho từng đảng viên, báo cáo chi bộ.



- Chi bộ thảo luận, ra nghị quyết về việc phân công công tác cho từng đảng viên; phân công chi uỷ viên theo dõi, kiểm tra và báo cáo chi bộ kết quả thực hiện công tác của đảng viên, nơi chưa có chi uỷ thì đồng chí bí thư chi bộ thực hiện.

- Căn cứ nhiệm vụ được phân công, đảng viên xây dựng kế hoạch thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện trong các kỳ sinh hoạt chi bộ.

- Cuối năm, đảng viên tự kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công và tự đánh giá chất lượng đảng viên trước chi bộ để chi bộ xem xét, đánh giá chất lượng đảng viên theo Hướng dẫn số 01-HD/BTCTW ngày 14-10-2006 của Ban Tổ chức Trung ương.

*b) Đảng uỷ cơ sở:*

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các chi bộ trực thuộc tổ chức thực hiện các nội dung tại điểm (a) nêu trên.

- Chỉ đạo các tổ chức chính quyền, đoàn thể quần chúng trực thuộc kịp thời thông báo cho chi bộ về nhiệm vụ chuyên môn đã giao cho cán bộ, công chức và nhiệm vụ được đoàn thể quần chúng phân công cho đoàn viên, hội viên là đảng viên của chi bộ.

- Hằng năm tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả thực hiện việc phân công công tác cho đảng viên lên cấp uỷ cấp trên.

*c) Các cấp uỷ cấp trên cơ sở:*

Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra các cấp uỷ trực thuộc thực hiện việc phân công công tác cho đảng

viên; kịp thời biểu dương khen thưởng tổ chức đảng thực hiện tốt, nhắc nhở tổ chức đảng thực hiện chưa tốt.

## **5. Khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên**

Hình thức, thẩm quyền khen thưởng; tiêu chuẩn, đối tượng khen thưởng trong Đảng thực hiện theo điểm 42, Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị và điểm 17, Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương. Cụ thể như sau:

### **5.1. Tặng Huy hiệu Đảng**

#### **5.1.1. Quy trình xét tặng Huy hiệu Đảng**

a) *Đảng viên*: đảng viên có đủ 30, 40, 50, 60, 70, 80 năm tuổi đảng làm tờ khai đề nghị chi bộ; đảng viên mất Huy hiệu Đảng làm bản tường trình nói rõ lý do bị mất Huy hiệu Đảng đề nghị chi bộ; đối với đảng viên đã hy sinh, tử trần thì người thân trong gia đình làm tờ khai đề nghị chi bộ xem xét.

b) *Chi bộ*: Xét, nếu có đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm 42 (42.3)a, Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị và nội dung tại điểm 17 (17.1)a, Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương thì đề nghị cấp uỷ cấp trên xem xét tặng Huy hiệu Đảng, cấp lại Huy hiệu Đảng bị mất hoặc truy tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên đã hy sinh, tử trần.

c) *Đảng uỷ cơ sở*: Xét, đề nghị cấp uỷ cấp trên trực tiếp xét, lập danh sách đảng viên theo mẫu "*Danh sách đảng viên đề nghị tặng Huy hiệu ..... năm tuổi đảng*", "*Danh sách đảng viên đề nghị cấp lại Huy hiệu ..... năm bị mất*" và "*Danh sách đảng viên đề nghị truy tặng Huy hiệu ..... năm tuổi Đảng*". Danh sách được gửi ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương thẩm định báo cáo ban thường vụ cấp uỷ xét, quyết định.

...

đ) *Đảng uỷ cơ sở*: Sau khi nhận được quyết định tặng Huy hiệu Đảng, tổ chức trang trọng lễ trao tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên, đại biểu thay mặt ban chấp hành đảng bộ cấp trên trực tiếp xuống dự và trao tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên (việc trao tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên đã từ trần được trao cho đại diện gia đình tại buổi lễ hoặc tổ chức tại gia đình của đảng viên).

- Hình thức trang trí buổi lễ: như buổi lễ kết nạp đảng viên nêu tại điểm 3 (3.12), Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương, với tiêu đề "Lễ trao tặng Huy hiệu Đảng".

- Nội dung chương trình buổi lễ trao tặng Huy hiệu Đảng gồm: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu đến dự; đồng chí đại diện đảng uỷ cơ sở đọc quyết định tặng Huy hiệu Đảng; đồng chí thay mặt ban chấp hành đảng bộ cấp trên trao tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên, căn dặn đảng viên chấp hành quy định về sử dụng, bảo quản

Huy hiệu Đảng; đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng phát biểu ý kiến và ký vào sổ tặng Huy hiệu Đảng của đảng bộ, chi bộ cơ sở; chào cờ, bế mạc.

Nếu đảng bộ cơ sở có đông đảng viên thì chủ yếu mời các đồng chí đảng viên của chi bộ nơi có đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và đồng chí đại diện của các chi bộ khác.

### *5.1.2. Phát hành Huy hiệu Đảng và cho số Huy hiệu Đảng*

a) Phát hành Huy hiệu Đảng:

Mẫu Huy hiệu Đảng do Ban Bí thư ban hành (theo Thông báo số 57-TB/TW ngày 27-4-1985 của Ban Bí thư).

b) Cho số Huy hiệu Đảng:

Thực hiện theo Thông báo số 87-TB/BTCTW ngày 27-3-2007 của Ban Tổ chức Trung ương, cần chú ý những nội dung sau:

- Ban Tổ chức Trung ương thực hiện việc cho số Huy hiệu Đảng 40, 50, 60, 70 năm đến hết đợt xét tặng Huy hiệu Đảng (đợt 3-2-2007).

- Từ đợt xét tặng Huy hiệu Đảng (19-5-2007) trở đi, các ban tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thực hiện việc cho số Huy hiệu Đảng 30, 40, 50, 60, 70, 80 năm theo nội dung tại điểm 2a, Thông báo số 87-TB/BTCTW nêu trên.

- Mỗi đảng viên mang một số Huy hiệu Đảng trong từng loại Huy hiệu Đảng 30, 40, 50, 60, 70, 80 năm.

- Ban tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực

thuộc Trung ương chỉ cho số Huy hiệu Đảng (từng loại) và cấp Huy hiệu Đảng (từng loại) theo số lượng đảng viên trong danh sách tặng Huy hiệu Đảng (từng loại) của các huyện uỷ và tương đương, với thứ tự số Huy hiệu Đảng liên tục từ nhỏ đến lớn theo trình tự thời gian xét tặng Huy hiệu Đảng của ban thường vụ cấp uỷ trực thuộc Trung ương (không chia cụm số Huy hiệu Đảng theo các huyện uỷ và tương đương).

### *5.1.3. Một số nội dung liên quan đến tặng Huy hiệu Đảng*

a) Xét tặng Huy hiệu 30 năm tuổi đảng được thực hiện theo kết luận của Ban Bí thư trong Thông báo số 63-TB/TW ngày 9-3-2007, như sau:

- Từ ngày 19-5-2007 trở đi, đảng viên được xét tặng Huy hiệu Đảng 30 năm.

+ Đảng viên đã có đủ 30 năm đến gần 40 năm tuổi đảng (tính tròn theo tháng), được xét tặng Huy hiệu Đảng 30 năm (đảng viên đã được tặng Huy hiệu Đảng 40, 50, 60, 70 năm không thuộc diện xét tặng Huy hiệu Đảng 30 năm).

+ Đảng viên đã hy sinh, tử trần, mà lúc còn sống đã có đủ 30 năm đến gần 40 năm tuổi đảng, được truy tặng Huy hiệu 30 năm tuổi đảng (đảng viên hy sinh, tử trần đã được truy tặng Huy hiệu 40 năm tuổi đảng, 50 năm tuổi đảng, 60 năm tuổi đảng và 70 năm tuổi đảng không thuộc diện truy tặng Huy hiệu 30 năm tuổi đảng).

- Mức tặng phẩm kèm theo Huy hiệu Đảng theo quy định của Ban Bí thư.

b) Việc truy lĩnh bổ sung giá trị tặng phẩm kèm theo Huy hiệu Đảng và chi tiền sản xuất Huy hiệu Đảng, thực hiện theo kết luận của Ban Bí thư trong Thông báo số 51-TB/TW ngày 25-12-2006, như sau:

- Không đặt vấn đề về truy lĩnh bổ sung giá trị tặng phẩm chưa nhận đủ theo mức quy định trong Quyết định 84-QĐ/TW ngày 01-10-2003 của Ban Bí thư (khoá IX) đối với đảng viên đã được tặng Huy hiệu Đảng trước khi có Quyết định 84-QĐ/TW.

- Ban Tổ chức Trung ương thực hiện việc cấp Huy hiệu Đảng đến hết ngày 31-12-2007. Từ ngày 01-01-2008 trở đi, các cấp uỷ trực thuộc Trung ương thực hiện việc chi tiền sản xuất Huy hiệu Đảng (theo mẫu và chất liệu làm Huy hiệu Đảng do Ban Tổ chức Trung ương quy định) để tặng cho đảng viên trong đảng bộ. Kinh phí được trích từ ngân sách của đảng bộ trực thuộc Trung ương. Do đó, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc lập dự toán kinh phí và trực tiếp làm hợp đồng sản xuất Huy hiệu Đảng với Công ty cơ khí 17 Bộ Quốc phòng (theo Quyết định 1358-QĐ/BTCQTTW ngày 29-12-2005 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương).

c) Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời khi có đủ 30, 40, 50, 60, 70, 80 năm tuổi đảng, làm tờ khai đề nghị tặng Huy hiệu Đảng, báo cáo chi bộ nơi sinh hoạt đảng tạm thời ghi ý kiến nhận xét vào bản khai, sau đó đảng viên báo cáo với chi bộ nơi

sinh hoạt chính thức xét tặng Huy hiệu Đảng.

d) Đảng viên có đủ tiêu chuẩn xét tặng Huy hiệu Đảng nhưng chuyển sinh hoạt đảng chính thức đến đảng bộ khác, thì tổ chức đảng nơi đảng viên chuyển đi xét tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên trước khi làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng.

đ) Đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng trước ngày 02-9-1998, có nhu cầu đổi cuống đeo Huy hiệu Đảng (chưa ghi số) và giấy chứng nhận tặng Huy hiệu Đảng (mẫu cũ) để lấy cuống đeo (có chữ số) và giấy chứng nhận (theo mẫu mới) được tổ chức đảng xét cho đổi.

## ***5.2. Quy trình xét khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên***

### ***5.2.1. Xét tặng giấy khen, bằng khen cho chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở theo định kỳ***

a) Chi bộ tự nhận xét đánh giá, thấy có đủ tiêu chuẩn, làm bản thành tích đề nghị đảng uỷ cơ sở tặng giấy khen, hoặc đề nghị huyện uỷ và tương đương tặng giấy khen hoặc đề nghị tỉnh uỷ và tương đương tặng bằng khen.

b) Đảng uỷ cơ sở thẩm định thành tích (thông qua các chi uỷ chi bộ; lãnh đạo cơ quan chính quyền, đoàn thể trực thuộc) để quyết định tặng giấy khen hoặc đề nghị ban thường vụ huyện uỷ và tương đương tặng giấy khen hoặc đề nghị tỉnh uỷ và tương đương tặng bằng khen cho chi bộ.

c) Ban tổ chức huyện uỷ và tương đương phối hợp với các ban tham mưu của cấp uỷ thẩm định

thành tích, báo cáo ban thường vụ cấp uỷ xét, quyết định tặng giấy khen, hoặc đề nghị tỉnh uỷ và tương đương tặng bằng khen cho chi bộ.

d) Ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương phối hợp với các ban tham mưu của cấp uỷ thẩm định thành tích, báo cáo ban thường vụ cấp uỷ xét, quyết định tặng bằng khen cho chi bộ.

Sau khi có quyết định, ban tổ chức của cấp uỷ vào sổ khen thưởng và cấp uỷ trao tặng giấy khen, bằng khen cho chi bộ.

*5.2.2. Xét tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ cho tổ chức cơ sở đảng theo định kỳ*

a) Tổ chức cơ sở đảng tự nhận xét đánh giá, thấy có đủ tiêu chuẩn, làm bản thành tích đề nghị ban thường vụ huyện uỷ và tương đương tặng giấy khen hoặc đề nghị ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương tặng bằng khen, hoặc tặng cờ.

b) Ban tổ chức huyện uỷ và tương đương phối hợp với các ban tham mưu của cấp uỷ và lãnh đạo cơ quan chính quyền, đoàn thể quần chúng... cùng cấp thẩm định thành tích, báo cáo ban thường vụ cấp uỷ xét, quyết định tặng giấy khen, hoặc đề nghị tỉnh uỷ và tương đương tặng bằng khen, hoặc tặng cờ cho tổ chức cơ sở đảng.

c) Ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương phối hợp với các ban tham mưu của cấp uỷ và lãnh đạo cơ quan chính quyền, đoàn thể quần chúng... cùng cấp thẩm định thành tích, báo cáo ban thường vụ cấp uỷ xét, quyết định tặng bằng khen, hoặc tặng cờ cho tổ chức cơ sở đảng.



Sau khi có quyết định, ban tổ chức của cấp uỷ vào sổ khen thưởng và cấp uỷ trao tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ cho tổ chức cơ sở đảng.

...

*5.2.4. Xét tặng giấy khen, bằng khen cho đảng viên theo định kỳ*

a) Đảng viên tự đánh giá, thấy có đủ tiêu chuẩn, làm bản thành tích báo cáo chi bộ xét, đề nghị đảng uỷ cơ sở tặng giấy khen hoặc huyện uỷ và tương đương tặng giấy khen hoặc đề nghị ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương tặng bằng khen.

b) Chi bộ xét, đề nghị đảng uỷ cơ sở xét tặng giấy khen hoặc đề nghị ban thường vụ huyện uỷ và tương đương tặng giấy khen hoặc đề nghị ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương tặng bằng khen cho đảng viên (đảng viên của chi bộ cơ sở có đủ tiêu chuẩn được cấp uỷ cơ sở tặng giấy khen thì chi uỷ chi bộ cơ sở ra quyết định tặng giấy khen cho đảng viên).

...

Sau khi có quyết định, ban tổ chức của cấp uỷ vào sổ khen thưởng và cấp uỷ trao tặng giấy khen, bằng khen cho đảng viên.

*5.2.5. Xét khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên không theo định kỳ*

a) Việc xét khen thưởng tổ chức đảng không theo định kỳ thực hiện theo nội dung tại điểm 17 (17.2)đ, Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-

12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương. Tổ chức đảng làm bản thành tích báo cáo cấp uỷ cấp trên xét theo trình tự từ cấp uỷ cấp trên trực tiếp đến cấp uỷ ra quyết định khen thưởng.

b) Việc xét khen thưởng đảng viên không theo định kỳ thực hiện như nội dung tại điểm 17 (17.3)b, Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương. Đảng viên làm bản thành tích báo cáo chi bộ xét theo trình tự từ chi bộ đến cấp uỷ ra quyết định khen thưởng.

***5.3. Sử dụng các mẫu tài liệu về xoá tên đảng viên và đảng viên xin ra khỏi Đảng, khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên (tại các mục V, VI, VII, phụ lục I kèm theo)***

#### IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, SỬ DỤNG TÀI LIỆU, BỐ TRÍ CÁN BỘ THỰC HIỆN NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN

##### **1. Chế độ báo cáo**

###### ***1.1. Yêu cầu***

a) Phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, thống nhất về nội dung báo cáo và các biểu mẫu thống kê đã quy định.

b) Nội dung báo cáo phải được tổng hợp tình hình và số liệu từ cơ sở lên.

## ***1.2. Nội dung báo cáo***

a) Báo cáo tình hình thực hiện các mặt công tác: kết nạp đảng viên, phát thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên, giới thiệu sinh hoạt đảng, khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên, sử dụng tài liệu và bố trí sử dụng cán bộ thực hiện các công tác nói trên.

Hàng năm, ban tổ chức cấp uỷ trực thuộc Trung ương giúp cấp uỷ sơ kết rút kinh nghiệm từ cơ sở lên, tổng hợp báo cáo Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương) trước ngày 31-1 của năm kế tiếp; kết thúc nhiệm kỳ Đại hội toàn quốc của Đảng tiến hành tổng kết việc tổ chức thực hiện các nội dung trên.

Nội dung báo cáo được tập trung vào những điểm chính sau:

- Nội dung và biện pháp tổ chức thực hiện các văn bản quy định của Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về công tác đảng viên.

- Nêu rõ những mặt làm được, chưa làm được, nguyên nhân và biện pháp phát huy, khắc phục; đề ra phương hướng, nhiệm vụ thực hiện trong năm tới.

- Những khó khăn, vướng mắc khi tổ chức thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương và đề xuất, kiến nghị với Trung ương những vấn đề có liên quan.

b) Thực hiện nền nếp 11 biểu báo cáo thống kê định kỳ về đảng viên và tổ chức cơ sở đảng theo

nội dung tại điểm 4 (4.1), phần thứ hai của Hướng dẫn này.

c) Thực hiện một số báo cáo theo chuyên đề hoặc bất thường do Trung ương yêu cầu.

## **2. Tài liệu và phương tiện phục vụ nghiệp vụ công tác đảng viên**

### ***2.1. Tài liệu, vật dụng phục vụ nghiệp vụ công tác đảng viên***

*a) Tài liệu, vật dụng do Ban Tổ chức Trung ương thống nhất phát hành và cấp phát cho các tỉnh uỷ và tương đương, gồm:*

- Thẻ đảng viên;
- Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng các loại;
- Trang bị lần đầu: dấu nổi của ban chấp hành đảng bộ trực thuộc Trung ương, dấu kiểm tra kỹ thuật thẻ đảng viên, kim cắt ảnh và máy ép plastic.

Ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương có trách nhiệm quản lý chặt chẽ các tài liệu và phương tiện nêu trên theo chế độ bảo mật; sử dụng đúng mục đích; nếu để mất mát, hư hỏng phải lập biên bản, kiểm điểm, làm rõ nguyên nhân, quy định rõ trách nhiệm, xử lý kịp thời và báo cáo về Ban Tổ chức Trung ương. Định kỳ hàng quý, năm chắc việc sử dụng các tài liệu từ cơ sở lên và cuối năm báo cáo tình hình sử dụng tài liệu với Ban Tổ chức Trung ương theo mẫu "tình hình sử dụng tài liệu, phương tiện quản lý đảng viên" (Biểu số 11-TCTW).

*b) Các tài liệu, vật dụng còn lại do Ban Tổ chức*

*Trung ương quy định mẫu thống nhất, ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương tự đặt in, mua sắm phục vụ việc thực hiện công tác đảng viên của đảng bộ. Từ ngày 1-1-2008 trở đi thực hiện thống nhất theo các mẫu quy định trong Hướng dẫn này.*

## ***2.2. Bảo đảm đủ phương tiện phục vụ công tác đảng viên***

*a) Phương tiện phục vụ công tác đảng viên bao gồm:*

- Phương tiện lưu trữ hồ sơ đảng viên và tài liệu về đảng viên như: nơi để, tủ đựng, cặp, túi hồ sơ để quản lý các tài liệu trên theo chế độ bảo mật từ cơ sở đến tỉnh.

- Các trang thiết bị kỹ thuật như: máy vi tính, máy in, dấu kiểm tra kỹ thuật thẻ đảng viên, máy ép plastic, kìm cắt ảnh phục vụ việc làm thẻ đảng viên, tặng Huy hiệu Đảng, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên từ huyện đến tỉnh.

- Hệ thống sổ sách phục vụ việc quản lý đảng viên là: các sổ phát thẻ đảng viên, giao nhận thẻ đảng viên, tặng Huy hiệu Đảng, giao nhận Huy hiệu Đảng, danh sách đảng viên, đảng viên dự bị, đảng viên từ trần, đảng viên ra khỏi Đảng, giao nhận hồ sơ đảng viên, giới thiệu sinh hoạt đảng, theo dõi phiếu báo chuyển sinh hoạt đảng, theo dõi khen thưởng, theo dõi giới thiệu đảng viên về giữ mối liên hệ nơi cư trú và sổ ghi nghị quyết của chi bộ, cấp uỷ.

*b) Ban tổ chức của cấp uỷ có trách nhiệm lập kế*

*hoạch, dự trù kinh phí* đề xuất với cấp uỷ đặt in tài liệu, mua sắm phương tiện đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác đảng viên của đảng bộ; phân công cán bộ sử dụng, quản lý chặt chẽ.

### ***2.3. Tổ chức thanh lý các tài liệu không còn giá trị sử dụng***

a) Tài liệu không còn giá trị sử dụng gồm: thẻ đảng viên làm hỏng (kể cả thẻ đảng viên không có số) và thẻ đảng của đảng viên bị hỏng; giấy giới thiệu sinh hoạt đảng làm hỏng và cuốn giấy giới thiệu sinh hoạt đảng.

b) Từ ngày ban hành Hướng dẫn này trở đi, các ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương quản lý các tài liệu bị hỏng nêu trên (không gửi về Ban Tổ chức Trung ương); định kỳ (vào cuối năm) tổ chức thanh lý và gửi biên bản về Ban Tổ chức Trung ương.

## **3. Cán bộ làm nghiệp vụ công tác đảng viên**

### ***3.1. Chức trách, nhiệm vụ***

- Cán bộ làm nghiệp vụ công tác đảng viên ở các cấp có nhiệm vụ giúp ban tổ chức của cấp uỷ hướng dẫn, kiểm tra tổ chức đảng và cán bộ trực thuộc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về: kết nạp đảng viên; nâng cao chất lượng đảng viên; quản lý đảng viên; phát thẻ đảng viên; quản lý hồ sơ đảng viên; giới thiệu sinh hoạt đảng; tặng Huy hiệu Đảng; khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên; đề xuất trả lời về khiếu nại đảng tịch; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên; phân công công tác cho đảng

viên; tổng hợp chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan trong việc thống kê, tổng hợp, phân tích tình hình đảng viên và tổ chức đảng báo cáo lên cấp uỷ cấp trên theo quy định của Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

### ***3.2. Tiêu chuẩn cán bộ***

Phải là đảng viên có phẩm chất chính trị tốt; có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, cẩn thận; từ chức danh chuyên viên trở lên (đối với cán bộ ở cấp tỉnh, thành...); từ chức danh cán sự trở lên (đối với cán bộ ở cấp uỷ huyện, thị...); nắm vững nghiệp vụ công tác đảng viên; có kiến thức tin học văn phòng (riêng cán bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên phải có trình độ kỹ thuật viên tin học trở lên).

### ***3.3. Bồi dưỡng nghiệp vụ***

- Ban Tổ chức Trung ương xây dựng đề cương bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng viên đối với cán bộ làm nghiệp vụ công tác đảng viên ở tỉnh uỷ, huyện uỷ và tương đương.

- Ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương giúp cấp uỷ tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ làm nghiệp vụ công tác đảng viên ở huyện uỷ và tương đương theo đề cương bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng viên của Ban Tổ chức Trung ương; đồng thời căn

cứ đề cương bồi dưỡng nêu trên, biên tập những nội dung thuộc trách nhiệm thực hiện của tổ chức cơ sở đảng để huyện uỷ và tương đương bồi dưỡng cho cấp uỷ cơ sở, chi uỷ chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở và đảng viên.

Ban tổ chức của cấp uỷ xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng viên, báo cáo cấp uỷ chỉ đạo trường chính trị tỉnh, các trung tâm bồi dưỡng chính trị của huyện và tương đương đưa vào kế hoạch bồi dưỡng của trường và trung tâm.

**3.4. Các ban tổ chức của cấp uỷ** thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, tạo điều kiện cho cán bộ làm nghiệp vụ công tác đảng viên thực hiện nhiệm vụ và báo cáo cấp uỷ về kết quả hoạt động của đội ngũ cán bộ nêu trên. Định kỳ hằng năm, ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương báo cáo Ban Tổ chức Trung ương danh sách cán bộ theo mẫu “Danh sách cán bộ làm nghiệp vụ công tác đảng viên”.

## *Phần thứ hai*

# **BIỂU THỐNG KÊ CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG**

## **1. Mục đích**

Thực hiện biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng nhằm tổng hợp số lượng, cơ cấu, chất lượng của hệ thống tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, cung cấp kịp thời cho cấp uỷ, cơ



quan tổ chức các cấp của Đảng, làm cơ sở đánh giá, nhận xét, đề ra chủ trương, biện pháp phát huy mặt tốt, khắc phục mặt chưa tốt trong việc xây dựng hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, đáp ứng yêu cầu, nội dung công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay.

## **2. Yêu cầu**

- Bảo đảm thống nhất về nội dung báo cáo trong các biểu thống kê đã quy định.

- Số liệu thống kê phải được tổng hợp từ cơ sở lên và chính xác, đầy đủ, kịp thời.

## **3. Chế độ báo cáo**

### *a) Thời điểm tổng hợp số liệu thống kê:*

- Thời điểm tổng hợp số liệu thống kê về tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ chủ chốt của Đảng:

+ Báo cáo 6 tháng tính đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm báo cáo.

+ Báo cáo năm tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm báo cáo. Riêng biểu số 7A, 7B-TCTW thì tính đến thời điểm 31/01 của năm kế tiếp.

- Thời điểm tổng hợp số liệu bầu cử cấp uỷ, được tính ngay sau khi có kết quả bầu cử và phân công cấp uỷ.

### *b) Thời gian gửi báo cáo thống kê:*

- Thời gian gửi báo cáo thống kê về tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ chủ chốt của Đảng sau khi kết thúc kỳ báo cáo như sau:

+ Cấp uỷ cơ sở báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp: sau 10 ngày.

+ Ban tổ chức huyện uỷ (và tương đương) báo cáo ban tổ chức tỉnh uỷ (và tương đương): sau 20 ngày.

+ Ban tổ chức tỉnh uỷ (và tương đương) báo cáo Ban Tổ chức Trung ương: sau 30 ngày.

- Thời gian gửi báo cáo thống kê về bầu cử cấp uỷ như sau:

+ Huyện uỷ (và tương đương) báo cáo tỉnh uỷ (và tương đương): sau 10 ngày.

+ Tỉnh uỷ (và tương đương) báo cáo Trung ương (qua Ban Tổ chức Trung ương): sau 20 ngày.

**Chú ý:** Thời điểm tổng hợp số liệu và thời gian gửi báo cáo thống kê nêu trên được thực hiện trong năm 2007; từ năm 2008 trở đi được thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương để đáp ứng yêu cầu sử dụng công nghệ thông tin về quản lý tổ chức đảng, cán bộ và đảng viên.

*c) Phạm vi và trách nhiệm thực hiện biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng:*

- Phạm vi tổng hợp số liệu thống kê: tất cả đảng viên, tổ chức đảng, cán bộ chủ chốt, số lượng cấp uỷ,... có trong một đảng bộ do một cấp uỷ trực tiếp chỉ đạo thì cơ quan tổ chức của cấp uỷ đó lập các biểu mẫu thống kê theo quy định, bảo đảm mỗi đảng viên, tổ chức đảng... nêu trên chỉ thống kê một lần và chỉ một nơi thống kê và báo cáo theo biểu mẫu quy định.

- Cấp uỷ cơ sở:

+ Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các tài liệu: danh sách đảng viên, phiếu đảng viên, phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên, các phiếu báo đảng viên được công nhận chính thức, đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng, đảng viên từ trần.

+ Định kỳ (6 tháng, 1 năm) đối khớp danh sách đảng viên giữa tổ chức đảng cấp dưới với tổ chức đảng cấp trên trực tiếp.

+ Đáp ứng các yêu cầu theo chỉ đạo của cấp uỷ cấp trên về việc báo cáo các số liệu thống kê có liên quan.

- Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của cấp uỷ cơ sở:

+ Hướng dẫn, kiểm tra cấp uỷ cơ sở và chỉ đạo cơ quan tổ chức thực hiện các biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng theo quy định.

+ Cơ quan tổ chức của cấp uỷ trước khi lập và ký duyệt biểu thống kê phải kiểm tra, so sánh, đối chiếu với số liệu kỳ trước và liên hệ với tình hình thực tế để phát hiện những chỉ tiêu tăng, giảm không hợp lý, nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực của các chỉ tiêu thống kê.

...

#### **4. Hướng dẫn lập biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng**

##### ***4.1. Báo cáo đảng viên và tổ chức cơ sở đảng***

...

***Biểu số 1-TCTW:***

**BÁO CÁO TẶNG GIẢM ĐẢNG VIÊN**

.....  
Năm 20.....

- Làm báo cáo 6 tháng đầu năm ghi: “*6 tháng đầu năm*” vào dòng (...) và ghi năm báo cáo vào dòng (năm 20.....).

- Làm báo cáo năm ghi năm báo cáo vào dòng (năm 20.....), dòng (...) phía trên, bỏ trống.

**Nội dung các cột trong biểu:**

*Cột 1:* Thứ tự các chỉ tiêu cần thống kê và tổng hợp.

*Cột 2:* Thống kê số đảng viên tăng, giảm xảy ra trong kỳ báo cáo.

*Cột 3:* Lấy theo số liệu báo cáo cùng kỳ năm trước chuyển sang.

*Cột 4:* Chia tỷ lệ (%) cột 2 cho cột 3, theo từng chỉ tiêu, chú ý lấy 2 số thập phân.

**Cách ghi các mục trong biểu:**

***Mục A: Đảng viên trong danh sách có đến đầu kỳ báo cáo.***

- Đảng viên trong danh sách là tổng số đảng viên đã thống kê được theo danh sách đảng viên và các tài liệu khác có liên quan do tổ chức cơ sở đảng quản lý.

- Đảng viên trong danh sách có đến đầu kỳ báo cáo: là số đảng viên có trong danh sách đến cuối kỳ báo cáo (kỳ trước liền kề) chuyển sang.

**Mục B: Đảng viên tăng trong kỳ.**

1. *Kết nạp*: là số đảng viên mới được kết nạp trong kỳ báo cáo.

2. *Chuyển đến*: là số đảng viên ở các đảng bộ khác đã giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức chuyển đến đảng bộ, cụ thể:

a) Tỉnh uỷ (và tương đương) khác chuyển đến: thống kê số đảng viên được chuyển đến từ các đảng bộ tỉnh (và tương đương) khác.

b) Huyện uỷ (và tương đương) khác trong tỉnh chuyển đến: là số đảng viên được chuyển đến từ các đảng bộ nói trên trong phạm vi đảng bộ tỉnh (và tương đương).

3. *Phục hồi đảng tịch* (nếu có): là số đảng viên trước đây đã bị tổ chức đảng khai trừ, xoá tên, nay được cấp uỷ có thẩm quyền công nhận quyền đảng viên trong kỳ báo cáo.

**Mục C: Đảng viên giảm trong kỳ.**

1. *Từ trần*: là số đảng viên từ trần trong kỳ báo cáo.

2. *Khai trừ*: là số đảng viên bị kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng trong kỳ báo cáo (theo Điều 35 - Điều lệ Đảng).

3. *Xoá tên*: là số đảng viên dự bị, bị xoá tên khỏi danh sách đảng viên (theo Điều 5, Điều lệ

Đảng) và số đảng viên chính thức bị xoá tên (theo Điều 8, Điều lệ Đảng) trong kỳ báo cáo.

4. *Xin ra khỏi Đảng*: là số đảng viên tự nguyện làm đơn xin ra khỏi Đảng đã được cấp uỷ có thẩm quyền quyết định cho ra khỏi Đảng (theo Điều 8, Điều lệ Đảng).

5. *Chuyển đi*: là số đảng viên được đảng bộ giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức chuyển đi đảng bộ khác trong kỳ báo cáo, cụ thể:

a) *Đi tỉnh uỷ (và tương đương) khác*: là số đảng viên chuyển đi các đảng bộ tỉnh (và tương đương) khác.

b) *Đi huyện uỷ (và tương đương) khác trong tỉnh*: là số đảng viên chuyển đi các đảng bộ huyện (và tương đương) khác, trong cùng đảng bộ tỉnh (và tương đương).

***Mục D: Đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo.***

Là tổng số đảng viên của đảng bộ có đến cuối kỳ báo cáo (31-12 năm báo cáo):

Được tính theo công thức:  $D = A + B - C$

Trong đó: D là số đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo.

A là số đảng viên trong danh sách có đầu kỳ báo cáo.

B là số đảng viên tăng lên trong kỳ báo cáo.

C là số đảng viên giảm đi trong kỳ báo cáo.

...

**Biểu số 2-TCTW:**

**BÁO CÁO ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP**

.....

Năm 20.....

Báo cáo gồm 2 trang.

**Trang 1:** phân tích số đảng viên mới kết nạp theo cơ cấu, độ tuổi, trình độ học vấn phổ thông, chuyên môn nghiệp vụ và số đơn vị cơ sở có đến cuối kỳ báo cáo.

**Trang 2:** phân tích đảng viên mới kết nạp chia theo dân tộc và trong các tôn giáo.

Làm báo cáo 6 tháng đầu năm ghi: “6 tháng đầu” vào dòng (...) và ghi năm làm báo cáo vào dòng (năm 20...).

Làm báo cáo cả năm, ghi năm báo cáo vào dòng (năm 20...). Dòng (...) phía trên, để trống.

Cách ghi các mục trong biểu:

**Trang 1:**

**I. Đảng viên mới kết nạp**

Thống kê toàn bộ số đảng viên mới kết nạp trong kỳ báo cáo. Số liệu này phải thống nhất với số liệu kết nạp tại điểm 1, mục B - biểu số 1-TCTW, cùng kỳ báo cáo.

Sau khi có tổng số đảng viên mới kết nạp, tiến hành phân tích tổng số theo một số chỉ tiêu: đảng viên được kết nạp lại; phụ nữ; dân tộc thiểu số; tôn

giáo; là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; cán bộ, công chức nhà nước; viên chức hoạt động sự nghiệp; viên chức; công nhân lao động trong các thành phần kinh tế; nông dân; sĩ quan, chiến sĩ quân đội, công an; sinh viên, học sinh.

Trường hợp đảng viên mới kết nạp có tên dân tộc thiểu số hoặc tôn giáo không thích hợp với tên dân tộc và tôn giáo đã ghi trong biểu, thống kê vào dòng: *Dân tộc khác và tôn giáo khác*. Sau đó *ghi chú* cụ thể tên dân tộc, tôn giáo của đảng viên mới kết nạp đó xuống cuối biểu.

## II. Phân tích đảng viên mới kết nạp

**1. Tuổi đời:** đảng viên mới được kết nạp, phân tích theo 4 nhóm tuổi khác nhau như đã ghi trong biểu, sau đó tính tuổi bình quân. Cách tính tuổi bình quân như sau:

- Tính trị số giữa cho từng nhóm tuổi, theo cách tính: lấy (tuổi đầu nhóm + tuổi cuối nhóm) chia cho 2, cụ thể:

+ Nhóm tuổi đầu (18 đến 30 tuổi).

Trị số giữa của nhóm tuổi này sẽ là:

$$\frac{(18 + 30)}{2} = 24$$

Theo cách tính trên, trị số giữa của nhóm tuổi: 31-40 là 35,5 tuổi; 41-50 là 45,5 tuổi.

+ Nhóm cuối, 51 tuổi trở lên: quy ước tuổi cuối nhóm là 60, trị số giữa sẽ là 55,5 tuổi.



- Tuổi bình quân: ký hiệu là  $\bar{X}$  được tính theo công thức:

$$\bar{X} = \frac{\Sigma x'f}{\Sigma f}$$

*Trong đó:*  $x'$  là trị số giữa của mỗi nhóm tuổi.  
 $f$  là số đảng viên mới được kết nạp của mỗi nhóm tuổi.

Ví dụ: số đảng viên được kết nạp trong kỳ là 105 đồng chí.

Trong đó: + Độ tuổi từ 18-30, có 61 đồng chí.

+ Độ tuổi từ 31-40, có 35 đồng chí.

+ Độ tuổi từ 41-50, có 8 đồng chí.

+ Độ tuổi từ 51 tuổi trở lên có 1 đồng chí.

Áp dụng công thức  $\bar{X} = \frac{\Sigma x'f}{\Sigma f}$ , tuổi bình quân sẽ là:

$$\bar{X} = \frac{(24 \times 61) + (35,5 \times 35) + (45,5 \times 8) + (55,5 \times 1)}{105} = \frac{3126}{105} = 29,77 \text{ tuổi}$$

## **2. Trình độ học vấn phổ thông, gồm:**

- Biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ.

- Tiểu học: là số đảng viên đã học xong, hoặc còn đang học chương trình tiểu học. Tiểu học tính từ lớp 1 đến lớp 5 (hệ 12 năm); từ lớp 1 đến lớp 4 (hệ 10 năm).

- Trung học cơ sở: là số đảng viên đã học xong hoặc còn đang học chương trình trung học cơ sở.

Trung học sơ sở tính từ lớp 6 đến lớp 9 (hệ 12 năm); từ lớp 5 đến lớp 7 (hệ 10 năm).

- Trung học phổ thông: là số đảng viên đã học xong hoặc còn đang học chương trình trung học phổ thông. Trung học phổ thông tính từ lớp 10 đến hết lớp 12 (hệ 12 năm); từ lớp 8 đến lớp 10 (hệ 10 năm).

**Chú ý:** Tổng cộng các trình độ học vấn phổ thông nêu trên phải bằng tổng số đảng viên mới kết nạp.

### **3. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, gồm:**

- *Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ:* là số đảng viên đã có bằng hoặc chứng chỉ chứng nhận đã tốt nghiệp các trường lớp dạy nghề hoặc chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ dưới trình độ trung học chuyên nghiệp.

- *Trung học chuyên nghiệp:* là số đảng viên đã có bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp.

- *Trình độ cao đẳng:* là số đảng viên đã có bằng tốt nghiệp các trường đào tạo bậc cao đẳng.

- *Trình độ đại học:* là số đảng viên đã có bằng tốt nghiệp đào tạo bậc đại học.

- *Trình độ thạc sĩ:* là số đảng viên có bằng tốt nghiệp thạc sĩ.

- *Trình độ tiến sĩ:* là số đảng viên đã có bằng tiến sĩ.

- *Trình độ tiến sĩ khoa học:* là số đảng viên đã có bằng tiến sĩ khoa học.

Tổng số đảng viên được phân tích theo trình độ

chuyên môn nghiệp vụ nêu trên sẽ bằng hoặc nhỏ hơn tổng số đảng viên mới được kết nạp.

**Chú ý:** Những đảng viên đã tốt nghiệp nhiều bằng cấp từ thấp lên cao (ví dụ vừa có bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp, vừa có bằng tốt nghiệp đại học), để khỏi thống kê trùng, chỉ thống kê theo bằng cấp đại học (bằng cấp cao nhất).

### **III. Số đơn vị cơ sở có đến cuối kỳ báo cáo**

Được phân tích thành 2 phần: số đơn vị chưa có tổ chức cơ sở đảng và số đơn vị đã có tổ chức cơ sở đảng, nhằm theo dõi việc thực hiện Điều 10, Điều lệ Đảng “Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước”.

**Chú ý:** Trong tổng số đơn vị cơ sở đã có tổ chức cơ sở đảng ghi cụ thể số đơn vị có tổ chức cơ sở đảng mà 100% cán bộ, công chức đều là đảng viên (không có quần chúng) và số tổ chức cơ sở đảng có kết nạp đảng viên trong kỳ báo cáo.

### **Trang 2:**

Đưa danh mục 55 dân tộc và dân tộc khác; 6 tôn giáo và đạo khác vào biểu, để việc tổng hợp các dân tộc và tôn giáo trên máy tính được thống nhất.

Như vậy, toàn bộ đảng viên mới kết nạp được phân tích theo 56 dân tộc khác nhau, nên “đảng viên chia theo dân tộc” mục I trang 2 cũng là số “đảng viên mới kết nạp” (ghi ở mục I, cột 2, trang 1, biểu số 2-TCTW) chuyển sang.

### ***Biểu số 3-TCTW:***

## **BÁO CÁO ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN**

***Có đến 31-12-20.....***

**Đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo:** là tổng số đảng viên của mục D trong biểu số 1-TCTW (kỳ báo cáo cả năm) của huyện uỷ và tương đương; tỉnh uỷ và tương đương.

Tổng số đảng viên trên được phân tích theo một số chỉ tiêu: đảng viên dự bị; phụ nữ; dân tộc thiểu số; tôn giáo; đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh; quân nhân xuất ngũ; được miễn công tác, sinh hoạt đảng. Thống kê số đảng viên được miễn công tác, sinh hoạt đảng ở đây phải theo đúng quy định tại Điều 7, Điều lệ Đảng.

### **Phân tích đội ngũ đảng viên:**

**1. Tuổi đời:** là số đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo, được phân tích theo 5 nhóm tuổi như đã ghi trong biểu. Khi tổng hợp, các cấp uỷ phải căn cứ vào hồ sơ đảng viên và danh sách đảng viên để tính tuổi cho từng đảng viên. Tuổi bình quân cũng được tính như hướng dẫn tại biểu số 2-TCTW.

**Chú ý:** Nhóm tuổi từ 61 tuổi trở lên: quy ước lấy độ tuổi cuối nhóm là 80. Trị số giữa của nhóm tuổi này sẽ là:  $(61+80): 2 = 70,0$  tuổi.

**2. Thời gian kết nạp vào Đảng:** được phân tích thành 4 khoảng thời gian, mỗi khoảng thời gian phản ảnh một giai đoạn lịch sử nhất định của Đảng.

Khi thống kê, phải căn cứ vào ngày kết nạp của đảng viên ghi trong lý lịch đảng viên.

**3. Đảng viên có đủ:** 30, 40, 50, 60, 70, 80 năm tuổi đảng: thống kê số đảng viên có đủ 30 năm hoặc 40, 50, 60, 70, 80 năm tuổi đảng. Tuổi đảng của đảng viên tính từ tháng được công nhận là đảng viên chính thức (trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng theo quy định tại điểm 7 (7.1) Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị).

**4. Trình độ học vấn phổ thông** (xem giải thích ở biểu số 2).

**5. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ** (xem giải thích ở biểu số 2).

**6. Chức danh khoa học** là số đảng viên được Nhà nước phong là phó giáo sư, giáo sư; nếu 1 đảng viên được phong cả 2 chức danh khoa học thì thống kê chức danh khoa học cao nhất.

**7. Trình độ lý luận chính trị:** được phân tích ở 3 loại trình độ lý luận: sơ cấp; trung cấp và cao cấp, cử nhân. Tổng hợp số đảng viên đã được cấp bằng tốt nghiệp các bậc học theo quy định. Những đảng viên đã tốt nghiệp nhiều bằng cấp từ thấp đến cao thì thống kê theo bằng cấp cao nhất.

**Chú ý:** Biểu số 3-TCTW là một trong những biểu rất quan trọng trong hệ thống biểu báo cáo này. Do vậy, để bảo đảm chính xác, các cấp uỷ đảng phải đối chiếu với lý lịch đảng viên và thực hiện việc cập nhật những thay đổi của đảng viên trên máy tính để theo dõi tổng hợp.

**Biểu số 4-TCTW:**

**BÁO CÁO ĐẢNG VIÊN CHIA THEO  
DÂN TỘC VÀ TRONG CÁC TÔN GIÁO  
Có đến 31-12-20.....**

Biểu này dùng để tổng hợp và phân tích 2 chỉ tiêu:

- Đảng viên có đến cuối kỳ báo cáo chia theo dân tộc: là số liệu lấy từ mục “D” biểu số 1-TCTW báo cáo năm chuyển vào.

- Đảng viên trong các tôn giáo.

*Dân tộc:* được chia ra 55 dân tộc đã được Nhà nước công nhận, các dân tộc khác còn lại được ghi chung vào dòng: “*Dân tộc khác*” (56).

*Quốc tịch gốc nước ngoài:* là số đảng viên là người nước ngoài, đã nhập quốc tịch Việt Nam, sau đó ghi chú tên quốc tịch gốc của những đảng viên đó xuống cuối biểu.

*Tôn giáo:* được chia thành 6 tôn giáo được Nhà nước công nhận, các tôn giáo khác được tổng hợp chung vào dòng “*Các đạo khác*” (7).

Việc thống kê trong các tôn giáo, như sau:

- *Đạo Thiên chúa:* những đảng viên đã “*Chịu phép rửa tội*” theo quy định của Đạo Thiên chúa thì thống kê theo đạo này.

- *Đạo Phật giáo:* những đảng viên đã được “*Quy y tam bảo*” hoặc được cấp “*Sớ điệp*” theo quy định của đạo Phật thì thống kê theo đạo này.

- *Đạo Tin lành:* những đảng viên “*Chịu phép*

*Bấp têm*” theo quy định của đạo Tin lành thì thống kê theo đạo này.

- *Đạo Cao đài*: những đảng viên đã được cấp “*Sớ cầu đạo*” theo quy định của đạo Cao đài thì thống kê theo đạo này.

- *Đạo Hoà hảo*: những đảng viên đã được cấp “*Thẻ hội viên*”, trong nhà có thờ Trần Điều hoặc ảnh giáo chủ Huỳnh Phú Sổ.

- *Đạo Hồi*: những đảng viên khai là theo đạo Hồi Ixlam và đã làm lễ “*Xu Nát*” đối với nam, hay đã làm lễ “*Xuong tóc*” đối với nữ hoặc khai là theo đạo Hồi giáo BNi và trong nhà có thờ “*Thần lợn*” thì thống kê theo đạo này.

Ngoài ra, những đảng viên được tổ chức đảng phân công tham gia sinh hoạt trong giáo hội, cũng được thống kê theo đạo tương ứng.

Đảng viên trong các tôn giáo (mục II biểu này) phải bằng tổng số đảng viên trong các tôn giáo của biểu số 3-TCTW cột 2.

**Chú ý:** Quá trình tổng hợp biểu số 4-TCTW, các cấp uỷ cần căn cứ vào lý lịch của đảng viên và trao đổi với các ngành có liên quan để thống nhất về tên các dân tộc thiểu số và tôn giáo có trong đảng bộ.

***Biểu số 5-TCTW:***

**BÁO CÁO TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ  
ĐẢNG VIÊN TRONG CÁC LOẠI CƠ SỞ**

***Có đến 31-12-20.....***

**1. Xã:** là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị hành chính cấp cơ sở ở nông thôn nước ta hiện nay.

**2. Phường:** là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị hành chính cấp cơ sở trực thuộc quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

**3. Thị trấn:** là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị hành chính cấp cơ sở trực thuộc huyện, thị xã.

**4. Doanh nghiệp nhà nước:** là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở sản xuất - kinh doanh do các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương như: Chính phủ, bộ, ngành, uỷ ban nhân dân, sở... thành lập, đầu tư vốn và quản lý. Có 100% vốn hoặc chung vốn của các thành phần và tổ chức kinh tế khác, nhưng Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, gồm: các nhà máy, xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp, công ty, tổng công ty; công, nông, lâm trường... có tư cách pháp nhân (hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản và con dấu riêng, được ký kết các hợp đồng kinh tế). Chia ra:

a) *Công nghiệp các loại:* là số tổ chức cơ sở



đảng được lập trong các đơn vị cơ sở sản xuất công nghiệp do các bộ, ngành địa phương trực tiếp quản lý và các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng do Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý.

b) *Giao thông, vận tải, bưu điện*: là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở làm giao thông, vận tải, bưu điện (không kể các đơn vị sản xuất công nghiệp, xây dựng, thương nghiệp trực thuộc ngành giao thông, vận tải, bưu điện).

c) *Xây dựng*: là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở hoạt động xây dựng thuộc ngành xây dựng và các ngành, các địa phương quản lý (không kể các đơn vị sản xuất công nghiệp, giao thông, thương nghiệp thuộc ngành xây dựng).

d) *Nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi*: là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi.

e) *Thương nghiệp, dịch vụ, du lịch*: là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở hoạt động thương nghiệp, dịch vụ, du lịch.

Tổng cộng số lượng từ a đến e, phải bằng tổng số ở chỉ tiêu 4 (doanh nghiệp nhà nước).

**5. Doanh nghiệp cổ phần do Nhà nước chi phối**: là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở sản xuất kinh doanh do các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương thành lập

và quản lý có 100% vốn do các cổ đông (là cán bộ, công nhân, nhân viên của doanh nghiệp) góp vốn đầu tư và chỉ đạo doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh, có đủ tư cách pháp nhân. Tổng số này cũng được phân tích theo 5 loại như ở doanh nghiệp nhà nước (chỉ tiêu 4 biểu này).

**6. Hợp tác xã, tổ hợp:** là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở làm kinh tế tập thể như hợp tác xã, tập đoàn, tổ hợp sản xuất - kinh doanh tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, thương nghiệp, dịch vụ... có đủ tư cách pháp nhân.

**Chú ý:** Không thống kê vào mục này các hợp tác xã, tập đoàn, tổ hợp... trực thuộc xã, phường, thị trấn.

**7. Doanh nghiệp tư nhân:** là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các doanh nghiệp tư nhân của người Việt Nam có mức vốn theo pháp định; tư nhân đầu tư vốn và quản lý, đã được Nhà nước cấp phép đăng ký kinh doanh.

**8. Công ty trách nhiệm hữu hạn:** là tổ chức cơ sở đảng được lập trong các doanh nghiệp do một thành viên hoặc từ 2 đến 50 thành viên (thành viên có thể là tổ chức hoặc cá nhân) góp vốn. Các doanh nghiệp này đã được Nhà nước cấp giấy phép kinh doanh.

**9. Công ty cổ phần tư nhân:** là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các doanh nghiệp do các

thành viên góp vốn (tư nhân, tập thể, nhà nước, người nước ngoài). Các doanh nghiệp này đã đăng ký kinh doanh và được nhà nước cấp giấy phép kinh doanh.

**10. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:** là số tổ chức cơ sở đăng được lập trong các công ty, xí nghiệp có 100% vốn, hoặc phần lớn vốn của người nước ngoài, do người nước ngoài làm chủ, đã được Nhà nước cấp giấy phép đăng ký kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài.

**11. Cơ sở sự nghiệp:** là số tổ chức cơ sở đăng được lập trong tất cả các đơn vị cơ sở hoạt động sự nghiệp như: viện và trung tâm nghiên cứu khoa học; các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trung học phổ thông; các cơ sở y tế như trung tâm y tế, bệnh viện, viện điều dưỡng; các đơn vị xuất bản, báo chí, văn học nghệ thuật; các cơ sở, đơn vị thuộc ngành thể dục thể thao... không kể các trường, trạm, trại... thuộc xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý.

**Chú ý:** Khi tổng hợp ở các đơn vị doanh nghiệp nhà nước, công ty, tổng công ty, xí nghiệp, nhà máy lớn... nếu có các cơ sở hoạt động sự nghiệp như trên và được xác định là cấp cơ sở đều phải tách và thống kê riêng vào mục này.

Sau khi tổng hợp chung ở mục 11, tiến hành phân tích riêng một số loại hình:

- Viện, trung tâm nghiên cứu khoa học.

- Trường đại học, cao đẳng.
- Trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.
- Trường trung học phổ thông.
- Bệnh viện.

Tổng số của 5 loại hình nêu trên, có thể bằng hoặc nhỏ hơn tổng số của chỉ tiêu 11 (cơ sở sự nghiệp).

**12. Cơ quan hành chính:** là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong tất cả các đơn vị cơ sở là cơ quan hành chính của Đảng, chính quyền, đoàn thể, toà án, viện kiểm sát... ở 3 cấp (Trung ương; tỉnh, thành phố; quận, huyện, thị xã).

**13. Quân đội:** là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong tất cả các đơn vị cơ sở thuộc hệ thống quân đội chính quy trực thuộc các cấp Trung ương; tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã. Không kể các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, cơ sở doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trong quân đội, các đơn vị bán vũ trang của cấp xã, phường, thị trấn.

**14. Công an:** là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở của ngành công an trực thuộc các cấp Trung ương; tỉnh, thành phố; quận, huyện, thị xã. Không kể các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, cơ sở doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trong ngành công an và đơn vị công an trực thuộc cấp xã, phường, thị trấn.

**15. Tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước:** là tổ

chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở ở ngoài nước, trực thuộc Ban Cán sự đảng ngoài nước.

**16. Cơ sở khác:** là số tổ chức cơ sở đảng được lập trong các đơn vị cơ sở chưa thống kê vào 15 loại cơ sở trên, tổng hợp vào mục 16 (cơ sở khác). Phần cuối biểu ghi chú rõ những tên đơn vị cơ sở đó.

Cộng (1 + ... + 16) phản ánh toàn bộ số đảng viên và tổ chức cơ sở đảng của đảng bộ. Tổng số đảng viên ở biểu này phải thống nhất với tổng số đảng viên có trong danh sách đến cuối kỳ báo cáo của biểu số 1-TCTW (mục D). Tổng số tổ chức cơ sở đảng trong biểu này phải bằng số tổ chức cơ sở đảng có đến cuối kỳ báo cáo (mục III - biểu số 2-TCTW).

**Chú ý:**

1. Tổng số đảng viên ở mỗi loại hình cơ sở (cột 10), bao gồm tất cả đảng viên làm các ngành, nghề khác nhau cùng sinh hoạt trong một đảng bộ cơ sở.

*Ví dụ:* ở xã, bao gồm đảng viên làm nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ, sự nghiệp, cán bộ hưu trí...; ở các doanh nghiệp, bao gồm cả đảng viên làm công tác quản lý, gián tiếp, đảng viên là công nhân lao động trực tiếp sản xuất.

2. Mỗi loại hình cơ sở đảng đều thống kê đầy đủ các cột đã ghi trong biểu, trong đó:

- Cột 2: Tổng số đơn vị cơ sở.
- Cột 3: Tổng số đơn vị cơ sở chưa có tổ chức cơ

sở đảng, được thống kê như sau: sau khi có được tổng số đơn vị cơ sở (cột 2) tiến hành phân tích: Trong tổng số đơn vị cơ sở đó, có bao nhiêu đơn vị cơ sở chưa có tổ chức cơ sở đảng: thống kê vào cột 3. Chỉ tiêu này phải thống nhất với chỉ tiêu III (1) trong biểu số 2-TCTW - báo cáo đảng viên mới kết nạp (báo cáo năm).

- Cột 4: Từ tổng số đơn vị cơ sở chưa có tổ chức cơ sở đảng vừa tổng hợp, tiếp tục phân tích: trong đó có bao nhiêu đơn vị cơ sở đã có đảng viên để thống kê vào cột 4 (trong đó số đơn vị cơ sở đã có đảng viên).

Đây là số đơn vị cơ sở đã có đảng viên, nhưng chưa có tổ chức cơ sở đảng, vì số đảng viên có nhưng chưa đủ để thành lập tổ chức đảng.

***Biểu số 6-TCTW:***

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH ĐẢNG VIÊN  
THEO NGHỀ NGHIỆP VÀ CÔNG TÁC  
*Có đến 31-12-20.....***

**Mục: Đảng viên trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo:** là số đảng viên trong danh sách của đảng bộ có đến cuối kỳ báo cáo, số liệu này bằng tổng số đảng viên ở mục D của biểu số 1-TCTW nêu trên và phân tích theo hai mục dưới đây:

**I. Đảng viên đang làm việc và công tác:** là số đảng viên đang làm việc và công tác của đảng bộ có đến cuối kỳ báo cáo, số liệu này được phân tích theo 15 tiêu chí (từ 1 đến 15):

**1. Cán bộ đảng chuyên trách:** là số đảng viên của đảng bộ đang làm cán bộ đảng chuyên trách từ Trung ương đến địa phương, do ngân sách của Đảng trả lương và số đảng viên làm cán bộ đảng chuyên trách trong các doanh nghiệp do doanh nghiệp trả lương.

**2. Cán bộ các đoàn thể chuyên trách:** là số đảng viên của đảng bộ làm cán bộ chuyên trách các đoàn thể từ Trung ương đến địa phương do ngân sách của các đoàn thể trả lương và số đảng viên làm cán bộ đoàn thể chuyên trách ở các doanh nghiệp do doanh nghiệp trả lương.

Riêng số đảng viên là công nhân các nghề như: lái xe, thợ điện, nước..., công nhân viên phục vụ cơ quan trong các cơ quan đảng, đoàn thể không thống kê vào hai chỉ tiêu 1 và 2 nêu trên, mà đưa vào chỉ tiêu số 8 (*công nhân, nhân viên phục vụ cơ quan*).

**3. Cán bộ dân cử (bầu cử):** là số đảng viên của đảng bộ được hội đồng nhân dân các cấp bầu theo Luật Bầu cử được Nhà nước trả lương.

**4. Cán bộ công chức nhà nước:** là số đảng viên của đảng bộ là công chức nhà nước được tuyển dụng và bổ nhiệm theo Nghị định số 169/HĐBT ban hành ngày 25-5-1991 về công chức nhà nước được Nhà nước trả lương.

Riêng số đảng viên hoạt động trong các ngành sự nghiệp như: giáo dục, y tế, hoạt động khoa học, phóng viên báo chí, phát thanh truyền hình, văn nghệ sĩ, thể dục thể thao... trong các tổ chức nhà nước không thống kê vào chỉ tiêu này mà được thống kê vào chỉ tiêu 5 (*cán bộ hoạt động sự nghiệp*).

**5. Cán bộ hoạt động sự nghiệp:** đảng viên của đảng bộ là cán bộ, nhân viên làm việc trong các trường học, trung tâm y tế, bệnh viện, cơ quan nghiên cứu khoa học, cơ quan xuất bản, báo chí (cả biên tập và phát hành), cơ quan phát thanh truyền hình, các đoàn nghệ thuật, nhà hát, rạp xiếc..., các trung tâm thể dục thể thao... (cả trong và ngoài biên chế nhà nước).

**6. Cán bộ quản lý, cán bộ gián tiếp trong các doanh nghiệp:** đảng viên của đảng bộ là cán



bộ quản lý các doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá, hợp tác xã, các loại doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (như: các thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc; giám đốc, phó giám đốc; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã; trưởng, phó phòng, quản đốc, phó quản đốc phân xưởng...; đảng viên là cán bộ, nhân viên ở các phòng ban như: tổ chức, kế hoạch, kỹ thuật, tài vụ, vật tư, điều độ...).

**7. Công nhân, lao động trong các thành phần kinh tế:** là số đảng viên của đảng bộ là công nhân và lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh ở tất cả các thành phần kinh tế (không kể cán bộ quản lý, cán bộ gián tiếp đã thống kê ở chỉ tiêu 6 nêu trên), số liệu này được phân tích theo các yếu tố (a, b, c, d, đ, e, g) sau đây:

a) *Doanh nghiệp nhà nước:* là số đảng viên làm công nhân và lao động trong các doanh nghiệp nhà nước (kể cả những doanh nghiệp do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý trực tiếp).

b) *Doanh nghiệp cổ phần do Nhà nước chi phối:* là số đảng viên làm công nhân và lao động trong các doanh nghiệp cổ phần do nhà nước chi phối.

c) *Hợp tác xã, tổ hợp tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ:* là số đảng viên làm xã viên trong các đơn vị cơ sở kinh tế tập thể như hợp tác xã, tổ hợp (bao gồm cả đảng viên sinh hoạt trong đảng bộ, chi bộ cơ sở của hợp tác xã, tổ hợp và đảng viên làm việc tại hợp tác xã và tổ

hợp, nhưng sinh hoạt ở chi bộ của xã, phường, thị trấn...).

*d) Doanh nghiệp tư nhân:* là số đảng viên làm công nhân lao động trong các doanh nghiệp tư nhân (bao gồm cả đảng viên sinh hoạt trong đảng bộ, chi bộ cơ sở của doanh nghiệp tư nhân và đảng viên làm việc tại doanh nghiệp tư nhân, nhưng sinh hoạt ở chi bộ của xã, phường, thị trấn...).

*đ) Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân:* là số đảng viên làm công nhân và lao động trong các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (bao gồm cả đảng viên sinh hoạt trong đảng bộ, chi bộ cơ sở của công ty và đảng viên làm việc tại công ty nhưng sinh hoạt ở chi bộ của xã, phường, thị trấn...).

*e) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:* là số đảng viên làm công nhân và lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả đảng viên sinh hoạt trong đảng bộ, chi bộ cơ sở của doanh nghiệp và đảng viên làm việc tại doanh nghiệp nhưng sinh hoạt ở chi bộ của xã, phường, thị trấn...).

*g) Lao động cá thể, tiểu thương:* là số đảng viên lao động cá thể, tiểu thương chủ yếu sinh hoạt trong các xã, phường, thị trấn...

**8. Công nhân viên phục vụ trong cơ quan:** đảng viên là công nhân, nhân viên phục vụ trong các cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể từ cấp huyện trở lên như: lái xe, thợ điện, nước, nhân viên đánh máy, lao công tạp vụ...

### **9. Lao động nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi:**

là số đảng viên của đảng bộ lao động trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi, hưởng thu nhập chủ yếu bằng nghề đó (không tính số đảng viên đang sinh hoạt ở xã, phường, đang lao động trong các ngành nghề được thống kê ở chỉ tiêu số 10; là cán bộ chuyên trách hưởng chế độ phụ cấp theo định suất ở các xã, phường... thống kê ở chỉ tiêu số 13; số đảng viên đã nghỉ làm việc và công tác thống kê ở mục II dưới đây; số đảng viên đang sinh hoạt chi bộ của xã, phường... nhưng làm trong lĩnh vực sự nghiệp đã thống kê ở chỉ tiêu số 5; đang làm việc trong các thành phần kinh tế đã thống kê ở chỉ tiêu số 7 nêu trên). Số liệu này được phân tích qua 4 yếu tố (a, b, c, d) sau đây:

a) *Nông nghiệp*: là số đảng viên làm nông nghiệp và sống chính bằng nghề nông nghiệp.

b) *Lâm nghiệp*: là số đảng viên làm lâm nghiệp và sống chính bằng nghề lâm nghiệp.

c) *Ngư nghiệp*: là số đảng viên làm ngư nghiệp và sống chính bằng nghề ngư nghiệp.

d) *Thủy lợi*: là số đảng viên làm thủy lợi và sống chính bằng nghề thủy lợi.

**10. Lao động trong các hội ngành nghề:** là số đảng viên của đảng bộ lao động trong các ngành nghề như: Hội làm vườn, Hội nuôi ong...

**11. Sĩ quan, chiến sĩ quân đội:** là số đảng viên của đảng bộ là sĩ quan, chiến sĩ trong quân đội kể cả bộ đội biên phòng (không kể công nhân quốc phòng đã thống kê ở chỉ tiêu 7a nêu trên).

**12. Sĩ quan, chiến sĩ công an:** là số đảng viên của đảng bộ là sĩ quan, chiến sĩ trong ngành công an từ cấp cơ sở trở lên, hưởng lương từ ngân sách nhà nước (không tính số công an viên xã, phường hưởng phụ cấp theo định xuất).

**13. Cán bộ gián tiếp cấp xã, phường:** là số đảng viên của đảng bộ là cán bộ được hưởng chế độ phụ cấp theo định xuất (kể cả công an viên hưởng phụ cấp theo định xuất ở cấp xã, phường, thị trấn).

**14. Học sinh, sinh viên chuyên nghiệp:** là số đảng viên của đảng bộ là học sinh, sinh viên đang học tập, tập trung dài hạn ở các trường cao đẳng, đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, sinh hoạt tại các đảng bộ, chi bộ nhà trường.

**15. Lao động các nghề khác:** là đảng viên của đảng bộ còn lại, không phân tích vào những nghề nghiệp và công tác ở 14 chỉ tiêu nêu trên.

**II. Đảng viên đã nghỉ làm việc, công tác:** là số đảng viên của đảng bộ đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức; được miễn sinh hoạt và công tác; nghỉ làm việc, công tác, số liệu này được phân tích theo 3 chỉ tiêu (1, 2, 3) dưới đây:

**1. Đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức theo chế độ:** là số đảng viên của đảng bộ đã được nghỉ hưu, nghỉ mất sức, theo chế độ nhà nước quy định. Đối tượng này nếu lại tiếp tục làm việc và công tác thì thống kê vào các lĩnh vực hoạt động tương ứng đã nêu trên, không thống kê ở chỉ tiêu này.

**2. Được miễn sinh hoạt đảng và công tác:** là số đảng viên của đảng bộ do tuổi già, sức yếu

hoặc do hoàn cảnh khác, đã được chi bộ, đảng bộ cơ sở cho miễn sinh hoạt và công tác theo Điều 7, Điều lệ Đảng.

**3. Nghỉ làm việc, công tác:** là số đảng viên làm nội trợ cho gia đình; mất khả năng lao động, không làm việc gì do điều kiện sức khỏe; không có nhu cầu làm việc.

**Chú ý:**

- Tất cả các chỉ tiêu đều được thống kê trong năm báo cáo, có so sánh và tính tỷ lệ với năm trước.

- Các chỉ tiêu 7, 8, 9, 10, 13, 15: đều tách riêng số đảng viên đang hưởng chế độ nghỉ hưu, mất sức.

- Đảng viên đang hưởng chế độ nghỉ hưu, mất sức của đảng bộ sẽ là tổng số của mục II (1) cộng với các chỉ tiêu số 7, 8, 9, 10, 13, 15 mục (I) biểu này.

**Biểu 7A, 7B-TCTW:**

**ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG  
TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN**

Thực hiện Hướng dẫn số 01-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương ngày 14-10-2006 về “Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên”, cấp ủy huyện (và tương đương), cấp ủy trực thuộc Trung ương tiến hành thống kê tổng hợp và báo cáo lên cấp ủy cấp trên về kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, sau khi kết thúc năm báo cáo.

Nội dung báo cáo như sau:

**Biểu 7A-TCTW:**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG  
TCCS ĐẢNG  
Năm 20.....**

**A. Số TCCS đảng có đến cuối năm:** số liệu này thống nhất với số liệu trong cột 5, biểu số 5-TCTW nêu trên.

1. Thống kê số tổ chức cơ sở đảng đã được đánh giá chất lượng.

Từ tổng số tổ chức cơ sở đảng được đánh giá chất lượng, phân tích kết quả đánh giá thành 3 loại theo nội dung (phần B) Hướng dẫn số 01-HD/BTCTW ngày 14-10-2006 của Ban Tổ chức Trung ương như sau:

a) Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh: là tổ chức cơ sở đảng được cấp ủy cấp trên trực tiếp xét, quyết định xếp loại. Trong đó: trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, là tổ chức cơ sở đảng được lựa chọn không quá 20% tổng số tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh để đề nghị khen thưởng theo quy định.

b) Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành nhiệm vụ: là số tổ chức cơ sở đảng được cấp ủy cấp trên trực tiếp xét, quyết định xếp loại này.

- Tổ chức cơ sở đảng yếu kém: là số tổ chức cơ sở đảng được cấp ủy trực tiếp xếp loại này.

2. Thống kê số TCCS đảng chưa được đánh giá chất lượng.

**B. Số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở:** số liệu này thống nhất với số liệu trong cột 9, biểu số 5-TCTW nêu trên.

Trong số chi bộ trực thuộc được đánh giá chất lượng: kết quả đánh giá được đảng uỷ cơ sở xét, quyết định xếp thành 3 loại.

a) Trong sạch, vững mạnh (trong đó, lựa chọn không quá 20% chi bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu để đề nghị khen thưởng theo quy định).

b) Hoàn thành nhiệm vụ.

c) Yếu kém.

**Chú ý:** Tổng số tổ chức cơ sở đảng và chi bộ được phân tích theo các loại hình tổ chức cơ sở đảng từ cột 4 đến cột 14 trong biểu, tổng số của các cột trên bằng số lượng ghi ở cột 2.

***Biểu 7B-TCTW:***

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN**  
**Năm 20.....**

Đảng viên có đến thời điểm đánh giá chất lượng là số liệu mục “D” biểu số 1-TCTW cộng thêm số đảng viên ở đảng bộ khác chuyển đến sinh hoạt tạm thời (nếu có).

Tổng số đảng viên trên được phân tích:

1. Đảng viên được miễn đánh giá chất lượng: là tổng số của số đảng viên được miễn công tác và

sinh hoạt đảng và số đảng viên chuyển sinh hoạt tạm thời đến đảng bộ khác (nếu có).

2. **Đảng viên chưa được đánh giá chất lượng:** là những đảng viên thuộc diện đánh giá nhưng tới thời điểm đánh giá chất lượng không có mặt để đánh giá vì những lý do như đi công tác, hoặc đi học tập, đi làm xa, ốm đau phải điều trị...

3. **Đảng viên đã được đánh giá chất lượng:**

Từ tổng số đảng viên được đánh giá chất lượng, phân tích kết quả đánh giá thành 3 loại theo nội dung tại mục II, phần B, Hướng dẫn số 01-HD/BTCTW ngày 14-10-2006 của Ban Tổ chức Trung ương, như sau:

**A. Đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ:** là số đảng viên được cấp uỷ cơ sở xét, quyết định xếp loại này.

Trong đó: đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, là số đảng viên được chọn ra trong tổng số đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ để đề nghị khen thưởng, không vượt quá 15% trong tổng số đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ của chi bộ.

**B. Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành nhiệm vụ:** là số đảng viên được cấp uỷ cơ sở xét, quyết định xếp loại này.

Trong đó: đủ tư cách nhưng có mặt còn hạn chế, được phân tích theo những hạn chế sau:

1) Chưa tận tụy với công việc...



2) Còn khuyết điểm trong công tác, sinh hoạt đảng...

3) Là người đứng đầu cơ quan, đơn vị; bí thư cấp uỷ... chưa hoàn thành nhiệm vụ.

**C. Đảng viên vi phạm tư cách:** là số đảng viên được cấp uỷ cơ sở xét, quyết định xếp loại này. Số đảng viên này được phân tích như sau:

1) Cơ quan quản lý; chi bộ đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

2) Không chấp hành sự phân công, gây mất đoàn kết.

**Chú ý:** Tổng số đảng viên được phân tích theo các loại hình tổ chức cơ sở đảng từ cột 4 đến cột 14 trong biểu, tổng số các cột nêu trên bằng số lượng ghi ở cột 2.

### ***Biểu số 8-TCTW:***

## **BÁO CÁO KHEN THƯỞNG ĐẢNG VIÊN**

***Năm 20.....***

**I. Các danh hiệu:** là số đảng viên của đảng bộ có thành tích, công lao bảo vệ và xây dựng đất nước đã được Nhà nước phong tặng các danh hiệu cao quý, số liệu trên được phân tích theo các chỉ tiêu (1, 2, 3, 4, 5, 6) dưới đây:

**1. Danh hiệu anh hùng:** là số đảng viên của đảng bộ được Nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng các loại, số liệu này được phân tích theo 3

danh hiệu (a, b, c) sau đây:

a) *Anh hùng Lực lượng vũ trang*: là số đảng viên của đảng bộ có thành tích trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

b) *Anh hùng Lao động*: là số đảng viên của đảng bộ có thành tích trong lao động sản xuất xây dựng đất nước, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

c) *Bà mẹ Việt Nam Anh hùng*: đảng viên của đảng bộ là những phụ nữ Việt Nam có con, có chồng hy sinh trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

**2. Cán bộ lão thành cách mạng**: là số đảng viên của đảng bộ đã có công lao hoạt động cách mạng trước ngày 19-8-1945 được Đảng và Nhà nước công nhận cán bộ hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

**Chú ý**: Tính riêng số cán bộ hoạt động trước năm 1945.

**3. Nghệ sĩ nhân dân**: là số đảng viên của đảng bộ đã có nhiều đóng góp vào nền nghệ thuật quốc gia, được Nhà nước phong tặng Nghệ sĩ nhân dân.

**4. Nhà giáo nhân dân**: là số đảng viên của đảng bộ đã có nhiều đóng góp vào nền giáo dục quốc gia, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân.

**5. Thầy thuốc nhân dân**: là số đảng viên của

đảng bộ, đã có nhiều đóng góp trong sự nghiệp bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Thầy thuốc nhân dân.

**6. Gia đình có công với cách mạng:** là số đảng viên của đảng bộ mà bản thân hoặc người thân trong gia đình (ông, bà, bố, mẹ, vợ hoặc chồng...) đã có công nuôi, giấu cán bộ hoạt động cách mạng hoặc cơ sở hội họp của tổ chức cách mạng trong thời kỳ chống kẻ thù xâm lược đất nước, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Gia đình có công với cách mạng.

**7. Gia đình liệt sĩ:** là số đảng viên của đảng bộ có người thân (ông, bà, bố, mẹ, con, vợ hoặc chồng, anh, chị em ruột) hy sinh trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh và an toàn xã hội, được Nhà nước phong tặng là Gia đình liệt sĩ.

**II. Được khen thưởng:** là số đảng viên của đảng bộ có thành tích được Đảng và Nhà nước tặng thưởng huân chương các loại, số hiệu này được phân tích theo 4 mức (a, b, c, d) dưới đây:

a) *Huân chương bậc cao:* là số đảng viên của đảng bộ có nhiều thành tích xuất sắc được Đảng và Nhà nước tặng thưởng huân chương bậc cao gồm: Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công, Huân chương Lao động theo các hạng (nhất, nhì, ba).

b) *Huân chương Kháng chiến:* là số đảng viên của đảng bộ có thành tích xuất sắc trong các cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược bảo vệ Tổ

quốc, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến các hạng (nhất, nhì, ba).

*c) Huân chương Chiến công:* là số đảng viên của đảng bộ có thành tích xuất sắc trong một chiến dịch, một mặt trận hoặc một trận đánh kẻ thù quan trọng, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công.

*d) Huân chương chiến sĩ vẻ vang:* là số đảng viên trong đảng bộ có thành tích tốt trong quá trình công tác, phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

**2. Huy chương các loại:** là số đảng viên của đảng bộ có thành tích được Đảng và Nhà nước tặng thưởng huy chương các loại theo các hạng (nhất, nhì).

**3. Huy hiệu Đảng các loại:** là số đảng viên của đảng bộ có quá trình hoạt động lâu năm trong tổ chức của Đảng, được Đảng Cộng sản Việt Nam tặng thưởng Huy hiệu Đảng các loại, số liệu này được phân tích theo 6 mức sau đây:

+ *Huy hiệu 80 năm:* là số đảng viên của đảng bộ có 80 năm tuổi đảng được Đảng tặng Huy hiệu 80 năm.

+ *Huy hiệu 70 năm:* là số đảng viên của đảng bộ có 70 năm tuổi đảng được Đảng tặng Huy hiệu 70 năm.

+ *Huy hiệu 60 năm:* là số đảng viên của đảng bộ có 60 năm tuổi đảng được Đảng tặng Huy hiệu 60 năm.

+ *Huy hiệu 50 năm:* là số đảng viên của đảng

bộ có 50 năm tuổi đảng được Đảng tặng Huy hiệu 50 năm.

+ *Huy hiệu 40 năm*: là số đảng viên của đảng bộ có 40 năm tuổi đảng được Đảng tặng Huy hiệu 40 năm.

+ *Huy hiệu 30 năm*: là số đảng viên của đảng bộ có đủ 30 năm tuổi đảng được Đảng tặng Huy hiệu 30 năm.

**4. Bằng khen:** là số đảng viên của đảng bộ có thành tích xuất sắc được Đảng, Nhà nước, các tổ chức quần chúng tặng Bằng khen.

**5. Các hình thức khen thưởng khác:** gồm giấy khen các loại, kỷ niệm chương.

### ***Biểu số 9-TCTW:***

## **BÁO CÁO ĐẢNG VIÊN BỊ XỬ LÝ KỶ LUẬT VÀ ĐẢNG VIÊN RA KHỎI ĐẢNG**

***Năm 20.....***

Từ cấp huyện uỷ (và tương đương) trở lên, tiến hành tổng hợp biểu số 9-TCTW trong đảng bộ. Khi tổng hợp, các đảng bộ cần trao đổi thống nhất về số liệu với uỷ ban kiểm tra cùng cấp trước khi ghi vào biểu. Cụ thể:

### ***Mục A: Đảng viên bị xử lý kỷ luật.***

Tiến hành phân tích chỉ tiêu này theo những nội dung:

1. Bốn hình thức kỷ luật.

Khi phân tích đảng viên vi phạm theo 4 hình thức kỷ luật, cần chú ý:

- Hình thức khai trừ: tổng số đảng viên ghi ở đây phải bằng số đảng viên bị khai trừ đã thống kê ở biểu 1-TCTW mục c (2) kỳ báo cáo năm.

- Tổng số của 4 hình thức kỷ luật: phải bằng tổng số đảng viên bị xử lý kỷ luật (mục A nói trên).

## 2. Nội dung vi phạm.

Phân tích đảng viên vi phạm kỷ luật theo nội dung vi phạm: tổng số của 6 nội dung vi phạm phải bằng tổng số đảng viên vi phạm kỷ luật.

## 3. Cấp uỷ viên vi phạm.

Phân tích riêng số đảng viên là cấp uỷ viên bị xử lý kỷ luật trong tổng số đảng viên bị xử lý kỷ luật nói chung. Trong số đảng viên là cấp uỷ viên bị kỷ luật lại phân tích theo các cấp như ghi trong biểu.

## 4. Đảng viên bị xử lý theo pháp luật.

Phân tích riêng số đảng viên bị xử lý theo pháp luật trong tổng số đảng viên bị xử lý kỷ luật nói chung. Số này được phân tích theo 3 mức: tù giam, tù án treo và cảnh cáo trước pháp luật.

## **Mục B: Tổng số đảng viên ra khỏi Đảng.**

Đảng viên ra khỏi Đảng là những người tính đến thời điểm báo cáo không còn đảng số của đảng bộ. “Đảng viên ra khỏi Đảng” là chỉ tiêu tổng hợp của 3 đối tượng:

- Đảng viên bị khai trừ.

Đảng viên bị khai trừ ghi ở đây phải thống

nhất với số đảng viên bị khai trừ ghi ở điểm 1, mục A tại báo cáo này.

- Đảng viên bị xoá tên.
- Đảng viên xin ra khỏi Đảng.

Số đảng viên bị xoá tên và đảng viên xin ra khỏi Đảng phải bằng số liệu đảng viên bị xoá tên và đảng viên xin ra khỏi Đảng ở biểu số 1-TCTW (báo cáo năm).

Trong số đảng viên xin ra khỏi Đảng, tách riêng số người xin giấy xác nhận tuổi đảng, ghi vào dòng cuối biểu báo cáo.

***Biểu số 10-TCTW:***

**BÁO CÁO  
VỀ NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN  
Năm 20.....**

Biểu này dùng cho ban tổ chức của cấp uỷ huyện (và tương đương), cấp uỷ trực thuộc Trung ương thống kê và báo cáo ban tổ chức cấp uỷ cấp trên (định kỳ năm một lần).

***Chú ý:***

- Những chỉ tiêu có thêm cụm từ “*trong năm*”: thống kê số liệu thực hiện được trong năm báo cáo.
- Những chỉ tiêu khác còn lại: thống kê số thực tế, có đến thời điểm báo cáo.

***Biểu số 11-TCTW:***

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI LIỆU  
VÀ PHƯƠNG TIỆN QUẢN LÝ ĐẢNG VIÊN  
*Năm 20.....***

Biểu này dùng cho ban tổ chức của cấp uỷ huyện (và tương đương), cấp uỷ trực thuộc Trung ương thống kê và báo cáo ban tổ chức của cấp uỷ cấp trên (định kỳ năm một lần).

***Chú ý:***

- Các phương tiện làm thẻ đảng viên, Ban Tổ chức Trung ương chỉ cấp lần đầu cho các huyện uỷ (và tương đương) trở lên (kể cả số mới được thành lập sau này); trong quá trình sử dụng cần thay thế, sửa chữa thì liên hệ trực tiếp với nơi sản xuất và kinh phí do các đảng bộ chi.

- Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng nội bộ do các cấp uỷ trực thuộc in theo mẫu quy định của Ban Tổ chức Trung ương để sử dụng.

***4.2. Báo cáo cán bộ chủ chốt và bầu cử cấp uỷ***

...

***Biểu số 12D:***

**BÁO CÁO MỘT SỐ CHỨC DANH  
CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ, PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN**

Do cấp uỷ cơ sở xã, phường, thị trấn thực hiện, để thống kê một số cán bộ chủ chốt sau:



- *Bí thư, phó bí thư.*

- *Chủ tịch, phó chủ tịch HĐND.*

- *Chủ tịch, phó chủ tịch UBND.*

Sau khi có tổng số cán bộ theo các chức danh nói trên, tiến hành phân tích một số chỉ tiêu như biểu số 12A, 12B và 12C-TCTW nêu trên.

### ***Biểu số 12E-TCTW:***

## **BÁO CÁO BẦU CỬ CẤP ỦY CƠ SỞ.....**

### **Nhiệm kỳ.....**

Biểu dùng cho huyện uỷ (và tương đương) tổng hợp kết quả bầu cử cấp uỷ cơ sở, theo từng loại cấp uỷ như sau:

1. Cấp uỷ cơ sở xã, phường, thị trấn.
2. Cấp uỷ cơ sở các loại hình doanh nghiệp nhà nước.
3. Cấp uỷ cơ sở cơ quan hành chính.
4. Cấp uỷ cơ sở sự nghiệp.
5. Cấp uỷ cơ sở trong lực lượng vũ trang (Quân đội và Công an).

Nếu đại hội ở cấp cơ sở không tiến hành trong cùng một thời điểm, thì phải thống kê làm nhiều lần. Vì vậy trong phần “**chú ý**” mục C cuối trang 1 của biểu 12E-TCTW cần ghi rõ số liệu có đến thời điểm từng lần báo cáo.

Quá trình tổng hợp biểu số 12E-TCTW được chia làm 2 phần:

## **Phần I: Cấp uỷ khoá trước không tham gia khoá này.**

Phân tích cho cả 3 đối tượng: cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, bí thư.

**1. Tổng số:** là tổng số cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ và bí thư thuộc cấp uỷ khoá trước không tham gia khoá này. Sau đó tiến hành phân tích một số chỉ tiêu: được giới thiệu tái cử khoá này, nhưng không trúng cử; nữ; dân tộc thiểu số; trực tiếp sản xuất; cán bộ hưu trí; thủ trưởng đơn vị; chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; bí thư chi bộ trong tổng số cấp uỷ viên đã tổng hợp.

**Chú ý:** Số cấp uỷ viên được giới thiệu tái cử cấp uỷ khoá này nhưng không trúng cử cũng được tổng hợp vào phần cấp uỷ khoá trước không tham gia khoá này, nhưng phân tích riêng như đã hướng dẫn nêu trên.

**2. Phân tích tổng số cấp uỷ viên khoá trước không tham gia khoá này,** theo 5 lý do:

- *Bị xử lý kỷ luật đảng, hành chính, pháp luật:* thống kê số cấp uỷ viên bị kỷ luật theo những nội dung vi phạm khác nhau như: tham nhũng, vi phạm nguyên tắc tổ chức kỷ luật, vi phạm pháp luật nhà nước, vi phạm đạo đức cách mạng.

- *Năng lực yếu:* thống kê số cấp uỷ viên do trình độ kém, năng lực yếu, không đảm đương được nhiệm vụ của tổ chức giao phó.

- *Tín nhiệm thấp:* thống kê cấp uỷ viên do có

nhiều dư luận tiêu cực, hoặc có đơn thư tố cáo, nhưng chưa được xem xét, kết luận và xử lý.

Số đưa vào danh sách bầu cử cấp uỷ khoá này nhưng không trúng cử cần được phân tích rõ lý do để tổng hợp vào “*năng lực yếu*” hay “*tín nhiệm thấp*” hoặc lý do khác cho phù hợp.

- *Tuổi cao, sức yếu*: thống kê số cấp uỷ viên không tham gia khoá này vì tuổi cao, sức khoẻ yếu, ốm đau, bệnh tật hoặc chuẩn bị nghỉ hưu.

- *Lý do khác*: thống kê cấp uỷ viên không tham gia khoá này vì bị chết, hoặc điều chuyển làm công tác khác.

Tổng số của 5 lý do trên, bằng số cấp uỷ viên khoá trước không tham gia khoá này (dòng tổng số - dấu biểu) theo từng đối tượng: cấp uỷ viên; uỷ viên ban thường vụ, trong đó: bí thư.

## **Phần II: So sánh cấp uỷ khoá trước với cấp uỷ khoá này.**

### **1. Đối tượng so sánh:**

- + Cấp uỷ viên.
- + Uỷ viên ban thường vụ.
- + Bí thư.

**2. Nội dung so sánh:** theo danh mục các chỉ tiêu đã ghi trong biểu.

### **3. Hướng dẫn cách ghi một số chỉ tiêu:**

a) Thành phần xuất thân công nhân: những đồng chí đã trực tiếp làm công nhân sản xuất có thời gian từ 3 năm trở lên.

b) Cách tính tuổi bình quân: xem hướng dẫn tại biểu số 2-TCTW.

#### 4. Khi tổng hợp cấp uỷ viên cần chú ý:

a) Tổng số cấp uỷ viên, ban thường vụ, bí thư khoá trước: là số liệu khi được bầu vào cấp uỷ, ban thường vụ và bí thư của khoá trước. Không phải số liệu hiện có của cấp uỷ khoá mới.

b) Khi tổng hợp phần I và phần II của biểu, cần kiểm tra, đối chiếu, cân đối số liệu giữa 2 phần.

Cách kiểm tra số liệu như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Cấp uỷ viên} \\ \text{khoá trước} \\ \text{không tham} \\ \text{gia khoá này} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Cấp uỷ} \\ \text{viên} \\ \text{khoá} \\ \text{trước} \end{array} - \left[ \begin{array}{cc} \text{Cấp uỷ} & \text{Cấp uỷ} \\ \text{viên} & \text{viên} \\ \text{khoá} & \text{mới} \\ \text{này} & \text{trúng} \end{array} \right]$$

Hoặc:

$$\begin{array}{l} \text{Cấp uỷ viên} \\ \text{khoá trước} \\ \text{tái cử} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Cấp uỷ viên} \\ \text{mới trúng} \\ \text{khoá này} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Cấp uỷ} \\ \text{viên khoá} \\ \text{này} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Cấp uỷ viên} \\ \text{khoá trước} \\ \text{tái cử} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Cấp uỷ} \\ \text{viên khoá} \\ \text{trước} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Cấp uỷ viên} \\ \text{khoá trước} \\ \text{không tham gia} \\ \text{khoá này} \end{array}$$

...

\*  
\*   \*   \*

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 05-HD/TCTW ngày 26-02-2002, Hướng dẫn số 07-HD/TCTW ngày 10-4-2002 và Hướng dẫn số 24-HD/TCTW ngày 20-10-2003 của Ban Tổ chức Trung ương; được phổ biến đến chi bộ và thực hiện kể từ ngày ký.

Quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, các cấp uỷ phản ảnh về Ban Tổ chức Trung ương xem xét, hướng dẫn.

K/T TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN  
NGUYỄN ĐÔNG SƯƠNG

**PHỤ LỤC I**  
**CÁC MẪU TÀI LIỆU VỀ CÔNG TÁC**  
**ĐẢNG VIÊN**  
*(Kèm theo Hướng dẫn số 08 -HD/BTCTW*  
*ngày 21-6-2007)*

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
	<b>I. TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN VÀ CÔNG NHẬN ĐẢNG VIÊN CHÍNH THỨC</b>	
1	Giấy chứng nhận học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng	CN-NTVĐ
2	Đơn xin vào Đảng	Mẫu 1-KNĐ
3	Lý lịch của người xin vào Đảng	Mẫu 2-KNĐ
4	Giấy giới thiệu người vào Đảng	Mẫu 3-KNĐ
5	Nghị quyết giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng	Mẫu 4-KNĐ
6	Nghị quyết giới thiệu đoàn viên công đoàn vào Đảng	Mẫu 4A-KNĐ
7	Tổng hợp ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi làm việc và chi uỷ nơi cư trú đối với người xin vào Đảng	Mẫu 5-KNĐ
8	Nghị quyết xét, đề nghị kết nạp đảng viên (của chi bộ)	Mẫu 6-KNĐ
9	Báo cáo đề nghị kết nạp đảng viên (của đảng uỷ bộ phận)	Mẫu 7-KNĐ
10	Nghị quyết xét, đề nghị kết nạp đảng viên (của đảng uỷ cơ sở)	Mẫu 8-KNĐ

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Ký hiệu</b>
11	Quyết định kết nạp đảng viên (của cấp uỷ có thẩm quyền)	Mẫu 9-KNĐ
12	Quyết định kết nạp lại người vào Đảng (của cấp uỷ có thẩm quyền)	Mẫu 9A-KNĐ
13	Quyết định kết nạp đảng viên (của đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền)	Mẫu 9B-KNĐ
14	Giấy chứng nhận học lớp đảng viên mới	CN-ĐVM
15	Bản tự kiểm điểm đề nghị công nhận đảng viên chính thức (của đảng viên dự bị)	Mẫu 10-KNĐ
16	Bản nhận xét đảng viên dự bị (của đảng viên được phân công giúp đỡ)	Mẫu 11-KNĐ
17	Tổng hợp ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi làm việc và chi uỷ nơi cư trú đối với đảng viên dự bị	Mẫu 12-KNĐ
18	Nghị quyết xét, đề nghị công nhận đảng viên chính thức (của chi bộ)	Mẫu 13-KNĐ
19	Báo cáo đề nghị công nhận đảng viên chính thức (của đảng uỷ bộ phận)	Mẫu 14-KNĐ
20	Nghị quyết xét, đề nghị công nhận đảng viên chính thức (của đảng uỷ cơ sở)	Mẫu 15-KNĐ
21	Quyết định công nhận đảng viên chính thức (của cấp uỷ có thẩm quyền)	Mẫu 16-KNĐ
22	Quyết định công nhận đảng viên chính thức (của cấp uỷ cơ sở được uỷ quyền)	Mẫu 16A-KNĐ
23	Giấy chứng nhận quần chúng là cảm tình Đảng của cấp uỷ cơ sở	Mẫu 17-KNĐ

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Ký hiệu</b>
24	Công văn giới thiệu cảm tình Đảng đã được chi bộ làm thủ tục đề nghị kết nạp Đảng của cấp ủy cơ sở	Mẫu 17A-KNĐ
25	Công văn giới thiệu cảm tình Đảng đã được cấp ủy cơ sở làm thủ tục đề nghị kết nạp Đảng của ban thường vụ cấp ủy có thẩm quyền	Mẫu 17B-KNĐ
26	Công văn giới thiệu cảm tình Đảng đã được cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định kết nạp Đảng, của cấp ủy có thẩm quyền	Mẫu 17C-KNĐ
27	Sổ đảng viên dự bị (của chi ủy cơ sở trở lên sử dụng)	Mẫu 18-KNĐ
28	Giấy giới thiệu (của đảng ủy - chi ủy cơ sở) cử đảng viên hoặc cấp ủy viên đi thẩm tra lý lịch của người xin vào Đảng	Mẫu 19-KNĐ
29	Phiếu thẩm tra lý lịch của người xin vào Đảng và phiếu xác nhận lý lịch của người xin vào Đảng	Mẫu 20-KNĐ
30	Quyết định xoá tên đảng viên dự bị (của cấp ủy có thẩm quyền) theo Điều 5, Điều lệ Đảng	Mẫu 21-XTĐV
31	Quyết định xoá tên đảng viên dự bị (của đảng ủy cơ sở được ủy quyền)	Mẫu 21A-XTĐV
	<b>II. PHÁT THẺ ĐẢNG VIÊN</b>	
1	Thẻ đảng viên	
2	Danh sách đề nghị phát thẻ đảng viên (của cấp ủy cơ sở và chi bộ)	Mẫu 1
3	Danh sách phát thẻ đảng viên (của cấp ủy huyện và tương đương)	Mẫu 1-TĐV



<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Ký hiệu</b>
4	Danh sách đề nghị cấp lại thẻ đảng viên bị mất (của cấp uỷ cơ sở và chi bộ)	Mẫu 1A
5	Danh sách cấp lại thẻ đảng viên bị mất (của cấp uỷ huyện và tương đương)	Mẫu 1A-TĐV
6	Danh sách đề nghị đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng (của cấp uỷ cơ sở và chi bộ)	Mẫu 1B
7	Danh sách đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng (của cấp uỷ huyện và tương đương)	Mẫu 1B-TĐV
8	Quyết định phát thẻ đảng viên (của cấp uỷ có thẩm quyền)	Mẫu 2-TĐV
9	Quyết định phát thẻ cho cá nhân đảng viên	Mẫu 3-TĐV
10	Quyết định cấp lại thẻ đảng viên bị mất cho cá nhân đảng viên	Mẫu 4-TĐV
11	Quyết định đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng cho cá nhân đảng viên	Mẫu 4A-TĐV
12	Sổ phát thẻ đảng viên	Mẫu 5-TĐV
13	Sổ giao nhận thẻ đảng viên và danh sách phát thẻ đảng viên	Mẫu 6-TĐV
	<b>III. QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐẢNG VIÊN</b>	
1	Lý lịch đảng viên	Mẫu 1-HSĐV
2	Phiếu đảng viên	Mẫu 2-HSĐV
3	Phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên	Mẫu 3-HSĐV
4	Phiếu báo đảng viên được công nhận chính thức	Mẫu 4-HSĐV
5	Phiếu báo đảng viên ra khỏi Đảng	Mẫu 5-HSĐV
6	Phiếu báo đảng viên từ trần	Mẫu 6-HSĐV
7	Sổ danh sách đảng viên	Mẫu 7-HSĐV

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
8	Sổ đảng viên ra khỏi Đảng	Mẫu 8-HSĐV
9	Sổ đảng viên từ trần	Mẫu 9-HSĐV
10	Sổ giao nhận hồ sơ đảng viên	Mẫu 10-HSĐV
11	Sổ cho mượn tài liệu trong hồ sơ đảng viên để nghiên cứu	Mẫu 11-HSĐV
12	Mục lục tài liệu trong hồ sơ đảng viên	Mẫu 12-HSĐV
<b>IV. GIỚI THIỆU SINH HOẠT ĐẢNG</b>		
1	Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức (loại 10 ô)	Mẫu 1-SHĐ
2	Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời (loại 8 ô)	Mẫu 2-SHĐ
3	Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng ra ngoài nước (loại 2 ô)	Mẫu 3-SHĐ
4	Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng nội bộ (loại 5 ô)	Mẫu 4-SHĐ
5	Giấy giới thiệu đảng viên về giữ mối liên hệ nơi cư trú (loại 1 ô)	Mẫu 5-SHĐ
6	Công văn chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với chi bộ trực thuộc cơ sở chia tách hoặc sáp nhập ra ngoài phạm vi đảng bộ cơ sở	Mẫu 6-SHĐ
7	Công văn chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với tổ chức cơ sở đảng chia tách hoặc sáp nhập	Mẫu 6A-SHĐ
8	Công văn chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với đảng bộ huyện và tương đương chia tách hoặc sáp nhập	Mẫu 7-SHĐ
9	Công văn chuyển giao tổ chức và đảng viên đối với đảng bộ tỉnh và tương đương chia tách hoặc sáp nhập	Mẫu 8-SHĐ

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
10	Biên bản giao nhận sổ danh sách đảng viên và hồ sơ đảng viên của tổ chức đảng chia tách hoặc sáp nhập	Mẫu 9-SHD
11	Sổ giới thiệu sinh hoạt đảng	Mẫu 10-SHD
12	Phiếu báo đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức	Mẫu 11-SHD
13	Công văn giới thiệu đảng viên do yêu cầu phải chuyển sinh hoạt tiếp	Mẫu 12-SHD
	<b>V. XOÁ TÊN ĐẢNG VIÊN VÀ ĐẢNG VIÊN XIN RA KHỎI ĐẢNG</b>	
1	Quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên (theo Điều 8, Điều lệ Đảng)	Mẫu 1-XTĐV
2	Quyết định cho đảng viên ra khỏi Đảng	Mẫu 2-CRKĐ
3	Giấy xác nhận tuổi Đảng	Mẫu 4-XNTĐ
	<b>VI. TẶNG HUY HIỆU ĐẢNG</b>	
1	Mẫu Huy hiệu Đảng 80, 70, 60, 50, 40, 30 năm tuổi đảng	
2	Giấy chứng nhận tặng Huy hiệu Đảng	Mẫu 1-HHĐ
3	Quyết định tặng Huy hiệu Đảng (chung)	Mẫu 2-HHĐ
4	Quyết định tặng Huy hiệu Đảng đối với cá nhân đảng viên	Mẫu 3-HHĐ
5	Quyết định cấp lại Huy hiệu Đảng bị mất đối với cá nhân đảng viên	Mẫu 3A-HHĐ
6	Quyết định truy tặng Huy hiệu Đảng đối với cá nhân đảng viên	Mẫu 3B-HHĐ
7	Danh sách đảng viên đề nghị tặng Huy hiệu... năm tuổi đảng	Mẫu 4-HHĐ
8	Danh sách đảng viên đề nghị cấp lại Huy hiệu... năm tuổi đảng	Mẫu 4A-HHĐ

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Ký hiệu</b>
9	Danh sách đảng viên đề nghị truy tặng Huy hiệu... năm tuổi đảng	Mẫu 4B-HHĐ
10	Sổ tặng Huy hiệu Đảng	Mẫu 5-HHĐ
11	Tờ khai đề nghị tặng Huy hiệu Đảng	Mẫu 6-HHĐ
	<b>VII. KHEN THƯỞNG TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN, CÁN BỘ NGHIỆP VỤ</b>	
1	Mẫu cờ	Mẫu 1-KT
2	Bảng khen	Mẫu 2-KT
3	Giấy khen	Mẫu 3-KT
4	Sổ theo dõi khen thưởng	Mẫu 4-KT
5	Quyết định công nhận tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh	Mẫu 5-KT
6	Quyết định công nhận chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở trong sạch, vững mạnh	Mẫu 6-KT
7	Báo cáo danh sách cán bộ làm nghiệp vụ công tác đảng viên	

## **MỘT SỐ ĐIỂM CHUNG**

### **Về sử dụng tài liệu trong phụ lục I**

#### **1. Sử dụng các mẫu tài liệu**

Về thời điểm sử dụng các mẫu tài liệu trong phụ lục I thực hiện theo nội dung tại điểm 2 (2.1), mục IV của Hướng dẫn này; cụ thể thêm như sau:

- Thời điểm sử dụng các mẫu tài liệu được thực hiện từ ngày Ban Tổ chức Trung ương ban hành bộ mẫu tài liệu.

- Trong quá trình sử dụng thấy có mẫu nào chưa hợp lý thì ban tổ chức tỉnh uỷ và tương

đương phản ảnh về Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu bổ sung, sửa đổi; trong thời gian chờ văn bản bổ sung của Ban Tổ chức Trung ương, các tổ chức đảng không được tự ý sửa đổi mẫu tài liệu đã quy định.

## **2. Một số điểm chú ý khi ghi các mẫu tài liệu**

*a) Phần tiêu đề (tên cơ quan ban hành văn bản) trong tài liệu như sau:*

- Mục “Đảng bộ” viết tên đảng bộ cấp trên trực tiếp của cơ quan ban hành văn bản.

Ví dụ: Đảng bộ thành phố Hà Nội, Đảng bộ huyện Gia Lâm, Đảng bộ phường Ngọc Hà...

- Tên cơ quan ban hành văn bản: Văn bản của ban chấp hành đảng bộ huyện và tương đương hoặc ban thường vụ huyện uỷ và tương đương; ban chấp hành đảng bộ cơ sở hoặc ban thường vụ đảng uỷ ghi chung là huyện uỷ, quận uỷ, đảng uỷ...

- Số và ký hiệu văn bản:

+ Số văn bản là số thứ tự được ghi liên tục từ số 01 cho mỗi loại văn bản của cấp ra văn bản trong một nhiệm kỳ đại hội.

+ Ký hiệu văn bản gồm hai nhóm chữ viết tắt của tên thể loại văn bản và tên cơ quan ban hành văn bản.

*b) Thể thức đề ký văn bản:*

- Đối với văn bản của các cơ quan lãnh đạo của Đảng (đại hội đảng bộ, cấp uỷ), hoặc uỷ ban kiểm tra và các đảng đoàn, ban cán sự đảng các cấp ghi thể thức đề ký là T/M (thay mặt).

- Đối với văn bản của các ban tham mưu giúp

việc của cấp uỷ do cấp trưởng ký trực tiếp. Nếu cấp phó được phân công ký thay ghi thể thức đề ký là K/T (ký thay).

## I. CÁC TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN VÀ CÔNG NHẬN ĐẢNG VIÊN CHÍNH THỨC

### 1. Giấy chứng nhận học lớp nhận thức về Đảng (nền hoa văn)

a) Mẫu (CN-NTVĐ):

	<b>Mẫu CN-NTVĐ</b>
<b>ĐẢNG BỘ</b>	<b><u>ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</u></b>
.....	....., ngày..... tháng..... năm.....
Số.....-CN/	
<b>GIẤY CHỨNG NHẬN</b>	
<b>Học lớp nhận thức về Đảng</b>	
Chứng nhận đồng chí..... Sinh ngày.../.../.....	
Quê quán: .....	
Là cảm tình Đảng của chi bộ: .....	
<b>Đã dự lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng theo</b>	
<b>chương trình quy định của Trung ương</b>	
Do: .....	
Tổ chức từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày....	
tháng.... năm.....	
Kết quả học tập đạt loại: .....	
<b>GIÁM ĐỐC</b>	
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)	

**b) Sử dụng:**

- Do trung tâm bồi dưỡng chính trị của huyện uỷ và tương đương tổ chức thì đồng chí giám đốc trung tâm ký và đóng dấu của trung tâm.

- Do cấp uỷ tổ chức bồi dưỡng thì đồng chí thay mặt ban thường vụ của cấp uỷ, từ cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trở lên ký và đóng dấu của cấp uỷ.

**c) Cách viết:**

- Sinh ngày: viết đúng ngày, tháng, năm sinh đã ghi trong giấy khai sinh.

- Quê quán: viết xã, huyện, tỉnh hoặc phường, quận, thành phố nơi sinh sống của cha đẻ.

- Là cảm tình Đảng của chi bộ: viết rõ tên chi bộ, đảng uỷ bộ phận, đảng uỷ cơ sở, huyện uỷ, tỉnh uỷ...

- Do: viết tên cấp uỷ huyện và tương đương trở lên hoặc trung tâm bồi dưỡng chính trị nơi tổ chức lớp bồi dưỡng.

## 2. Đơn xin vào Đảng (Mẫu 1-KNĐ)

### ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

#### ĐƠN XIN VÀO ĐẢNG

*Kính gửi:* Chi uỷ:.....

Đảng uỷ:.....

Tôi là:.....,  
sinh ngày..... tháng..... năm.....

Nơi sinh:.....

Quê quán:.....

Dân tộc:..... Tôn giáo.....

Trình độ học vấn:.....

Nơi ở hiện nay:.....

Nghề nghiệp.....

Đơn vị công tác: .....

Chức vụ chính quyền, đoàn thể:.....

Vào Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh  
ngày..... tháng..... năm..... tại.....

.....  
Được xét là cảm tình Đảng ngày.....  
tháng..... năm..... tại chi bộ .....

.....  
Qua nghiên cứu Điều lệ Đảng Cộng sản Việt  
Nam; được sự giáo dục, bồi dưỡng của chi bộ, của  
tổ chức Đoàn, Công đoàn (nếu có) **tôi đã nhận  
thức được:**



.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Tôi nguyện trung thành với lý tưởng và mục tiêu cách mạng của Đảng, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xứng đáng là đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

### 3. Lý lịch của người xin vào Đảng (Mẫu 2-KNĐ)

<b>Mẫu 2-KNĐ</b>
<b><u>ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM</u></b>
 <b>LÝ LỊCH</b> <b>CỦA NGƯỜI XIN VÀO ĐẢNG</b>  
<b>Họ và tên đang dùng :</b> .....
<b>Họ và tên khai sinh :</b> .....
<b>Quê quán :</b> .....
 <b>Số lý lịch: .....</b>

- Kích thước : 20,5 x 14,5 cm
- Bìa: làm bằng giấy trắng loại 150g trên 1 m<sup>2</sup>.
- Ruột: làm bằng giấy trắng Bãi Bằng loại 1.
- *Nội dung trong lý lịch của người xin vào Đảng (gồm 32 trang) cụ thể như sau:*

\* Trang 1: Sơ lược lý lịch;

- \* Trang 2-8: Lịch sử bản thân và những công tác đã qua;
- \* Trang 9: Đặc điểm lịch sử;
- \* Trang 10: Những lớp đào tạo, bồi dưỡng đã qua và đi nước ngoài;
- \* Trang 11: Khen thưởng và kỷ luật;
- \* Trang 12-24: Hoàn cảnh gia đình;
- \* Trang 25: Tự nhận xét và cam đoan;
- \* Trang 26: Nhận xét của chi uỷ và chứng nhận của cấp uỷ cơ sở;
- \* Trang 27-32: Nhận xét của cấp uỷ hoặc tổ chức có thẩm quyền nơi đến thẩm tra lý lịch của người vào Đảng.

**4. Giới thiệu người ưu tú vào Đảng  
(Mẫu 3-KND)**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**GIẤY GIỚI THIỆU  
Người vào Đảng**

*Kính gửi:* Chi uỷ.....  
Đảng uỷ: .....

Tôi là:.....,  
sinh ngày..... tháng..... năm.....

Vào Đảng ngày..... tháng..... năm.....,  
chính thức ngày..... tháng..... năm.....

Chức vụ trong Đảng hiện nay:.....,  
chính quyền.....

Quê quán:.....

Đang sinh hoạt tại Chi bộ: .....

Ngày..... tháng..... năm..... được Chi bộ  
phân công giáo dục, giúp đỡ quần chúng.....  
phấn đấu vào Đảng; nay xin báo cáo với Chi bộ  
những vấn đề chủ yếu về người phấn đấu vào  
Đảng như sau:

**- Về lý lịch:**

Những đặc điểm chính cần lưu ý:.....  
.....

.....  
.....

**- Những ưu, khuyết điểm chính:**

(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống;  
quan hệ quần chúng).....

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Đối chiếu với tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp  
đảng viên, tôi giới thiệu với Chi bộ xem xét, đề  
nghị kết nạp quần chúng.....  
vào Đảng.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước Đảng về sự giới  
thiệu của mình.

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐẢNG VIÊN GIỚI THIỆU**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**5. Nghị quyết giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng (Mẫu 4-KND)**

BAN CHẤP HÀNH ĐOÀN

ĐOÀN T.N.C.S HỒ CHÍ MINH

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số..... - NQ/ĐTN

**NGHỊ QUYẾT**

**Giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng**

*Kính gửi:* Chi uỷ.....

Đảng uỷ.....

- Căn cứ điểm 1, Điều 4, Chương I Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền hạn của ban chấp hành đoàn cơ sở giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng.

- Xét nghị quyết của Chi đoàn.....

- Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.....

..... họp ngày..... tháng..... năm.....  
nhận thấy:

Đoàn viên:..... có:

**Những ưu, khuyết điểm chính:**

*(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống;  
quan hệ quần chúng)*

.....

.....

.....

.....  
.....  
Đối chiếu với tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, chúng tôi giới thiệu và đề nghị Chi bộ, Đảng uỷ xem xét, kết nạp đoàn viên..... vào Đảng, với sự tán thành của.....đ/c (đạt.....%) so với tổng số uỷ viên Ban chấp hành; số không tán thành..... đ/c, với lý do.....

.....  
Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung giới thiệu nói trên và sẽ tiếp tục giáo dục bồi dưỡng đoàn viên..... trở thành đảng viên chính thức của Đảng.

**T/M.....**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*

**6. Nghị quyết giới thiệu đoàn viên công  
đoàn vào Đảng (Mẫu 4A-KNĐ)**

BAN CHẤP HÀNH      TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM  
CÔNG ĐOÀN

....., ngày..... tháng..... năm.....

.....

Số..... - NQ/

**NGHỊ QUYẾT**

**Giới thiệu đoàn viên công đoàn vào Đảng**

*Kính gửi:* Chi uỷ.....

Đảng uỷ.....

- Căn cứ điểm 1, Điều 4, Chương I Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền hạn của ban chấp hành công đoàn cơ sở giới thiệu đoàn viên công đoàn vào Đảng.

- Xét nghị quyết của Công đoàn.....

- Ban Chấp hành Công đoàn .....

họp ngày..... tháng..... năm..... nhận thấy:

Đoàn viên:..... có:

**Những ưu, khuyết điểm chính:**

*(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống;  
quan hệ quần chúng)*

.....

.....



.....  
.....  
.....

Đối chiếu với tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, chúng tôi giới thiệu và đề nghị Chi bộ, Đảng uỷ xem xét, kết nạp đoàn viên..... vào Đảng, với sự tán thành của..... đồng chí (đạt.....%) so với tổng số uỷ viên Ban Chấp hành; số không tán thành..... đồng chí, với lý do.....

.....

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung giới thiệu nói trên và sẽ tiếp tục giáo dục bồi dưỡng đoàn viên..... trở thành đảng viên chính thức của Đảng.

**T/M.....**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*

**7. Tổng hợp ý kiến của tổ chức đoàn thể nơi làm việc và chi uỷ nơi cư trú (Mẫu 5-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ: ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

CHI ỦY: .....  
....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỔNG HỢP Ý KIẾN NHẬN XÉT**

**Của tổ chức đoàn thể nơi làm việc  
và chi uỷ nơi cư trú đối với người xin vào Đảng**

Căn cứ ý kiến nhận xét của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội thuộc phạm vi lãnh đạo của chi bộ nơi làm việc và chi uỷ nơi cư trú đối với quần chúng ..... xin vào Đảng.

- Tên các tổ chức đoàn thể nơi làm việc:.....

.....

.....

.....

.....,

tổng số có:..... đồng chí.

- Tên chi uỷ nơi cư trú:.....,

có:..... đồng chí.

Chi uỷ chi bộ tổng hợp các ý kiến nhận xét đó như sau:

**Những ưu, khuyết điểm chính:**

*(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống;  
quan hệ quần chúng)*

.....

.....  
.....  
.....

Số đồng chí đại diện các tổ chức chính trị - xã hội nơi làm việc và trong chi uỷ nơi cư trú tán thành kết nạp ..... vào Đảng là..... đồng chí, trong tổng số..... đồng chí được hỏi ý kiến (đạt.....%).

Số không tán thành..... đồng chí (chiếm.....%) với lý do.....

.....  
.....  
.....

**T/M CHI ỦY**

**BÍ THƯ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**8. Nghị quyết xét, đề nghị kết nạp đảng viên của chi bộ (Mẫu 6-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ: ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**  
CHI BỘ: .....  
Số .....-NQ/CB ..... , ngày..... tháng..... năm.....

**NGHỊ QUYẾT**  
**Đề nghị kết nạp đảng viên**

Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;  
Ngày..... tháng..... năm....., Chi bộ.....  
đã họp để xét, đề nghị kết nạp quần chúng  
..... vào Đảng.

Tổng số đảng viên của Chi bộ:.....  
đảng viên, trong đó chính thức:..... đồng chí,  
dự bị:..... đồng chí.

Có mặt:..... đảng viên, trong đó chính  
thức:..... đồng chí, dự bị:..... đồng chí.

Vắng mặt:..... đảng viên, trong đó chính  
thức:..... đồng chí, dự bị:..... đồng chí.

Lý do vắng mặt:.....

Chủ trì hội nghị: đồng chí.....

Chức vụ.....

Thư ký hội nghị: đồng chí.....

Sau khi nghe báo cáo và thảo luận, Chi bộ  
thống nhất kết luận về quần chúng.....  
như sau:

**Về lý lịch:**.....

.....

**Những ưu, khuyết điểm chính:**

*(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống;  
quan hệ quần chúng)*

.....  
.....  
.....

Đối chiếu với Quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, số đảng viên chính thức tán thành việc kết nạp quần chúng ..... vào Đảng..... đồng chí (đạt.....%) so với tổng số đảng viên chính thức. Số đảng viên chính thức không tán thành..... đồng chí (.....%) với lý do.....

Chi bộ đề nghị Đảng uỷ xét kết nạp quần chúng ..... vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

**T/M CHI BỘ**

**BÍ THƯ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Nơi nhận:

- Đảng uỷ .....
- (để báo cáo),
- Lưu chi bộ.

## **9. Báo cáo đề nghị kết nạp đảng viên của đảng uỷ bộ phận (Mẫu 7-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ.....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

ĐẢNG ỦY BỘ PHẬN.....

Số - BC/ĐU ..... ngày..... tháng..... năm.....

### **BÁO CÁO**

#### **Đề nghị kết nạp đảng viên**

Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;  
Ngày..... tháng..... năm....., Chi bộ.....  
đã họp để xét, đề nghị kết nạp quần chúng.....  
vào Đảng.

Tổng số uỷ viên Ban Chấp hành .....  
đồng chí, có mặt:..... đồng chí, vắng  
mặt:..... đồng chí.

Lý do vắng mặt:.....

.....

.....

Chủ trì hội nghị: đồng chí.....

Chức vụ.....

Thư ký hội nghị: đồng chí.....

Sau khi xem xét Nghị quyết số.....-NQ/CB  
ngày..... tháng..... năm..... của Chi bộ.....  
về việc đề nghị kết nạp quần chúng vào Đảng,  
Đảng uỷ thống nhất kết luận về quần chúng  
..... như sau:

**Về lý lịch:** .....  
.....  
.....

**Những ưu, khuyết điểm chính:**

*(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống;  
quan hệ quần chúng)*

.....  
.....  
.....

Đối chiếu với Quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, Đảng ủy bộ phận..... báo cáo với Đảng ủy cơ sở..... xét (hoặc không) kết nạp quần chúng ..... vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Số đồng chí tán thành..... (đạt.....%) so với tổng số cấp ủy viên. Số không tán thành..... đồng chí với lý do.....

.....

Đề nghị Đảng ủy xét (hoặc không) kết nạp quần chúng vào Đảng.

**T/M ĐẢNG ỦY BỘ PHẬN**  
**BÍ THƯ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Nơi nhận:

- Đảng ủy .....
- (để báo cáo),
- Lưu.

**10. Nghị quyết xét, đề nghị kết nạp đảng viên của đảng uỷ cơ sở (Mẫu 8-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

ĐẢNG ỦY: .....

Số ..... - NQ/CB

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGHỊ QUYẾT**

**Đề nghị kết nạp đảng viên**

Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;  
Ngày..... tháng..... năm....., Chi bộ.....  
đã họp để xét, đề nghị kết nạp quần chúng  
..... vào Đảng.

Tổng số uỷ viên Ban Chấp hành .....  
đồng chí, có mặt:..... đồng chí, vắng  
mặt:..... đồng chí.

Lý do vắng mặt:.....

Chủ trì hội nghị: đồng chí.....  
Chức vụ.....

Thư ký hội nghị: đồng chí.....

Sau khi xem xét Nghị quyết số.....-NQ/CB  
ngày..... tháng..... năm..... của Chi  
bộ....., Báo cáo số.....-  
BC/ĐU ngày..... tháng..... năm..... của  
Đảng uỷ bộ phận.....(nếu  
có) về việc đề nghị kết nạp quần chúng vào  
Đảng, Đảng uỷ thống nhất kết luận về quần  
chúng ..... như sau:



**Về lý lịch:** .....

.....

.....

**Những ưu, khuyết điểm chính:**

*(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống;  
quan hệ quần chúng)*

.....

.....

.....

Đối chiếu với quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, Đảng uỷ đã xét và biểu quyết kết nạp quần chúng ..... vào Đảng, kết quả như sau:

- Đồng ý kết nạp vào Đảng đối với đồng chí (đạt.....%) so với tổng số cấp uỷ viên.

- Không đồng ý kết nạp vào Đảng đối với đồng chí (chiếm.....%) với lý do.....

Đề nghị Ban Thường vụ..... xem xét, quyết định kết nạp quần chúng..... vào Đảng.

**T/M ĐẢNG ỦY**

**BÍ THƯ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ.....  
(để báo cáo),

- Lưu Văn phòng Đảng uỷ.

...

**13. Quyết định kết nạp đảng viên của  
đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền, nền hoa văn  
(Mẫu 9B-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

ĐẢNG ỦY: .....

Số -QĐ/ĐU

....., ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Kết nạp đảng viên**

- Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số.....- QĐ/HU  
ngày..... tháng..... năm..... của.....  
uỷ quyền cho Đảng uỷ được quyết định kết nạp và  
khai trừ đảng viên;
- Xét đơn xin vào Đảng của quần chúng .....
- .....
- Xét Nghị quyết số.....- NQ/CB ngày.....  
tháng..... năm..... của Chi bộ.....  
về việc đề nghị kết nạp quần chúng.....  
vào Đảng.

**BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Kết nạp quần chúng.....

Sinh ngày..... tháng ..... năm .....

Quê quán:.....

vào Đảng Cộng sản Việt Nam và phải trải qua thời gian dự bị 12 tháng kể từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp vào Đảng.

**Điều 2:** Chi bộ.....  
chịu trách nhiệm tổ chức lễ kết nạp  
đồng chí..... vào  
Đảng theo đúng thủ tục đã quy định.

**Điều 3:** Văn phòng Đảng uỷ, Chi bộ.....  
và đồng chí có tên trên chịu trách  
nhiệm thi hành quyết định này.

**T/M ĐẢNG ỦY**

**BÍ THƯ**

*(Ký, đóng dấu,  
ghi rõ họ và tên)*

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ.....  
..... (để báo cáo).

Như Điều 3.

- Lưu hồ sơ đảng viên.

Chi bộ tổ chức lễ kết nạp

Ngày..... tháng..... năm.....

**T/M CHI BỘ**

**BÍ THƯ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**14. Giấy chứng nhận học lớp đảng viên mới (nền hoa văn)**

**a) Mẫu (CN-ĐVM):**

	<b>Mẫu CN-ĐVM</b>
<b>ĐẢNG BỘ</b>	<b><u>ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</u></b>
.....	....., ngày..... tháng..... năm.....
Số.....-CN/	
<b>GIẤY CHỨNG NHẬN</b>	
<b>Học lớp Đảng viên mới</b>	
Chứng nhận đồng chí..... Sinh ngày.../.../.....	
Quê quán: .....	
Là đảng viên dự bị của chi bộ: .....	
<b>Đã dự lớp bồi dưỡng đảng viên mới theo chương trình quy định của Trung ương</b>	
Do: .....	
Tổ chức từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày... tháng..... năm.....	
Kết quả học tập đạt loại: .....	
<b>GIÁM ĐỐC</b>	
<i>(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)</i>	

**b) Sử dụng:**

- Do trung tâm bồi dưỡng chính trị của huyện uỷ và tương đương tổ chức thì đồng chí giám đốc trung tâm ký và đóng dấu của trung tâm.

- Do cấp uỷ tổ chức bồi dưỡng thì đồng chí thay mặt ban thường vụ của cấp uỷ, từ cấp uỷ cấp trên

trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trở lên ký và đóng dấu của cấp uỷ.

**c) Cách viết:**

- Sinh ngày: viết đúng ngày, tháng, năm sinh đã ghi trong giấy khai sinh.

- Quê quán: viết xã, huyện, tỉnh hoặc phường, quận, thành phố nơi sinh sống của cha đẻ.

- Là đảng viên dự bị của chi bộ: viết rõ tên chi bộ, đảng uỷ bộ phận đảng uỷ cơ sở, huyện uỷ, tỉnh uỷ...

- Do: viết tên cấp uỷ huyện và tương đương trở lên hoặc trung tâm dưỡng chính trị nơi tổ chức lớp bồi dưỡng.

**15. Bản tự kiểm điểm của đảng viên dự bị  
(Mẫu 10-KNĐ)**

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

**BẢN TỰ KIỂM ĐIỂM  
Của đảng viên dự bị**

*Kính gửi:* Chi uỷ.....  
Đảng uỷ.....

Tôi là:.....,  
sinh ngày..... tháng..... năm.....

Quê quán:.....

Nơi ở hiện nay:.....

Được kết nạp (hoặc kết nạp lại) vào Đảng  
ngày..... tháng..... năm....., tại Chi bộ  
.....

Hiện công tác và sinh hoạt tại Chi bộ: .....

Căn cứ tiêu chuẩn đảng viên, quá trình tu  
dưỡng, rèn luyện phấn đấu thực hiện nhiệm vụ  
đảng viên, tôi tự kiểm điểm như sau:

**Ưu điểm:** .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Khuyết điểm:** .....

.....

.....

.....

**Biện pháp khắc phục khuyết điểm:** .....

.....

.....

.....

.....

Tôi tự nhận thấy có đủ điều kiện trở thành đảng viên chính thức. Đề nghị Chi bộ xét, báo cáo cấp uỷ cấp trên quyết định công nhận tôi là đảng viên chính thức.

Tôi xin hứa luôn phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ đảng viên, xứng đáng là đảng viên tốt của Đảng.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TỰ KIỂM ĐIỂM**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**16. Bản nhận xét đảng viên dự bị của đảng viên được phân công giúp đỡ (Mẫu 11-KNĐ)**

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

**BẢN NHẬN XÉT**

**Đảng viên dự bị**

*Kính gửi:* Chi uỷ.....

Tôi là:.....  
sinh ngày..... tháng..... năm.....

Đang sinh hoạt tại Chi bộ.....

Ngày..... tháng..... năm..... được Chi bộ phân công giúp đỡ đảng viên dự bị:.....  
được kết nạp (hoặc kết nạp lại) vào Đảng ngày..... tháng..... năm....., phấn đấu trở thành đảng viên chính thức; nay xin báo cáo Chi bộ những vấn đề chủ yếu của đảng viên dự bị như sau:

**Ưu điểm:** .....

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Khuyết điểm và những vấn đề cần lưu ý:**

.....



.....  
.....  
.....

Đối chiếu với tiêu chuẩn đảng viên và kết quả  
phần đấu rèn luyện của đảng viên dự bị, tôi đề  
nghị Chi bộ xét, đề nghị công nhận đồng chí.....  
..... trở thành đảng viên chính thức.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước Đảng về lời  
nhận xét của mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẢNG VIÊN ĐƯỢC PHÂN CÔNG GIÚP ĐỠ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**17. Tổng hợp ý kiến nhận xét của tổ chức  
đoàn thể nơi làm việc và chi uỷ nơi cư trú  
đối với đảng viên dự bị (Mẫu 12-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

CHI BỘ: .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỔNG HỢP Ý KIẾN NHẬN XÉT  
Của tổ chức đoàn thể nơi làm việc  
và chi uỷ nơi cư trú đối với đảng viên dự bị**

Căn cứ ý kiến nhận xét của đại diện các tổ chức  
chính trị - xã hội thuộc phạm vi lãnh đạo của chi  
bộ nơi làm việc và chi uỷ nơi cư trú đối với đảng  
viên dự bị..... được kết nạp (hoặc kết  
nạp lại) vào Đảng ngày..... tháng..... năm.....

Tên tổ chức đoàn thể nơi làm việc: .....

.....,  
tổng số có..... đồng chí.

Tên chi uỷ nơi cư trú:.....,  
có..... đồng chí.

Chi uỷ Chi bộ tổng hợp các ý kiến nhận xét đó  
như sau:

**Những ưu, khuyết điểm chính:**

*(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống;  
năng lực công tác; quan hệ quần chúng; thực hiện  
nhiệm vụ đảng viên).....*

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Số đồng chí đại diện các tổ chức chính trị - xã hội nơi làm việc và trong chi uỷ nơi cư trú tán thành đề nghị Chi bộ xét công nhận đảng viên dự bị....., trở thành đảng viên chính thức là..... đồng chí, trong tổng số..... đồng chí được hỏi ý kiến (đạt.....%).

Số không tán thành ..... đồng chí (chiếm.....%) với lý do.....

.....  
.....  
.....  
.....

**T/M CHI ỦY**  
**BÍ THƯ**  
*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

**18. Nghị quyết xét, đề nghị công nhận đảng viên chính thức của chi bộ (Mẫu 13-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

CHI BỘ: .....

Số .....-NQ/CB

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGHỊ QUYẾT**

**Đề nghị công nhận đảng viên chính thức**

Căn cứ Điều 5, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Ngày..... tháng..... năm....., Chi bộ.....  
đã họp để xét, đề nghị công nhận đảng viên dự  
bị..... được kết nạp (hoặc  
kết nạp lại) vào Đảng ngày..... tháng.....  
năm....., trở thành đảng viên chính thức.

Tổng số đảng viên của Chi bộ: .....  
đảng viên, trong đó chính thức..... đồng chí,  
dự bị..... đồng chí.

Có mặt:..... đảng viên, trong đó chính  
thức..... đồng chí, dự bị..... đồng chí.

Vắng mặt:..... đảng viên, trong đó chính  
thức..... đồng chí, dự bị..... đồng chí.

Lý do vắng mặt:.....

- Chủ trì hội nghị: đồng chí.....

Chức vụ.....

- Thư ký hội nghị: đồng chí.....

Sau khi nghe báo cáo và thảo luận, Chi bộ thống  
nhất kết luận về đảng viên dự bị.....  
như sau:

**Những ưu, khuyết điểm chính:**

*(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống; năng lực công tác; quan hệ quần chúng; thực hiện nhiệm vụ đảng viên).....*

.....  
.....

Đối chiếu với quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn đảng viên, số đảng viên chính thức tán thành công nhận đảng viên dự bị..... trở thành đảng viên chính thức..... đồng chí (đạt.....%) so với tổng số đảng viên chính thức. Số đảng viên chính thức không tán thành..... đồng chí (chiếm .....%) với lý do.....

.....  
.....

Chi bộ báo cáo Đảng uỷ..... xét, đề nghị công nhận đảng viên dự bị..... trở thành đảng viên chính thức của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**T/M ĐẢNG ỦY**

**BÍ THƯ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Nơi nhận:

- Đảng uỷ.....
- (để báo cáo),
- Lưu Chi bộ.

**19. Báo cáo đề nghị công nhận đảng viên chính thức của đảng bộ bộ phận (Mẫu 14-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

ĐẢNG ỦY: .....

Số ....-BC/ĐU

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO**

**Đề nghị công nhận đảng viên chính thức**

Căn cứ Điều 5, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Ngày..... tháng..... năm....., Ban Chấp hành Đảng bộ..... đã họp để xét, đề nghị công nhận đảng viên dự bị..... được kết nạp (hoặc kết nạp lại) vào Đảng ngày..... tháng..... năm....., trở thành đảng viên chính thức.

Tổng số ủy viên Ban Chấp hành..... đồng chí. Có mặt:..... đồng chí. Vắng mặt:..... đồng chí.

Lý do vắng mặt: .....

Chủ trì hội nghị: đồng chí.....  
Chức vụ.....

Thư ký hội nghị: đồng chí.....

Sau khi xem xét Nghị quyết số.....-NQ/CB ngày..... tháng..... năm..... của Chi bộ..... về việc đề nghị công nhận đảng viên chính thức, Đảng ủy thống nhất

kết luận về đảng viên dự bị.....  
như sau:

**Những ưu, khuyết điểm chính:**

*(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống; năng lực công tác; quan hệ quần chúng; thực hiện nhiệm vụ đảng viên).....*  
.....  
.....  
.....

Đối chiếu với quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn đảng viên, chúng tôi thấy đảng viên dự bị ..... có đủ (hoặc không đủ) tiêu chuẩn được xét công nhận đảng viên chính thức với sự tán thành của.....đồng chí (đạt.....%) so với tổng số uỷ viên. Số không tán thành..... đồng chí (chiếm.....%) với lý do .....

Đảng uỷ bộ phận.....  
báo cáo Đảng uỷ cơ sở.....  
xét, công nhận (hoặc không công nhận) đảng viên dự bị trở thành đảng viên chính thức.

**T/M ĐẢNG ỦY**  
*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Nơi nhận:

- Đảng uỷ.....
- (để báo cáo),
- Lưu.

**20. Nghị quyết xét, đề nghị công nhận  
đảng viên chính thức của đảng uỷ cơ sở  
(Mẫu 15-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

ĐẢNG ỦY: .....

Số .....-NQ/ĐU

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGHỊ QUYẾT**

**Đề nghị công nhận đảng viên chính thức**

*Kính gửi:* Ban Thường vụ.....

Ngày..... tháng..... năm....., Ban Chấp  
hành Đảng bộ.....  
đã họp để xét, đề nghị công nhận đảng viên dự  
bị..... được kết nạp (hoặc  
kết nạp lại) vào Đảng ngày..... tháng.....  
năm....., trở thành đảng viên chính thức.

Tổng số uỷ viên Ban Chấp hành.....  
đồng chí. Có mặt:..... đồng chí. Vắng mặt:.....  
đồng chí.

Lý do vắng mặt: .....

- Chủ trì hội nghị: đồng chí.....

Chức vụ.....

- Thư ký hội nghị: đồng chí.....

Chức vụ .....



Sau khi xem xét Nghị quyết số.....-NQ/CB ngày..... tháng..... năm..... của Chi bộ....., Báo cáo số.....-BC/ĐU ngày..... tháng..... năm..... của Đảng uỷ bộ phận..... (nếu có) về việc đề nghị công nhận đảng viên chính thức, Đảng uỷ thống nhất kết luận về đảng viên dự bị ..... như sau:

**Những ưu, khuyết điểm chính:**

*(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống; năng lực công tác; quan hệ quần chúng; thực hiện nhiệm vụ đảng viên).....*

.....  
.....  
.....

Đối chiếu với quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn đảng viên, Đảng uỷ nhận thấy đảng viên dự bị..... xứng đáng được xét công nhận đảng viên chính thức với sự tán thành của..... đồng chí (đạt.....%) so với tổng số cấp uỷ viên. Số không tán thành..... đồng chí (chiếm.....%) với lý do.....

Đảng uỷ.....  
đề nghị Ban Thường vụ.....

xét, quyết định công nhận đảng viên dự  
bị..... trở thành đảng viên chính thức  
của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**T/M ĐẢNG ỦY**  
*(Ký, đóng dấu,  
ghi rõ họ và tên)*

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ.....  
(để báo cáo),
- Lưu Văn phòng Đảng uỷ.

...

**22. Quyết định công nhận đảng viên chính thức của đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền, nền hoa văn (Mẫu 16A-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

ĐẢNG ỦY: .....

Số -QĐ/ĐU ..... , ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận đảng viên chính thức**

- Căn cứ Điều 5, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số.....-QĐ/HU ngày..... tháng..... năm..... của..... uỷ quyền cho Đảng uỷ được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên;
- Xét Nghị quyết số.....- NQ/CB ngày..... tháng..... năm..... của Chi bộ..... về việc đề nghị công nhận đảng viên chính thức.
- Xét quá trình phấn đấu, rèn luyện của đồng chí.....

**BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công nhận đồng chí .....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Quê quán:.....

Kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày..... tháng..... năm....., được

công nhận là đảng viên chính thức kể  
từ ngày..... tháng..... năm.....

**Điều 2:** Văn phòng Đảng uỷ, Chi bộ.....  
và đồng chí có tên trên chịu trách  
nhiệm thi hành Quyết định này.

**T/M ĐẢNG ỦY**  
*(Ký, đóng dấu,  
ghi rõ họ và tên)*

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ.....  
(để báo cáo),
- Như Điều 2,
- Lưu hồ sơ đảng viên.

**23. Giấy chứng nhận quần chúng là cảm tình Đảng của cấp uỷ cơ sở (Mẫu 17-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

.....

Số ..... -CV/ĐU (CB)

....., ngày..... tháng..... năm.....

"V/v chứng nhận

quần chúng

là cảm tình Đảng"

*Kính gửi:* - Ban Thường vụ.....

- Đảng uỷ (Chi uỷ).....

Đảng uỷ (Chi uỷ) cơ sở.....

Chứng nhận quần chúng.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Quê quán:.....

Được Đảng uỷ (hoặc Chi bộ) chúng tôi xét vào danh sách cảm tình Đảng, từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm..... để bồi dưỡng kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, đã (hoặc chưa) học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng.

Đề nghị các đồng chí tiếp tục theo dõi, phân công đảng viên chính thức giúp đỡ quần chúng..... phấn đấu vào Đảng.

**T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)**

**BÍ THƯ**

Nơi nhận:

- Như trên,

- Lưu Văn phòng Đảng uỷ.

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**24. Công văn của cấp uỷ cơ sở giới thiệu cảm tình Đảng đã được chi bộ làm thủ tục đề nghị kết nạp Đảng (Mẫu 17A-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số -CV/ĐU(CB)

"V/v cảm tình Đảng

đã được chi bộ

làm thủ tục đề nghị

kết nạp Đảng"

*Kính gửi:* - Ban Thường vụ.....

- Đảng uỷ (Chi uỷ).....

Đảng uỷ (Chi uỷ) cơ sở.....

Giới thiệu quần chúng.....

là cảm tình Đảng.

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Quê quán:.....

Đã được Chi bộ .....  
ra Nghị quyết số.....NQ/CB ngày..... tháng.....

năm..... và Báo cáo số..... BC/ĐU ngày.....

tháng ..... năm..... của Đảng uỷ bộ phận (nếu  
có)..... đề nghị kết nạp cảm

tình Đảng ..... vào Đảng (kèm theo hồ  
sơ đề nghị xét kết nạp Đảng).

Đề nghị các đồng chí tiếp tục theo dõi, phân

công đảng viên chính thức giúp đỡ, để xem xét việc kết nạp cảm tình Đảng nói trên vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

**T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)**

**BÍ THƯ**

Nơi nhận:

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

- Như trên,
- Lưu VP Đảng ủy.

...

## 27. Sổ đảng viên dự bị

### 27.1. Mẫu số (Mẫu 18-KNĐ):

Số TT	Họ và tên	Nam Nữ	Số LL đảng viên	Ngày sinh	Kết nạp đảng			Ngày kết nạp đảng	Ghi chú
					Số quyết định	Ngày ký	Cấp uỷ ra quyết định		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

### 27.2. Hướng dẫn sử dụng, bảo quản:

#### a) Sử dụng, bảo quản:

+ Sổ đảng viên dự bị do cấp uỷ cơ sở và cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng lập để nắm số lượng đảng viên dự bị của đảng bộ.

+ Danh sách đảng viên dự bị do đồng chí bí thư, phó bí thư, uỷ viên thường vụ phụ trách tổ chức hoặc cán bộ tổ chức được cấp uỷ giao trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo quản; khi thay đổi cán bộ quản lý phải có biên bản giao nhận chặt chẽ.

#### b) Khi ghi cần chú ý một số điểm:

+ Cột 1: ghi số thứ tự theo số lượng đảng viên



dự bị của đảng bộ (kể cả ở đảng bộ khác chuyển đến) theo trình tự thời gian.

+ Cột 2: ghi họ và tên đảng viên như đã viết trong lý lịch đảng viên.

+ Cột 4: ghi theo số lý lịch của đảng viên.

+ Cột 9: ghi đúng ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp đảng viên.

+ Cột 10: ghi các trường hợp như: kết nạp lại, bị xoá tên khỏi danh sách đảng viên dự bị, hoặc bị từ trần và ngày được công nhận đảng viên chính thức.

Đối với đảng viên dự bị đã được cấp uỷ có thẩm quyền quyết định công nhận đảng viên chính thức thì ghi ngày tháng năm chính thức của đảng viên bằng mực đỏ trong cột ghi chú để phân biệt với đảng viên dự bị, không gạch bỏ đảng viên đó trong sổ theo dõi.

**28. Giấy giới thiệu cử đảng viên hoặc cấp uỷ viên đi thẩm tra lý lịch của người xin vào Đảng (Mẫu 19-KNĐ)**

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số -GT/ĐU

**GIẤY GIỚI THIỆU**

**(Có giá trị đến ngày..... tháng..... năm.....)**

*Kính gửi:* - Đảng uỷ (hoặc chi uỷ) cơ sở.....

.....

Đảng uỷ (hoặc chi uỷ) cơ sở.....

Giới thiệu đồng chí.....

là.....

.....

Đến lấy ý kiến nhận xét của các đồng chí về lý lịch của người xin vào Đảng là.....

Nội dung cần được các đồng chí thẩm định, để nhận xét vào lý lịch của người xin vào Đảng như sau:

.....

.....

.....

.....

Mong các đồng chí quan tâm giúp đỡ.

T/M .....

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu Văn phòng Đảng uỷ.

*(Ký, đóng dấu,  
ghi rõ họ và tên)*

**29. Phiếu thẩm tra lý lịch của người xin  
vào Đảng (Mẫu 20-KND)**

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

.....

Số -PTT/

....., ngày..... tháng..... năm.....

**PHIẾU THẨM TRA LÝ LỊCH  
(Lý lịch của người xin vào Đảng)**

*Kính gửi:*.....

Để có cơ sở xem xét, kết nạp vào Đảng đối với  
quần chúng.....,  
sinh ngày..... tháng..... năm.....

Quê quán:.....

Đang làm việc tại:.....

Đề nghị các đồng chí thẩm định để nhận xét về  
lý lịch của quần chúng nêu trên, với những nội  
dung sau:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Mong được các đồng chí quan tâm, sớm cho ý kiến nhận xét vào phiếu nhận xét kèm theo.

**T/M .....**

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu Văn phòng Đảng uỷ.

*(Ký, đóng dấu,  
ghi rõ họ và tên)*

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số .....-PNX

## PHIẾU NHẬN XÉT

### Lý lịch của người xin vào Đảng

*Kính gửi:*.....

Sau khi nhận được yêu cầu của các đồng chí, chúng tôi đã thẩm định và thống nhất nhận xét lý lịch của quần chúng..... như sau:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Để các đồng chí nghiên cứu xem xét, kết nạp quần chúng..... vào Đảng.

T/M.....

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*

...

**31. Quyết định xoá tên đảng viên trong  
danh sách đảng viên dự bị của đảng uỷ cơ sở  
(Mẫu 21A-XTĐV)**

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

ĐẢNG ỦY: .....

Số -QĐ/ĐU ..... ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Xoá tên trong danh sách đảng viên dự bị**

- Căn cứ Điều 5, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Nghị quyết số..... - NQ/CB ngày.....

tháng..... năm..... của Chi bộ .....

- Xét khuyết điểm của đảng viên dự bị .....

..... đã vi phạm về:

.....

.....

.....

.....

.....,

nên không đủ tư cách đảng viên.

**BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Xoá tên.....,

sinh ngày..... tháng..... năm.....,

Quê quán: .....  
trong danh sách đảng viên dự bị.

**Điều 2:** Ban Tổ chức, Văn phòng Đảng uỷ, Chi bộ....., ..... và người có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:  
- Như Điều 2,  
- Lưu hồ sơ đảng viên.

**T/M ĐẢNG ỦY**  
(Ký, đóng dấu,  
ghi rõ họ và tên)

## II. PHÁT THẺ ĐẢNG VIÊN

**1. Thẻ đảng viên và cách trình bày trong thẻ đảng viên**

**1.1. Mẫu thẻ đảng viên:**

<b>ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</b>	<b>THẺ ĐẢNG VIÊN</b>	
	Số 04.000000	
	Họ và tên	
	Sinh ngày	
	Quê quán	
	Vào Đảng ngày	
	Chính thức ngày	
	Nơi cấp thẻ	
	Ngày tháng năm	
<b>THẺ ĐẢNG VIÊN</b>	<table border="1"><tr><td>ảnh (20x27)</td></tr></table>	ảnh (20x27)
ảnh (20x27)		



## **1.2. Nội dung ghi các yếu tố trong thẻ đảng viên:**

Các yếu tố của đảng viên trong thẻ đảng viên được bố trí:

Bên trái: do Trung ương quy định, dùng thống nhất phong chữ “VnTime” cỡ 9 in đứng.

Bên phải: là yếu tố thực của đảng viên, dùng thống nhất phong chữ “VnTime” cỡ 10 in đứng.

Cụ thể:

+ Dòng “Họ và tên”: đánh vi tính họ và tên đang dùng của đảng viên, dùng phong chữ VnTimeH cỡ 10 in đứng đậm. Bố trí cân đối (center). Nếu họ và tên đảng viên quá dài thì đánh toàn bộ xuống dòng dưới (không đánh thành 2 dòng).

Thí dụ 1: Họ và tên **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Thí dụ 2: Họ và tên

**LÊ NGUYỄN THỊ HỒNG MINH**

+ Dòng “sinh ngày”: đánh vi tính đầy đủ ngày, tháng, năm sinh theo lý lịch của đảng viên, trình bày cân đối với dòng “Vào Đảng ngày” và “Chính thức ngày”, tháng, năm đánh dấu gạch nối.

Thí dụ: Sinh ngày 08-02-1952

+ Dòng “Quê quán”: đánh vi tính đầy đủ xã, huyện, tỉnh và tương đương, chữ đầu mỗi từ đánh chữ in hoa (VnTimeH), đánh thành 2 dòng, dòng trên đánh tên xã (hoặc tên phường, thị trấn). Dòng dưới đánh tên huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) và tỉnh, thành phố; giữa huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh)

và tỉnh, thành phố đánh dấu phẩy (,), cuối dòng không có dấu chấm (.). Các từ “xã”, “phường”, “thị trấn”, “huyện”, “quận”, “thành phố”, “tỉnh” được ghi tắt là: “X.”, “P.”, “T.T”, “H.”, “Q.”, “T.P”, “T.”.

Thí dụ 1: Quê quán                    X.Cất Minh  
    H.Phù Cát, T.Bình Định

Thí dụ 2: Quê quán                    P.Kỳ Bá  
    T.X Thái Bình, T.Thái Bình

Thí dụ 3: Quê quán                    P.5  
    Q.10, T.P Hồ Chí Minh

Thí dụ 4: Quê quán                    P.Ngọc Trạo  
    T.P Thanh Hoá, T.Thanh Hoá

*Nếu quê quán gốc nước ngoài:* Đánh nơi ở hiện nay.

Thí dụ: \* Quê quán gốc nước ngoài: Phúc Kiến, Trung Quốc

\* Nơi ở hiện nay: Phường 12, Quận 5, T.P Hồ Chí Minh

Trong thẻ, đánh (*nơi ở hiện nay*):

Quê quán                    P.12  
    Q.5, T.P Hồ Chí Minh

+ 2 dòng “Vào Đảng ngày”

“Chính thức ngày”

Trình bày tương tự và cân đối với dòng “sinh ngày”

Thí dụ 1: Vào Đảng ngày                    02-10-1965

    Chính thức ngày                    02-7-1966

*Nếu kết nạp lại:* sau khi đánh xong hai dòng “Vào Đảng ngày” và “Chính thức ngày” như trên, đánh xuống dòng (Enter), rồi đánh tiếp: “Kết nạp lại ngày...”

Thí dụ 2: Vào Đảng ngày 02-10-1965

Chính thức ngày 02-7-1966

Kết nạp lại ngày 20-3-2000

Dòng “Nơi cấp thẻ”: đánh tên đảng bộ tỉnh và tương đương hiện nay của nơi quyết định đổi thẻ, phát thẻ. Ghi đầy đủ cụm từ “Đảng bộ” và tên đầy đủ của đảng bộ đó. Trường hợp tên đảng bộ dài thì đánh thành 2 dòng. Nếu quá dài thì các cụm từ “cơ quan”, “Trung ương” được ghi tắt là “C.Q”, “T.U”.

Thí dụ 1: Nơi cấp thẻ Đảng bộ T.P Hồ Chí Minh

Nơi cấp thẻ Đảng bộ Khối cơ quan

Trung ương

+ Ngày tháng năm: đánh ngày, tháng, năm cấp thẻ theo đợt đổi thẻ (phát thẻ), cỡ chữ 10 theo kiểu chữ VnTime *ngghiêng (Italic)*

### ***1.3. Đánh vi tính các yếu tố đảng viên vào thẻ đảng viên:***

*Thực hiện theo Bộ Chương trình quản lý thẻ đảng viên và những hướng dẫn nêu trên.*

## **2. Danh sách đề nghị phát thẻ đảng viên của cấp uỷ cơ sở và chi bộ lập (Mẫu 1)**

### ***2.1. Mẫu danh sách:***

ĐẢNG BỘ: .....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

**ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)**

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Mẫu 1**

**Đợt:...../...../.....**

**DANH SÁCH  
ĐỀ NGHỊ PHÁT THẺ ĐẢNG VIÊN**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Ngày, tháng, năm	
				Vào Đảng	Chính thức
1	2	3	4	5	6
1					
2					
x					

**2.2. Cách ghi:**

- Cột 1: Ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn trong đợt (3/2, 19/5, 2/9, 7/11 hàng năm) đề nghị phát thẻ đảng viên của chi bộ, đảng bộ.

- Cột 2: Ghi họ và tên đảng viên theo kiểu chữ in hoa có dấu:

Ví dụ: NGUYỄN VĂN QUANG

- Các cột 3, 4, 5, 6: Ghi như lý lịch đảng viên.

+ Riêng quê quán chỉ ghi xã, huyện, tỉnh (xã, huyện dòng trên, tỉnh dòng dưới).

+ Cột 5, 6: ghi ngày vào Đảng, ngày chính thức lần đầu dòng trên; dòng dưới ghi ngày được kết nạp lại và ngày chính thức của lần kết nạp lại gần nhất.

- Chú ý: Nơi có máy tính thì đánh các nội dung trong danh sách bằng máy.

...

**4. Danh sách đề nghị cấp lại thẻ đảng viên bị mất của cấp uỷ cơ sở và chi bộ (Mẫu 1A)**

**4.1. Mẫu danh sách:**

ĐẢNG BỘ: ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM  
 ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)  
 ....., ngày..... tháng..... năm.....

**Mẫu 1A**

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ  
 CẤP LẠI THẺ ĐẢNG VIÊN BỊ MẤT**

Số TT	Số thẻ đảng viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Ngày, tháng, năm	
					Vào Đảng	Chính thức
1	2	3	4	5	6	7

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY).....

#### **4.2. Cách ghi:**

- Các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7: Ghi hoặc đánh vi tính như nội dung hướng dẫn ở (Mẫu 1). Số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo số lượng đảng viên.

Cột 2: Ghi hoặc đánh vi tính số TĐV trong thẻ bị mất của đảng viên.

...

**6. Danh sách đề nghị đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng của cấp uỷ cơ sở và chi bộ (Mẫu 1B)**

**6.1. Mẫu danh sách:**

ĐẢNG BỘ: ..... ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
 ĐẢNG ỦY (CHI ỦY)  
 ....., ngày..... tháng..... năm.....

**Mẫu 1B**

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ  
 ĐỔI LẠI THẺ ĐẢNG VIÊN BỊ HỎNG**

Số TT	Số thẻ đảng viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Ngày, tháng, năm	
					Vào Đảng	Chính thức
1	2	3	4	5	6	7

T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY).....  
 (Ký, ghi rõ họ và tên)



## **6.2. Cách ghi:**

- Các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7: Ghi hoặc đánh vi tính như nội dung hướng dẫn ở (Mẫu 1).

- Cột 2: Ghi hoặc đánh vi tính số TĐV trong thẻ bị hỏng của đảng viên (gửi kèm theo TĐV hỏng lên cấp uỷ cấp trên).

...

## 12. Sổ phát thẻ đảng viên (Mẫu 5-TĐV)

### 12.1. Mẫu số:

a) Đảng viên được phát thẻ đảng viên tại đảng bộ:

Số TT	Đợt phát TĐV Số TĐV	Họ và tên Ngày sinh	Ngày vào Đảng Ngày chính thức	Tổ chức CSD ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

b) Đảng viên được phát thẻ ở đảng bộ khác chuyển về:

Số TT	Đợt phát TĐV Số TĐV	Họ và tên Ngày sinh	Ngày vào Đảng Ngày chính thức	Được phát TĐV tại đảng bộ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

### **12.2. Sử dụng sổ phát thẻ đảng viên:**

a) Sử dụng:

- Sổ phát thẻ đảng viên do các cấp uỷ cơ sở và cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng sử dụng để nắm số lượng đảng viên được phát thẻ đảng viên của đảng bộ. Do cơ quan tổ chức của cấp uỷ quản lý, sử dụng, không để hư hỏng, mất mát, khi

thay đổi cán bộ quản lý phải có biên bản bàn giao chặt chẽ.

- Sổ phát Thẻ đảng viên có 2 phần: phần thứ nhất ghi những đảng viên được phát thẻ đảng viên tại đảng bộ (do ban thường vụ huyện, thị, quận uỷ và tương đương xét ra quyết định phát thẻ đảng viên); phần thứ hai ghi những đảng viên được phát thẻ đảng viên ở đảng bộ khác chuyển về (do ban thường vụ huyện, thị uỷ... khác xét ra quyết định phát thẻ đảng viên).

*b) Cách ghi:*

- Đảng viên được phát thẻ đảng tại đảng bộ: phần này có 6 cột, mỗi đảng viên ghi vào một ô có 2 dòng chấm nhỏ, cụ thể như sau:

Cột 1: Ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo số lượng đảng viên được phát thẻ đảng viên của đảng bộ.

Cột 2: Dòng trên ghi ngày tháng năm đợt đảng viên được phát thẻ đảng viên. Dòng dưới ghi số thẻ đảng viên của đảng viên.

Cột 3: Dòng trên ghi họ, tên đảng viên theo kiểu chữ in hoa, VD : VŨ VĂN BIÊN

Dòng dưới ghi ngày tháng năm sinh của đảng viên.

Cột 4: Dòng trên ghi ngày tháng năm vào Đảng của đảng viên. Dòng dưới ghi ngày tháng năm đảng viên được công nhận là đảng viên chính thức.

Cột 5: Dòng trên ghi tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên được phát thẻ đảng viên. Dòng dưới do

tổ chức đảng hoặc đảng viên nhận thẻ đảng viên ký nhận.

Cột 6: Ghi các trường hợp: đảng viên ra khỏi Đảng, từ trần, mất thẻ đảng viên, chuyển sinh hoạt đảng đi đảng bộ huyện, thị... khác.

- Đảng viên được phát thẻ ở đảng bộ khác chuyển về:

Cột 1: Ghi số thứ tự theo thời gian đảng viên có thẻ đảng từ huyện, thị... khác chuyển về.

Cột 2, 3, 4, 5: Ghi tương tự như ở phần thứ nhất.

Cột 5: Ghi tên đảng bộ huyện, thị... nơi ra quyết định phát thẻ đảng viên cho đảng viên.

**Chú ý:** Cần ghi liên tục không để cách trang, cách dòng trong một trang.

### 13. Sổ giao nhận thẻ đảng viên (Mẫu 6-TĐV)

#### 13.1. Mẫu số:

Ngày tháng năm	PHẦN GIAO										
	Danh sách phát ĐĐV				DS cấp lại thẻ bị mất		Danh sách làm lại thẻ bị hỏng			Các loại ĐĐV khác	
	Số tờ	Số đảng viên	Từ số	Đến số	Số tờ	Số đảng viên	Số tờ	Số đảng viên	ĐĐV hỏng	Thẻ mất tìm thấy	Thẻ viết hỏng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Người nhận ký	PHẦN NHẬN					Ghi chú
	Thẻ đảng viên			TĐV không số	Người giao ký	
	Số lượng	Từ số	Đến số			
13	14	15	16	17	18	19

**13.2. Hướng dẫn sử dụng sổ giao, nhận thẻ đảng viên:**

Sổ giao, nhận thẻ đảng viên do ban tổ chức của cấp ủy từ cấp huyện trở lên sử dụng để theo dõi việc làm, phát và quản lý thẻ đảng viên của đảng bộ. Sổ giao, nhận thẻ đảng viên có 2 phần: phần giao và phần nhận các tài liệu về thẻ đảng viên như sau :

- a) Phần giao: là những tài liệu về thẻ đảng viên mà ban tổ chức huyện ủy và tương đương

giao về ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương, có 13 cột, cụ thể như sau:

- Cột 1: ghi ngày, tháng, năm giao tài liệu theo trình tự thời gian.

- Các cột từ 2 đến 12: viết số lượng từng loại tài liệu tương ứng mà ban tổ chức huyện ủy và tương đương giao về ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương.

- Cột 13: cán bộ ở ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương nhận tài liệu nêu trên, ký nhận vào sổ lưu của ban tổ chức huyện ủy và tương đương.

b) Phần nhận: là những tài liệu về thẻ đảng viên mà ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương nhận ở Ban Tổ chức Trung ương. Có 7 cột, ghi cụ thể như sau:

- Các cột từ 14 đến 17: ghi số lượng từng loại tài liệu tương ứng mà ban tổ chức huyện ủy và tương đương nhận ở ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương.

- Cột 18: cán bộ ở ban tổ chức huyện ủy và tương đương nhận tài liệu nêu trên, ký nhận vào sổ lưu của ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương.

- Cột 19: ghi chú: ghi số lượng thẻ đảng viên bị hỏng của đảng viên đã thu hồi về ban tổ chức tỉnh ủy và tương đương quản lý và xử lý theo quy định; hoặc số lượng tài liệu cần điều chỉnh bổ sung.



### III. QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐẢNG VIÊN

#### 1. Lý lịch đảng viên (Mẫu 1-HSDV)

<b>MẪU 1-HSDV</b>
<b><u>ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM</u></b>
<b>LÝ LỊCH</b>
<b>ĐẢNG VIÊN</b>
Họ và tên đang dùng: .....
Họ và tên khai sinh: .....
Quê quán: .....
Số LL.....
Số TĐV.....

- a) Kích thước: 20,5 x 14,5 cm.
- b) Bìa: làm bằng giấy trắng loại 150g trên 1 m<sup>2</sup>.
- c) Ruột: làm bằng giấy trắng Bãi Bằng loại 1.
- d) Nội dung trong lý lịch đảng viên (gồm 24 trang) cụ thể như sau:

- Trang 1: Sơ lược lý lịch.
- Trang 2: Lịch sử bản thân.
- Trang (3 đến 9): Những công tác đã qua.
- Trang 10: Đặc điểm lịch sử.
- Trang 11: Những lớp đào tạo, bồi dưỡng đã qua.
- Trang 12: Đi nước ngoài.
- Trang 13: Khen thưởng.
- Trang 14: Kỷ luật.
- Trang (15 đến 23): Hoàn cảnh gia đình.
- Trang 24: Cam đoan ký tên và chứng nhận của cấp ủy cơ sở.

**2. Phiếu đảng viên (Mẫu 2-HSDV)**

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

ĐẢNG BỘ TỈNH (*tương đương*):.....

--	--	--	--	--	--	--	--

SỐ LÝ LỊCH:

.....

ĐẢNG BỘ HUYỆN (*tương đương*): .....

--	--	--	--	--	--	--	--

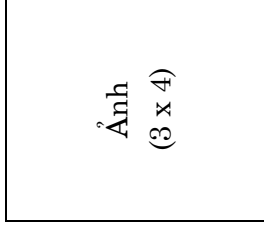
SỐ THẺ ĐẢNG VIÊN:

ĐẢNG BỘ, CHI BỘ CƠ SỞ:.....

.....

ĐẢNG BỘ BỘ PHẬN:.....

CHI BỘ:.....



**PHIẾU  
ĐẢNG VIÊN**

01) Họ và tên khai sinh:..... 02) Nam, nữ: .....

- 03) Họ và tên đang dùng:..... 04) Sinh ngày:...../...../.....
- 05) Nơi sinh:.....
- 06) Quê quán: .....
- 07) Nơi đăng ký hộ khẩu: .....
- Nơi ở tạm trú hiện nay: .....
- 08) Dân tộc:..... 09) Tôn giáo: .....
- 10) Thành phần gia đình:..... 11) Nghề nghiệp của bản thân khi vào Đảng:.....
- 12) Công việc chính đang làm: .....
- .....
- 13) Ngày vào Đảng:...../...../..... Tại Chi bộ: .....
- Người giới thiệu thứ 1:..... Chức vụ, đơn vị:.....
- .....
- Người giới thiệu thứ 2:..... Chức vụ, đơn vị: .....
- .....

- Ngày chính thức:...../...../..... Tại Chi bộ: .....
- 14) Ngày được tuyển dụng làm cán bộ, công chức:...../...../..... Cơ quan  
tuyển dụng: .....
- 15) Ngày vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:...../...../.....
- 16) Tham gia các tổ chức xã hội khác: .....
- .....
- 17) Ngày nhập ngũ:...../...../..... Ngày xuất ngũ, chuyển ngành ...../...../.....
- 18) Trình độ học vấn: .....
- Học vấn phổ thông: ..... - Chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Lý luận chính trị:..... - Ngoại ngữ: .....
- Học vị:..... - Học hàm: .....
- 19) Tình trạng sức khoẻ bản thân: ..... - Thương binh loại: .....
- Gia đình liệt sỹ:  - Gia đình có công với CM:
- 20) Số chứng minh ND:..... 21) Được miễn công tác và SHD ngày...../...../.....

**22) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP VÀ CÔNG TÁC**

<b>Từ tháng, năm đến tháng, năm</b>	<b>Làm nghề gì, chức vụ, đơn vị công tác</b> <i>(Đảng, chính quyền, đoàn thể, kinh tế, văn hoá, xã hội...)</i>

**23) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,  
NGOẠI NGỮ**

<b>Tên trường</b>	<b>Ngành học hoặc tên lớp học</b>	<b>Từ tháng/năm đến tháng/năm</b>	<b>Hình thức học</b>	<b>Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì</b>

- 24) Khen thưởng: (*Huân chương, huy chương, bằng khen*). .....
- .....
- .....
- 25) Đã được tặng Huy hiệu Đảng: 30 năm  40 năm  50 năm  60 năm   
70 năm  80 năm
- 26) Danh hiệu được phong (*chiến sĩ thi đua; anh hùng "LL vũ trang, lao động"; nhà giáo, nghệ sĩ, thầy thuốc "nhân dân, ưu tú"*): .....
- .....
- 27) Kỷ luật (*Đảng, hành chính, pháp luật*): .....
- .....

## 28) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

- a) Được kết nạp lại vào Đảng:
- Ngày vào Đảng lần thứ 2:...../...../..... Tại chi bộ:.....
- Người giới thiệu 1:..... Chức vụ, đơn vị:.....
- Người giới thiệu 2:..... Chức vụ, đơn vị:.....



- Ngày chính thức lần thứ 2:...../...../..... Tại chi bộ:.....
- b) Ngày được khôi phục đảng tịch:...../...../..... Tại chi bộ:.....
- c) Bị bắt, bị tù (ngày, tháng, năm; chính quyền nào xử lý; hình thức xử lý, nơi thi hành án...):.....
- d) Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (ngày, tháng, năm; chức vụ; nơi làm việc...):.....

**29) QUAN HỆ VỚI NƯỚC NGOÀI**

- a) Đã đi nước ngoài (nước nào, lý do, thời gian ra nước ngoài...):.....
- b) Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài:.....



### 31) HOÀN CẢNH KINH TẾ CỦA BẢN THÂN VÀ GIA ĐÌNH

- Tổng thu nhập của hộ gia đình (*trong 1 năm*):..... đồng, bình quân 1 người/hộ:.....đồng
- Nhà ở: + Được cấp, được thuê, loại nhà ..... , tổng diện tích sử dụng.....m<sup>2</sup>  
+ Nhà tự mua, tự xây, loại nhà ..... , tổng diện tích sử dụng .....m<sup>2</sup>
- Đất ở : + Đất được cấp:..... m<sup>2</sup> + Đất tự mua: .....m<sup>2</sup>
- Hoạt động kinh tế:.....
- Diện tích đất kinh doanh trang trại.....ha. Số lao động thuê mướn..... người
- Những tài sản có giá trị (*50 triệu đồng trở lên*): Tài sản:.....
- Giá trị.....đồng.....

<b>NGƯỜI KHAI</b>	....., ngày.....tháng.....năm.....	<b>XÁC NHẬN CỦA CHI ỦY CHI BỘ</b>	<b>XÁC NHẬN CỦA CẤP ỦY CƠ SỞ</b>
Tôi xin cam đoan những	.....		
lời khai trên đây là đúng sự thật	.....		
Ngày.....tháng.....năm.....	Ngày..... tháng..... năm.....		( <i>Chức vụ, ký, đóng dấu,</i>
( <i>Ký ghi rõ họ tên</i> )	( <i>Chức vụ, ký ghi rõ họ tên</i> )		<i>ghi rõ họ và tên</i> )

### 3. Phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên (Mẫu 3-HSDV)

#### ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

TỈNH (tương đương).....  
 HUYỆN (tương đương).....  
 ĐẢNG BỘ, CHI BỘ SỐ.....  
 .....  
 ĐẢNG BỘ BỘ PHẬN:.....  
 CHI BỘ:.....

#### PHIẾU BỔ SUNG HỒ SƠ ĐẢNG VIÊN (Năm.....)

Số LL : .....

Số TĐV : .....

Chỉ ghi những mục có nội  
 dung thay đổi so với năm  
 trước nếu không thay đổi thì  
 ghi vào mục đó, chữ “K”

Họ và tên (viết chữ in hoa): ..... Sinh ngày..... tháng..... năm.....  
 Mới thay đổi nơi ở: .....  
 Mới thay đổi về nghề nghiệp; đơn vị công tác: .....  
 Chức vụ mới được giao:  
 - Đảng:.....  
 - Chính quyền: .....  
 - Đoàn thể: .....  
 - Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp: .....

Mối thay đổi về trình độ học vấn; chuyên môn nghiệp vụ:

- Giáo dục phổ thông (*lớp mấy*): .....
  - Học vị (*TS, thạc sĩ*): .....
  - Học hàm (*Giáo sư, phó giáo sư*): .....
  - Lý luận chính trị (*Cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp*): .....
  - Ngoại ngữ (*Anh, Nga, Pháp...* *Trình độ A,B,C,D*): .....
- Hình thức khen thưởng mới trong năm (*từ bằng khen huy chương trở lên và danh hiệu mới được phong:*  
*Anh hùng, chiến sĩ thi đua; nhà giáo, nghệ sĩ, thầy thuốc nhân dân hoặc ưu tú*): .....

Bị xử lý kỷ luật trong năm (*Đảng, chính quyền, pháp luật*): .....

Gia đình có gì thay đổi trong năm:

- Cha đẻ:..... - Mẹ đẻ:.....
- Cha (*vợ hoặc chồng*): .....
- Vợ hoặc chồng (*họ và tên, kết hôn, ly hôn, từ trần, chức vụ, công việc mới*): .....
- Con (*họ tên con, mới sinh, mới nhận con nuôi, làm gì, ở đâu... ?*): .....

Có thay đổi về kinh tế của bản thân và gia đình trong năm:

- Tổng mức thu nhập của hộ gia đình:..... đồng, bình quân người/hộ.... đồng
- Nhà ở:.....
- Đất ở:.....
- Hoạt động kinh tế:.....
- Tài sản mới có giá trị (50 triệu đồng trở lên): Tên tài sản mới:.....
- giá trị..... đồng.....
- Được miễn công tác và SHĐ ngày: .....
- Kết quả đánh giá chất lượng đảng viên trong năm: .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**XÁC NHẬN CỦA CẤP ỦY CƠ SỞ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**XÁC NHẬN CỦA CHI ỦY CHI BỘ**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**NGƯỜI KHAI**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

#### **4. Phiếu báo đảng viên được công nhận chính thức (Mẫu 4-HSDV)**

##### **4.1. Mẫu phiếu báo:**

TỈNH (tương đương): ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**  
HUYỆN (tương đương): .....  
TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG: ....., ngày..... tháng..... năm.....  
..... Số LL: .....  
..... Số TĐV: .....

#### **PHIẾU BÁO ĐẢNG VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN CHÍNH THỨC**

Họ và tên đang dùng:..... Nam, nữ.....  
Sinh ngày..... tháng..... năm.....  
Vào Đảng ngày..... tháng..... năm.....,  
tại Chi bộ.....  
Chính thức ngày..... tháng..... năm.....,  
tại Chi bộ.....

##### **T/M CẤP ỦY CƠ SỞ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

##### **4.2. Cách ghi:**

a) Sau khi chi bộ công bố quyết định công nhận đảng viên chính thức, cấp uỷ cơ sở ghi nội dung và ký phiếu báo này; bổ sung vào lý lịch đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ, chuyển phiếu báo lên cấp trên trực tiếp theo định kỳ (hàng tuần).

b) Cấp uỷ cấp trên trực tiếp kiểm tra, thu nhận phiếu báo đảng viên; bổ sung vào phiếu đảng viên, danh sách đảng viên của đảng bộ và bổ sung vào cơ sở dữ liệu đảng viên; sắp xếp phiếu báo theo thứ tự trong sổ theo dõi đảng viên được công nhận chính thức của đảng bộ để quản lý.

c) Các chỉ tiêu trong phiếu báo ghi như nội dung tương ứng trong lý lịch của đảng viên.



## 5. Phiếu báo đảng viên ra khỏi Đảng (Mẫu 5-HSDV)

### 5.1. Mẫu phiếu báo:

TỈNH (tương đương): ..... ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM  
HUYỆN (tương đương): ..... , ngày..... tháng..... năm.....  
TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG:  
..... Số LL: .....  
Số TĐV: .....

## PHIẾU BÁO ĐẢNG VIÊN RA KHỎI ĐẢNG

Họ và tên đang dùng:..... Nam, nữ.....  
Sinh ngày.....tháng.....năm.....  
Vào Đảng ngày.....tháng.....năm....., tại  
Chi bộ.....  
Chính thức ngày.....tháng.....năm....., tại  
Chi bộ.....  
Ra khỏi Đảng ngày.....tháng.....năm.....  
Hình thức ra khỏi Đảng (khai trừ, xoá tên, xin ra):.....  
Lý do ra khỏi Đảng (về lịch sử chính trị; phẩm chất chính trị; nguyên tắc tổ chức; đạo đức lối sống...): .....  
.....

T/M CẤP ỦY CƠ SỞ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

### 5.2. Cách ghi:

a) Sau khi chi bộ công bố quyết định của cấp uỷ

có thẩm quyền thi hành kỷ luật khai trừ đảng viên (hoặc quyết định xoá tên, cho đảng viên ra khỏi Đảng), cấp uỷ cơ sở ghi nội dung và ký phiếu báo này; bổ sung vào lý lịch đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ; chuyển phiếu báo cùng với hồ sơ đảng viên của người đó lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp theo định kỳ (hàng tuần).

b) Cấp uỷ cấp trên trực tiếp kiểm tra, thu nhận phiếu báo và hồ sơ đảng viên; bổ sung vào phiếu đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ và bổ sung vào cơ sở dữ liệu đảng viên; sắp xếp phiếu báo cùng với hồ sơ đảng viên theo thứ tự trong sổ theo dõi đảng viên ra khỏi Đảng của đảng bộ để quản lý.

c) Ghi các mục trong phiếu báo như nội dung tương ứng trong lý lịch đảng viên và quyết định của cấp uỷ có thẩm quyền cho đảng viên ra khỏi Đảng theo các hình thức.

## 6. Phiếu báo đảng viên từ trần (Mẫu 6-HSDV)

### 6.2. Mẫu phiếu báo:

TỈNH (tương đương): ..... ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HUYỆN (tương đương): .... , ngày..... tháng..... năm.....

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG:

.....

Số LL: .....

Số TĐV: .....

### PHIẾU BÁO ĐẢNG VIÊN TỪ TRẦN

Họ và tên đang dùng:..... Nam, nữ.....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

Vào Đảng ngày.....tháng.....năm....., tại

Chi bộ.....

Chính thức ngày.....tháng.....năm....., tại

Chi bộ.....

Từ trần ngày.....tháng.....năm.....

Lý do từ trần (ốm đau, tai nạn, hy sinh trong khi làm nhiệm vụ, lý do khác): .....

**T/M CẤP ỦY CƠ SỞ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

### 6.2. Cách ghi:

a) Sau khi đảng viên từ trần, cấp uỷ cơ sở ghi nội dung và ký phiếu báo này; bổ sung vào lý lịch đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ; chuyển

phiếu báo cùng với hồ sơ đảng viên đó lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp theo định kỳ (hàng tuần).

b) Cấp uỷ cấp trên trực tiếp kiểm tra, thu nhận phiếu báo và hồ sơ đảng viên; bổ sung vào phiếu đảng viên, danh sách đảng viên của đảng bộ và bổ sung vào cơ sở dữ liệu đảng viên; sắp xếp phiếu báo cùng với hồ sơ đảng viên từ trên của đảng bộ để quản lý.

c) Ghi các mục trong phiếu báo như nội dung tương ứng trong lý lịch của đảng viên.

## 7. Sổ danh sách đảng viên (Mẫu 7-HSDV)

### 7.1. Mẫu số:

Số TT	HỌ VÀ TÊN Họ và tên khai sinh	Nam, nữ, dân tộc, tôn giáo	Quê quán	Văn hoá, lý luận, CMNV, ngoại ngữ	Nghề nghiệp trước khi vào Đảng, nghề nghiệp hiện nay	Ngày vào Đảng chính thức
1	2	3	4	5	6	7

Số thẻ đảng viên, số lý lịch đảng viên	Bộ đội, công an, hưu trí	Ngày chuyển đi đến đảng bộ cơ sở	Ngày chuyển đến, ở đảng bộ cơ sở nào đến	Ngày từ trần Lý do	Ngày ra khỏi Đảng, hình thức ra Đảng	Ghi chú
8	9	10	11	12	13	14

## **7.2. Sử dụng danh sách đảng viên:**

### **a) Sử dụng bảo quản:**

- Danh sách đảng viên do chi uỷ, đảng uỷ bộ phận, đảng uỷ cơ sở và cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng sử dụng để nắm số lượng đảng viên của đảng bộ.

- Do đồng chí bí thư, phó bí thư, uỷ viên phụ trách tổ chức hoặc cán bộ tổ chức được cấp uỷ giao trách nhiệm quản lý và sử dụng bảo quản, kịp thời bổ sung những biến động của đảng viên, 3 tháng một lần đối khớp số lượng đảng viên với tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp và cấp trên trực tiếp để thống nhất số lượng.

- Mỗi lần kiểm tra đối khớp, số lượng đảng viên của đảng bộ (chi bộ) với cấp trên: dùng mực đỏ, gạch ngang cuối danh sách tại thời điểm đối khớp, ghi rõ số lượng đảng viên có mặt vào thời điểm đó, cấp uỷ cấp trên ký tên đóng dấu xác nhận.

- Những đảng viên chuyển SHĐ chính thức đi, từ trần, ra khỏi Đảng không được gạch bỏ trong danh sách mà chỉ đánh dấu vào các cột 10, 12, 13 để phân biệt số đảng viên còn sinh hoạt đảng và số đảng viên không còn trong đảng bộ nữa.

- Khi không sử dụng, hoặc thay đổi tổ chức (giải thể, giải tán...) phải bàn giao danh sách đảng viên cho cấp uỷ cấp trên trực tiếp quản lý. Khi thay cán bộ quản lý phải có biên bản giao nhận chặt chẽ.

- Người quản lý danh sách đảng viên không thực hiện đúng quy định hoặc để mất, hư hỏng

phải được kiểm điểm nghiêm túc, tùy theo mức độ sai phạm mà xét thi hành kỷ luật của Đảng.

*b) Cách ghi:*

Danh sách đảng viên gồm 14 cột, có 9 dòng kẻ đậm, mỗi dòng kẻ đậm có 4 dòng kẻ nhỏ để ghi cho một đảng viên, được ghi cụ thể như sau:

Cột 1: Ghi số thứ tự từng đảng viên từ nhỏ đến lớn, không ghi cách dòng, cách trang.

Cột 2: Dòng 1 ghi rõ họ tên trong lý lịch đảng theo kiểu chữ in có dấu.

Dòng 2 ghi họ tên khai sinh.

Dòng 3 ghi ngày tháng năm sinh.

Cột 3: Dòng 1 ghi chữ nam hoặc chữ nữ.

Dòng 2 ghi rõ dân tộc: Kinh, Tày, Nùng...

Dòng 3 ghi rõ tôn giáo: Thiên Chúa giáo, Phật giáo...

Cột 4: Quê quán: ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh... nơi sinh trưởng của cha hoặc mẹ hay người nuôi dưỡng từ nhỏ.

Cột 5 : Dòng 1 ghi rõ văn hoá phổ thông lớp mấy của hệ 10 năm hoặc hệ 12 năm.

Dòng 2 ghi rõ trình độ lý luận: sơ cấp, trung cấp, cao cấp, hoặc cử nhân (chỉ ghi trình độ cao nhất).

Dòng 3 ghi chuyên môn nghiệp vụ: viết theo bằng cấp công nhân kỹ thuật, trung cấp, kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ.

Dòng 4 ghi loại ngoại ngữ biết thành thạo nhất: Nga văn, Anh văn...

- Cột 6 : Dòng 1+2 ghi rõ nghề nghiệp trước khi vào Đảng: công nhân, nông dân...  
Dòng 3+4 ghi rõ nghề nghiệp đang làm hiện nay: công nhân, bộ đội, công an...
- Cột 7 : Dòng 1 ghi ngày tháng năm được kết nạp vào Đảng.  
Dòng 2 ghi ngày tháng năm được công nhận chính thức.
- Cột 8 : Dòng 1 ghi số thẻ đảng viên (mỗi số ghi vào một ô).  
Dòng 2 ghi số lý lịch đảng viên (mỗi số ghi vào một ô, ký hiệu được ghi vào 2 ô cuối).
- Cột 9: Ghi là bộ đội hoặc công an.  
Dòng 2 ghi tại ngũ nếu còn tại ngũ hoặc chuyển ngành, phục viên, xuất ngũ.  
Dòng 3 ghi nghỉ hưu hoặc mất sức...
- Cột 10: Dòng 1 ghi ngày tháng năm chi bộ giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng chính thức đi, đến đảng bộ khác.  
Dòng 2 + 3 ghi tên tổ chức cơ sở đảng, huyện, tỉnh nơi đảng viên sẽ chuyển sinh hoạt đảng đến.
- Cột 11: Dòng 1 ghi ngày tháng năm chi bộ tiếp nhận đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức đi từ đảng bộ khác về đảng bộ.  
Dòng 2 + 3 ghi tên tổ chức cơ sở đảng, huyện, tỉnh nơi đảng viên chuyển sinh hoạt đảng.
- Cột 12: Dòng 1 ghi ngày tháng năm từ trần.



Dòng 2 ghi lý do từ trần: ốm đau, tai nạn lao động...

Các dòng còn lại ghi đã lập danh sách, ngày tháng năm để báo cáo cấp trên.

Cột 13: Dòng 1 ghi ngày tháng năm bị đưa ra. Dòng 2 ghi hình thức ra Đảng: cho ra, xoá tên, khai trừ.

Các dòng còn lại ghi đã lập danh sách, ngày tháng năm báo cáo cấp trên.

Cột 14: Dòng 1 + 2 đảng viên ký nhận thẻ đảng viên. Các dòng còn lại ghi những trường hợp: mất tích, trốn ra nước ngoài, dứt sinh hoạt đảng, bị bắt, bị tù...

### 8. Sổ đảng viên ra khỏi Đảng (Mẫu 8-HSDV)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Số thẻ đảng viên	Ngày quyết định ra Đảng	Xin ra	Xoá tên	Khai trừ	Lý do đưa ra
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

### 9. Sổ đảng viên đã từ trần (Mẫu 9-HSDV)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Số thẻ đảng viên	Ngày từ trần	Lý do từ trần
1	2	3	4	5	6	7	8

### 10. Sổ giao nhận hồ sơ đảng viên (Mẫu 10-HSDV)

Số TT	Ngày, tháng, năm Họ và tên người giao hoặc nhận	Giao hoặc nhận	Hồ sơ đảng viên của ai? Các tài liệu trong hồ sơ	Người giao hoặc Người nhận ký

## 11. Sổ cho mượn đọc hồ sơ đảng viên (Mẫu 11-HSDV)

Số TT	Ngày, tháng, năm Họ và tên người mượn	Hồ sơ đảng viên của ai? Các tài liệu trong hồ sơ	Người mượn ký	Đã trả hồ sơ ngày, tháng, năm

**12. Mục lục tài liệu trong hồ sơ đảng viên  
(Mẫu 12-HSĐV)**

ĐẢNG BỘ.....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**MỤC LỤC**

**Tài liệu trong hồ sơ đảng viên  
của đồng chí.....**

Số TT	Tên tài liệu	Số văn bản	Ngày ra văn bản	Có hoặc không	Lý do không có tài liệu
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>KHI ĐƯỢC KẾT NẠP VÀO ĐẢNG:</b>				
1					
2					
<b>II</b>	<b>KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẢNG VIÊN CHÍNH THỨC:</b>				
1					
2					
<b>III</b>	<b>CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN:</b>				
1	Các bản bổ sung hồ sơ đảng viên hằng năm và khi chuyển công tác, thay đổi nơi ở				
-					
-					

Số TT	Tên tài liệu	Số văn bản	Ngày ra văn bản	Có hoặc không	Lý do không có tài liệu
1	2	3	4	5	6
2	Các quyết định của cấp uỷ có thẩm quyền (đảng, chính quyền, đoàn thể) về điều động, đề bạt, nghỉ hưu, nghỉ mất sức, khen thưởng, kỷ luật...				
-					
-					
3	Hệ thống giấy giới thiệu sinh hoạt đảng từ khi vào Đảng đến nay				
-					
-					
4	Các bản tự kiểm điểm của đảng viên hằng năm và khi chuyển sinh hoạt đảng				
-					
-					
5	Các tài liệu khác (nếu có)				

***Ghi chú:***

- Trong mục tài liệu hồ sơ đảng viên ghi đủ các tài liệu quy định điểm 8 (8.1)a HD số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương, tài liệu nào không có thì ghi chữ “không” vào cột 5 và ghi lý do không có vào cột 6 bản mục lục.

- Nếu chưa có xác nhận của cấp uỷ vào bản mục lục này thì chưa tiếp nhận đảng viên chuyển sinh hoạt đảng đến.

**T/M CẤP ỦY**  
**QUẢN LÝ HSDV**  
*(Ký, đóng dấu,*  
*ghi rõ họ và tên)*

**IV. GIỚI THIỆU SINH HOẠT ĐẢNG**

**1. Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức “Loại 10 ô”, có nền hoa văn màu xanh lá mạ (Mẫu số 1-SHĐ)**

*a) Mặt trước giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức:*

1. Số SVD..... Số TĐV.....
2. Đồng chí.....
3. Tên đảng bộ cơ sở chuyển đi .....
4. Tên đảng bộ cơ sở chuyển đến .....

Viết rõ ràng, lưu lại cuống để thanh toán với cấp trên

Ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM CT**

ĐẢNG BỘ..... **GIẤY GIỚI THIỆU** Số TĐV.....

CHI BỘ..... **SINH HOẠT ĐẢNG** Số LL.....

.....

SỐ SĐV.....

*Kính gửi :*.....

Đề nghị giới thiệu cho đồng chí..... Bí danh.....

Sinh ngày..... tháng..... năm..... vào Đảng ngày..... tháng..... năm.....

Chính thức ngày..... tháng..... năm..... đã đóng Đảng phí hết tháng..... được sinh hoạt đảng ở đảng bộ cơ sở .....

.....  
Hồ sơ kèm theo.....

Số..... GTSHĐ  
KÍNH CHUYỂN

Ngày.... tháng... năm....  
T.M CHI ỦY CHI BỘ.....

.....  
Đề nghị nhận và GTSHĐ  
cho đồng chí.....

.....  
Ngày.... tháng.... năm....  
T.M.....

Số..... GTSHĐ  
KÍNH CHUYỂN

.....  
Đề nghị nhận và GTSHĐ  
cho đồng chí.....

.....  
Kèm theo.....  
Ngày.... tháng..... năm....

T.M.....

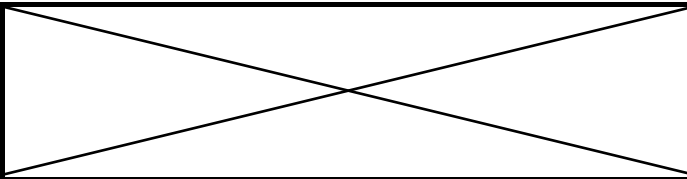
Số..... GTSHĐ  
KÍNH CHUYỂN

.....  
Đề nghị nhận và GTSHĐ  
cho đồng chí.....

.....  
Kèm theo.....  
Ngày.... tháng.... năm...

T.M.....

*b) Mặt sau giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức:*

	
Số.....GTSHĐ KÍNH CHUYỂN	Số.....GTSHĐ KÍNH CHUYỂN

Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí..... ..... Kèm theo..... Ngày.... tháng.... năm..... <b>T.M.</b> .....	Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí..... ..... Ngày..... tháng..... năm..... <b>T.M.</b> .....
Số.....GTSHĐ <b>KÍNH CHUYỂN</b> ..... Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí..... ..... Ngày..... tháng.... năm..... <b>T.M.</b> .....	Số.....GTSHĐ <b>KÍNH CHUYỂN</b> ..... Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí..... ..... Ngày..... tháng.... năm..... <b>T.M.</b> .....
Số.....GTSHĐ <b>KÍNH CHUYỂN</b> ..... <b>CHI ỦY CHI BỘ</b> ..... Giới thiệu cho đồng chí..... ..... được sinh hoạt Đảng. ngày..... tháng.... năm.....	Số.....GTHĐ <b>CHI ỦY CHI BỘ</b> ..... Đã nhận và báo cho đồng chí..... ..... được sinh hoạt Đảng kể từ ngày..... tháng.... năm.....



Ngày..... tháng..... năm..... T.M.....	Ngày..... tháng..... năm..... <b>T.M CHI UỶ</b> ..... Ghi xong chuyển giấy này lên văn phòng Đ.U.C.S
---	---

**2. Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời  
“Loại 8 ô”, có nền hoa văn mẫu vàng chanh  
(Mẫu 2-SHĐ)**

*a) Mặt trước giấy giới thiệu sinh hoạt đảng  
tạm thời:*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

ĐẢNG BỘ CƠ SỞ..... Số TBV...  
CHI BỘ..... **GIẤY GIỚI THIỆU** Số LL.....  
Số SDV..... **SINH HOẠT ĐẢNG**  
**TẠM THỜI**

*Kính gửi:*.....

Đề nghị nhận S.H.Đ cho đồng chí.....

Bí danh.....

Sinh ngày..... tháng..... năm..... vào Đảng ngày.....  
tháng.....năm.....

Chính thức ngày..... tháng..... năm..... đã đóng  
Đảng phí hết tháng.....

được sinh hoạt đảng ở tổ chức cơ sở đảng.....

Hồ sơ kèm theo.....

Số.....GTSHĐ Ngày..... tháng..... năm.....

**KÍNH CHUYỂN** **T.M CHI ỦY CHI BỘ**.....

.....

Đề nghị nhận và GTSHĐ  
cho đồng chí: .....

.....

Ngày..... tháng..... năm.....

**T.M ĐẢNG ỦY**.....

Số.....GTSHĐ <b>KÍNH CHUYỂN</b>	Số SĐV..... <b>CHI ỦY CHI BỘ</b>
Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí.....	Đã nhận và báo cho đồng chí.....
Ngày..... tháng..... năm..... <b>T.M ĐẢNG ỦY</b> .....	Được SHĐ kể từ ngày..... tháng.... năm..... <b>T.M CHI ỦY CHI BỘ</b> .....

*b) Mặt sau giấy giới thiệu sinh hoạt đảng  
tạm thời:*

Số SĐV..... <b>CHI ỦY CHI BỘ</b>	Số.....GTSHĐ <b>KÍNH CHUYỂN</b>
<i>Kính gửi:</i> .....	Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí.....
Đề nghị giới thiệu đồng chí.....	Hồ sơ kèm theo.....
Đã đóng đảng phí hết tháng..... năm.....	.....

<p>Được trở về sinh hoạt đảng ở.....</p> <p>Ngày..... tháng..... năm.....</p> <p>T.M CHI ỦY CHI BỘ.....</p>	<p>Ngày..... tháng..... năm.....</p> <p>T.M ĐẢNG ỦY.....</p>
<p>Số.....GTSHĐ</p> <p><b>KÍNH CHUYỂN</b></p> <p>Chi uỷ chi bộ.....</p> <p>Tiếp nhận đồng chí.....</p> <p>.....</p> <p>về sinh hoạt đảng.</p> <p>Ngày..... tháng..... năm.....</p> <p>T.M ĐẢNG ỦY.....</p>	<p>Số SĐV.....</p> <p><b>CHI ỦY CHI BỘ</b></p> <p>.....</p> <p>Đề nghị nhận và báo cho đồng chí.....</p> <p>Được SHĐ kể từ ngày..... tháng..... năm.....</p> <p>Ngày..... tháng..... năm.....</p> <p>T.M CHI ỦY CHI BỘ.....</p>
<p style="text-align: center;"><u>Lưu tại văn phòng cấp uỷ cơ sở</u></p> <p>Cấp uỷ cơ sở nơi đảng viên SHĐ tạm thời ghi thời gian gia hạn</p>	

**3. Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng ra nước ngoài "Loại 2 ô", có nền hoa văn màu hồng đào (Mẫu 3-SHD)**

<b>ĐẢNG ỦY</b>	<b><u>ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM</u></b>	
<b>NGOÀI NƯỚC</b>		
*	<b>GIẤY GIỚI THIỆU</b>	NN
SỐ.....GTSHĐ	<b>SINH HOẠT ĐẢNG</b>	SỐ LL:.....
	<b>RA NGOÀI NƯỚC</b>	SỐ TĐV:...

**ĐẢNG ỦY NGOÀI NƯỚC**

Đã tiếp nhận giấy giới thiệu số...../GTSHĐ  
ngày..... tháng.... năm.....

(kèm theo hồ sơ đảng viên) của .....

Giới thiệu đồng chí.....  
sinh ngày..... tháng..... năm.....

Vào Đảng ngày..... tháng..... năm..... Chính  
thức ngày..... tháng..... năm....

Được sinh hoạt đảng (chính thức, hoặc tạm  
thời, hay đơn lẻ):

tại:.....,  
từ ngày.....tháng..... năm.....

*Ngày..... tháng..... năm.....*

**T/M ĐẢNG ỦY NGOÀI NƯỚC**

Số.....GTSHĐ

*Kính gửi:*.....

Đề nghị tiếp nhận và GTSHĐ cho đồng chí .....

Đã đóng đảng phí hết tháng..... năm.....  
về sinh hoạt đảng tại tổ chức cơ sở đảng: .....  
kèm theo hồ sơ đảng viên đã niêm phong theo  
quy định.

*Ngày..... tháng..... năm.....*

**T/M ĐẢNG ỦY NGOÀI NƯỚC**

Đảng ủy ngoài nước quản lý

**4. Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng nội bộ  
"Loại 5 ô", có nền hoa văn màu nôn chuỗi  
(Mẫu 4-SHĐ)**

ĐẢNG BỘ CHI BỘ CƠ SỞ **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

.....

SỐ SĐV..... **GIẤY GIỚI THIỆU** SỐ TĐV...  
**SINH HOẠT ĐẢNG NỘI BỘ** SỐ LL....

*Kính gửi:*.....

Đề nghị nhận S.H.Đ cho đồng chí.....  
Bí danh.....

Sinh ngày.....tháng..... năm....., vào Đảng  
ngày..... tháng..... năm.....

Chính thức ngày..... tháng..... năm....., đã  
đóng Đảng phí hết tháng..... được sinh hoạt  
đảng ở Chi bộ.

*Ngày..... tháng..... năm....*  
**T.M CHI ỦY CHI BỘ**.....

Số.....GTSHĐ <b>KÍNH CHUYỂN</b>	Số.....GTHĐ <b>KÍNH CHUYỂN</b>
.....	.....
Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí.....	Đề nghị nhận và GTSHĐ cho đồng chí.....
.....	.....
Ngày..... tháng.... năm..... <b>T.M ĐẢNG ỦY BỘ PHẬN</b> .....	Ngày..... tháng.... năm..... <b>T.M ĐẢNG ỦY CƠ SỞ</b> .....

Số.....GTSHĐ	Số SDV.....
<b>KÍNH CHUYỂN</b>	<b>CHI ỦY CHI BỘ</b>
<b>CHI ỦY CHI BỘ</b> .....	.....
Để giới thiệu cho đồng chí.....	Đã nhận và báo cho đồng chí.....
được sinh hoạt đảng.....	được sinh hoạt đảng kể từ ngày..... tháng..... năm.....
Ngày..... tháng..... năm.....	
<b>T.M ĐẢNG ỦY BỘ PHẬN</b> .....	<b>T.M CHI ỦY CHI BỘ</b> .....
	_____
	Ghi xong chuyển giấy này lên văn phòng Đ.U.C.S



**5. Giấy giới thiệu đảng viên về giữ mối liên hệ ở nơi cư trú “loại 1 ô” do ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương in ấn phát hành (Mẫu 5-SHD)**

TỈNH ỦY (*tương đương*): ..... **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
HUYỆN ỦY (*tương đương*): .....  
ĐẢNG BỘ (CHI BỘ) CƠ SỞ:.....  
....., ngày.... tháng.... năm....

*"Về việc đảng viên thường xuyên giữ mối liên hệ với chi uỷ, đảng uỷ cơ sở nơi cư trú"*

**GIẤY GIỚI THIỆU**

*Kính gửi:* .....

Để đảng viên thường xuyên giữ mối liên hệ với đảng uỷ, chi uỷ cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú theo Quy định số 76 QĐ/TW ngày 15 tháng 6 năm 2000 của Bộ Chính trị.

**ĐẢNG ỦY (CHI ỦY) CƠ SỞ** .....  
Giới thiệu đồng chí.....  
Nam, nữ.....  
Sinh ngày..... tháng..... năm.....  
Kết nạp vào Đảng ngày....., công nhận chính thức ngày.....  
Đang sinh hoạt đảng tại Chi bộ .....

Hiện cư trú tại: .....

.....

Đề nghị các đồng chí tiếp nhận và tạo điều kiện  
cho đảng viên..... hoàn thành nhiệm vụ.

**T/M ĐẢNG ỦY (CHI ỦY) CƠ SỞ**  
*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*

...

**10. Biên bản giao nhận sổ danh sách đảng viên và hồ sơ đảng viên của tổ chức đảng chia tách hoặc sáp nhập (Mẫu 9-SHD)**

ĐẢNG BỘ BÊN GIAO      ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM  
....., ngày..... tháng..... năm.....  
BAN TỔ CHỨC BÊN GIAO  
.....  
BAN TỔ CHỨC BÊN NHẬN  
.....

**BIÊN BẢN**  
**Bản giao sổ Danh sách đảng viên**  
**và hồ sơ đảng viên**

Thực hiện Công văn số..... CV/.....  
ngày..... tháng..... năm..... của.....  
về việc chuyển giao tổ chức và đảng viên.

- Đại diện Ban Tổ chức..... bên  
giao là đồng chí.....  
Chức vụ.....

- Đại diện Ban Tổ chức..... bên  
nhận là đồng chí.....  
Chức vụ .....

Hai ban tổ chức đã tiến hành kiểm tra, giao nhận sổ Danh sách đảng viên và hồ sơ đảng viên của Đảng bộ (Chi bộ)..... cụ thể như sau:

**1. Về sổ Danh sách đảng viên**.....  
quyển của..... tổ chức cơ sở đảng (có danh sách các tổ chức cơ sở đảng kèm theo).

**2. Về hồ sơ đảng viên:**

- Tổng số hồ sơ của đảng viên đang sinh hoạt là..... hồ sơ, còn thiếu..... hồ sơ (có danh sách đảng viên và lý do thiếu kèm theo).

- Tổng số hồ sơ kết nạp của đảng viên dự bị là..... hồ sơ, còn thiếu..... hồ sơ (có danh sách đảng viên và lý do thiếu kèm theo).

- Tổng số hồ sơ của đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng là..... hồ sơ (kèm theo sổ đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng).

- Tổng số hồ sơ của đảng viên đã từ trần là..... hồ sơ (kèm theo sổ đảng viên đã từ trần).

**3. Những nội dung có liên quan đến việc bàn giao:**

.....  
.....  
.....

Biên bản này được lập thành 3 bản, bên giao lưu 1 và bên nhận lưu 2 bản.

**ĐẠI DIỆN BTC  
BÊN NHẬN**  
*(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)*

**ĐẠI DIỆN BTC  
BÊN GIAO**  
*(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)*



TIẾP NHẬN ĐẢNG VIÊN ĐẾN				CHUYỂN SINH HOẠT ĐẢNG CHÍNH THỨC							Chuyển
TCCS đảng nơi giới thiệu đảng viên chuyển SHĐ đi	Cấp ủy trực tiếp giới thiệu đảng viên đến	Cấp ủy trực tiếp nhận và giới thiệu ĐV	TCCS đảng nơi đảng viên đến SHĐ	Ngoài tỉnh đến	Trong tỉnh đến	Trong huyện đến	Đi ngoài tỉnh	Đi trong tỉnh	Đi trong huyện	Đi ra ngoài nước	sinh hoạt đảng tạm thời
9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

**b) Cách ghi:** số giới thiệu sinh hoạt đảng (SHĐ) do đảng ủy bộ phận (nếu có), cấp ủy cơ sở, các cấp ủy cấp trên (huyện, tỉnh...) sử dụng quản lý đảng viên chuyển SHĐ. Mẫu sổ giới thiệu SHĐ có 20 cột, mỗi ô ngăn cách giữa hai dòng kẻ đậm viết cho một đảng viên, cụ thể như sau:

- Cột 1: ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo trình tự thời gian giới thiệu hoặc tiếp nhận đảng viên chuyển SHĐ của đảng bộ.
- Cột 2: ghi ngày làm thủ tục giới thiệu đảng

viên đi hoặc tiếp nhận đảng viên chuyển đến SHĐ chính thức hoặc chuyển tạm thời.

- Cột 3 đến 12: ghi như trong giấy giới thiệu SHĐ của đảng viên.

- Cột 13 đến 15: ghi dấu cộng (+) khi tiếp nhận đảng viên đến.

- Cột 16 đến 19: ghi dấu trừ (-) khi giới thiệu đảng viên đi.

- Cột 19: ghi dấu nhân (x) khi đảng viên chuyển SHĐ ra nước ngoài.

- Cột 20: dòng 1 ghi dấu trừ (-) khi đảng viên chuyển SHĐ tạm thời đi, dòng 2 ghi dấu cộng (+) khi đảng viên chuyển SHĐ tạm thời trở về SHĐ chính thức ở đảng bộ.

## 12. Phiếu báo đảng viên chuyển sinh hoạt đảng (Mẫu 11-SHD)

### a) *Mẫu phiếu:*

Tỉnh (tương đương).....  
Huyện (tương đương).....

Tổ chức cơ sở đảng.....

Tên đảng viên.....  
Ngày chuyển SHĐ....

Tổ chức cơ sở đảng  
đến.....

Ngày...tháng...năm.....  
Người viết phiếu  
(*Ký tên*)

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
Tỉnh (tương đương).....  
Huyện (tương đương).....  
Tổ chức cơ sở đảng.....

Số LL.....  
Số TĐV.....

*Kính gửi :*  
Họ và tên đang dùng..... Nam, nữ.....  
Sinh ngày.....tháng.....năm.....  
Kết nạp vào Đảng ngày.....tháng.....năm.....  
Chính thức ngày..... tháng..... năm..... Giấy GTSHĐ số..... ngày.....  
tháng..... năm..... chuyển SHĐ về Đảng bộ cơ sở.....

**PHIẾU BÁO ĐẢNG VIÊN**  
**CHUYỂN SINH HOẠT ĐẢNG**  
**CHÍNH THỨC**

....., ngày..... tháng..... năm.....  
(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên*)



**b) Cách ghi:**

- Sau khi làm thủ tục giới thiệu đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức đến đảng bộ mới, cán bộ làm công tác giới thiệu sinh hoạt đảng ở cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng; ghi 2 bản phiếu báo (dùng giấy than viết 2 liên); đồng chí ký giấy giới thiệu sinh hoạt đảng ký phiếu báo và đóng dấu của cấp uỷ; gửi 1 phiếu báo lên ban tổ chức tỉnh, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương để báo cáo, phiếu báo còn lại gửi theo đường công văn đến cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên sẽ chuyển đến.

- Nội dung ghi phiếu báo chuyển sinh hoạt đảng như sau:

Mục “kính gửi”: ghi tên Ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên chuyển sinh hoạt đến.

Các mục từ “Họ và tên” đến mục “chuyển sinh hoạt đảng về đảng bộ cơ sở” ghi như các mục tương ứng trong ô số 1 giấy giới thiệu sinh hoạt đảng của đảng viên.

Mục “ngày, tháng, năm”: ghi ngày tháng năm viết phiếu báo.

**c) Quản lý, sử dụng phiếu báo chuyển sinh hoạt đảng:**

- Cán bộ làm công tác giới thiệu sinh hoạt đảng ở cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi ghi phiếu báo đảng viên chuyển sinh hoạt đảng, quản lý chặt chẽ cuống phiếu báo; cập nhật vào cơ sở dữ liệu đảng viên của đảng bộ.

- Cán bộ làm công tác giới thiệu sinh hoạt đảng ở cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi nhận phiếu báo chuyển sinh hoạt đảng đến, vào sổ theo dõi, sắp xếp, quản lý chặt chẽ phiếu báo; theo dõi đảng viên chuyển đến trong cơ sở dữ liệu đảng viên của đảng bộ; tổng hợp tình hình đảng viên chuyển sinh hoạt đảng ở các nơi chuyển đến, báo cáo với cấp uỷ theo định kỳ hằng tháng.

...

### **3. Giấy xác nhận tuổi Đảng (Mẫu 4-XNTĐ)**

#### **a) Mẫu xác nhận:**

<p>ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ .....</p> <p><b>GIẤY XÁC NHẬN TUỔI ĐẢNG</b></p> <p><b>BAN THƯỜNG VỤ.....</b></p> <p>Xác nhận đồng chí..... sinh năm..... Vào Đảng ngày..... chính thức ngày..... Đã có..... năm hoạt động phấn đấu vì mục tiêu lý tưởng của Đảng. Nay được tổ chức Đảng chấp thuận cho ra khỏi Đảng.</p> <p style="text-align: right;"><i>Ngày... tháng... năm...</i> T/M Ban Thường vụ.....</p> <p>Số.....XNTĐ</p>
---

#### **b) Cách ghi:**

- Bên dưới mục ban chấp hành đảng bộ ghi tên đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng.
- Mục số.....XNTĐ ghi theo số trong quyết định của cấp uỷ huyện và tương đương chấp thuận cho đảng viên xin ra khỏi Đảng.

## VI. TẶNG HUY HIỆU ĐẢNG

### 1. Mẫu Huy hiệu Đảng 80, 70, 60, 50, 40, 30 năm

#### TẶNG HUY HIỆU ĐẢNG

Mẫu Huy hiệu Đảng 80, 70, 60, 50, 40, 30 năm:



## 2. Mẫu giấy chứng nhận tặng Huy hiệu Đảng (Mẫu 1-HHD)

### a) Giấy chứng nhận 80 năm tuổi Đảng:



**b) Quy cách:** Giấy chứng nhận tặng Huy hiệu Đảng 80, 70, 60, 50, 40, 30 năm tuổi Đảng có kích thước, mẫu và nền hoa văn như nhau, cùng làm một loại giấy Cút-xê trắng, 230g/1m<sup>2</sup>; kích thước cụ thể:

- Khung nền hoa văn: (31,5 x 22,5) cm
- Kích thước tổng thể: (38,0 x 31,0) cm

### c) Cách ghi:

- Các mục: Đồng chí, quê quán, ngày vào Đảng, ngày chính thức ghi như lý lịch đảng viên.
- Sinh hoạt tại: Ghi tên đảng bộ, chi bộ cơ sở và các cấp uỷ cấp trên của cơ sở.

- Hà Nội, ngày, tháng, năm: Ghi ngày, tháng, năm của đợt đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng (trường hợp đợt xuất, thì ghi theo ngày, tháng, năm ban hành Quyết định tặng Huy hiệu Đảng).

### **3. Quyết định tặng Huy hiệu Đảng (Mẫu 2-HHĐ)**

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM  
....., ngày..... tháng..... năm.....  
Số.....-QĐ/TU

#### **QUYẾT ĐỊNH Tặng Huy hiệu Đảng**

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31 tháng 10 năm 2006 của Bộ Chính trị về “Thi hành Điều lệ Đảng”;
- Xét danh sách đề nghị tặng Huy hiệu Đảng, cấp lại Huy hiệu Đảng và truy tặng Huy hiệu Đảng của Ban Thường vụ Huyện ủy ..... và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ .....

#### **BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Tặng Huy hiệu Đảng, cấp lại Huy hiệu Đảng và truy tặng Huy hiệu Đảng đợt..... cho đảng viên trong đó:

1. Tặng Huy hiệu Đảng cho..... đảng viên.
  - Tặng Huy hiệu Đảng 80 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).
  - Tặng Huy hiệu Đảng 70 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 60 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 50 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 40 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Tặng Huy hiệu Đảng 30 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

2. Cấp lại Huy hiệu Đảng bị mất cho..... đảng viên.

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 80 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 70 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 60 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 50 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 40 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Cấp lại Huy hiệu Đảng 30 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

3. Truy tặng Huy hiệu Đảng cho ..... đảng viên.

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 70 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 60 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 50 năm cho..... đảng viên (có danh sách kèm theo).



- Truy tặng Huy hiệu Đảng 40 năm cho.....  
đảng viên (có danh sách kèm theo).

- Truy tặng Huy hiệu Đảng 30 năm cho.....  
đảng viên (có danh sách kèm theo).

**Điều 2:** Tặng phẩm kèm theo Huy hiệu Đảng 80 năm là..... đồng, 70 năm là..... đồng, 60 năm là..... đồng, 50 năm là..... đồng, 40 năm là..... đồng, 30 năm là..... đồng.

Được trích từ quỹ thi đua khen thưởng của đảng bộ.

**Điều 3:** Ban Tổ chức, Văn phòng Tỉnh uỷ; các cấp ủy có đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và đảng viên có tên trong danh sách được tặng Huy hiệu Đảng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**

**BÍ THƯ**

*(Ký, đóng dấu,*

*ghi rõ họ và tên)*

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Lưu VP, BTC.

**4. Quyết định tặng Huy hiệu Đảng đối với cá nhân đảng viên, nền hoa văn (Mẫu 3-HHĐ)**

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM  
....., ngày..... tháng..... năm.....  
Số.....-QĐ/TU

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Tặng Huy hiệu Đảng**

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31 tháng 10 năm 2006 của Bộ Chính trị về “Thi hành Điều lệ Đảng”;
- Căn cứ đề nghị của Huyện ủy ..... và Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

**BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Tặng Huy hiệu..... năm tuổi Đảng đợt ...../...../20..... cho đảng viên.....  
Sinh ngày..... tháng..... năm.....  
Vào Đảng ngày..... tháng..... năm.....  
Chính thức ngày..... tháng..... năm.....  
Quê quán:.....  
Sinh hoạt tại Chi bộ.....

**Điều 2:** Mức tặng phẩm kèm theo Huy hiệu Đảng là..... đồng, trích

từ Quỹ Thi đua khen thưởng của Đảng bộ.

**Điều 3:** Ban Tổ chức, Văn phòng Tỉnh uỷ, các cấp uỷ có đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và đảng viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**

Nơi nhận:

- Đảng viên,
- Lưu Hồ sơ đảng viên.

*(Ký, đóng dấu,  
ghi rõ họ và tên)*

**5. Quyết định cấp lại Huy hiệu Đảng bị mất  
đối với cá nhân đảng viên, nền hoa văn (Mẫu  
3A-HHĐ)**

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
....., ngày..... tháng..... năm.....  
Số.....-QĐ/TU

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Cấp lại Huy hiệu Đảng bị mất**

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31 tháng 10 năm 2006 của Bộ Chính trị về “Thi hành Điều lệ Đảng”;
- Căn cứ đề nghị của Huyện ủy .....  
và Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

**BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Cấp lại Huy hiệu..... năm tuổi Đảng  
đợt ...../...../20..... cho đảng  
viên.....  
Sinh ngày..... tháng..... năm.....  
Vào Đảng ngày..... tháng..... năm.....  
Chính thức ngày..... tháng..... năm.....  
Quê quán:.....  
Sinh hoạt tại Chi bộ.....

**Điều 2:** Ban Tổ chức, Văn phòng Tỉnh ủy, các

cấp uỷ có đảng viên được tặng Huy  
hiệu Đảng và đảng viên có tên trên  
chịu trách nhiệm thi hành Quyết  
định này.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**

Nơi nhận:

- Đảng viên,
- Lưu Hồ sơ đảng viên.

*(Ký, đóng dấu,  
ghi rõ họ và tên)*

**6. Quyết định Truy tặng Huy hiệu Đảng  
đối với cá nhân đảng viên, nền hoa văn  
(Mẫu 3B- HHD)**

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
....., ngày..... tháng..... năm.....  
Số.....-QĐ/TU

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Truy tặng Huy hiệu Đảng**

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31 tháng 10 năm 2006 của Bộ Chính trị về “Thi hành Điều lệ Đảng”;
- Căn cứ đề nghị của Huyện ủy .....  
và Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

**BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH**

- Điều 1:** Tặng Huy hiệu..... năm tuổi Đảng  
đợt ...../...../20..... cho đảng  
viên.....  
Sinh ngày..... tháng..... năm.....  
Vào Đảng ngày..... tháng..... năm.....  
Chính thức ngày..... tháng..... năm.....  
Quê quán:.....  
Sinh hoạt tại Chi bộ.....
- Điều 2:** Mức tặng phẩm kèm theo Huy hiệu  
Đảng là..... đồng,

trích từ Quỹ Thi đua khen thưởng của Đảng bộ.

**Điều 3:** Ban Tổ chức, Văn phòng Tỉnh uỷ, các cấp uỷ có đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và gia đình đảng viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Gia đình đảng viên,
- Lưu Hồ sơ đảng viên.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**

*(Ký, đóng dấu,  
ghi rõ họ và tên)*

**7. Danh sách đảng viên đề nghị tặng Huy hiệu.....năm tuổi đảng (Mẫu 4-HHĐ)**

**a) Mẫu danh sách:**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày ..... tháng..... năm.....

ĐẢNG BỘ:.....

Tặng đợt....

.....

.....

**DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN**

**Đề nghị tặng Huy hiệu ..... năm tuổi đảng**

Số TT	Số Huy hiệu Đảng	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Số thẻ đảng viên	Nơi đề nghị tặng HHD	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*



**b) Cách ghi:** danh sách in 1 mặt có 10 ô, do cấp uỷ huyện và tương đương sử dụng để đề nghị tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên. Mỗi đảng viên ghi vào 1 ô ngăn cách giữa 2 dòng kẻ đậm, cụ thể như sau:

- Cột 1: ghi số thứ tự từ 1 đến lớn theo số lượng đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng của đảng bộ.

- Cột 2: do ban tổ chức tỉnh uỷ và tương đương ghi số Huy hiệu Đảng theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn trong đoạn số theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương.

- Cột 3, 4, 5, 6, 7: ghi như lý lịch đảng viên. Họ tên viết chữ in.

- Cột 8: ghi số thẻ đảng viên của đảng viên.

- Cột 9: ghi tên tổ chức cơ sở đảng đề nghị tặng Huy hiệu Đảng.

- Cột 10: ghi những trường hợp đặc biệt như thời gian bị cắt tuổi đảng, kết nạp lại, xét tặng sớm so với quy định, v.v..

**8. Danh sách đảng viên đề nghị cấp lại  
Huy hiệu..... năm tuổi đảng bị mất  
(Mẫu 4A-HHĐ)**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày ..... tháng..... năm.....

ĐẢNG BỘ:.....

Tặng đợt....

.....

.....

**DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN**

**Đề nghị cấp lại Huy hiệu ..... năm  
tuổi đảng bị mất**

Số TT	Số Huy hiệu Đảng	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Số thẻ đảng viên	Nơi đề nghị tặng HHĐ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*

**9. Danh sách đảng viên đề nghị truy tặng  
Huy hiệu..... năm tuổi đảng (Mẫu 4B-HHĐ)**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày ..... tháng..... năm.....

ĐẢNG BỘ:.....

Tặng đợt....

.....

.....

**DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN**

**Đề nghị truy tặng Huy hiệu ..... năm  
tuổi đảng**

Số TT	Số Huy hiệu Đảng	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Số thẻ đảng viên	Nơi để nghị tặng HHĐ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**

**Cách ghi:**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*

*Như nội dung*

*hướng dẫn tại mẫu*

*(4-HHĐ) nêu trên.*

## 10. Sổ tặng Huy hiệu Đảng (Mẫu 5-HHĐ)

### 10.1. Mẫu số

a) Phân: đảng viên được tặng tại đảng bộ:

Số TT	Loại HHĐ Số HHĐ	Họ và tên Năm sinh	Ngày vào Đảng ngày chính thức	Tổ chức cơ sở đăng ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

*b) Phần: đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng ở đảng bộ khác chuyển đến:*

<b>Số TT</b>	<b>Loại HHD Số HHD</b>	<b>Họ và tên Ngày tháng năm sinh</b>	<b>Ngày vào Đảng, ngày chính thức</b>	<b>Được tặng HHD ở đảng bộ</b>	<b>Ghi chú</b>
1	2	3	4	5	6

### **10.2. Sử dụng**

- Sổ tặng Huy hiệu Đảng do các cấp uỷ từ cấp uỷ cơ sở trở lên sử dụng để nắm số đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng của đảng bộ. Do cơ quan tổ chức của cấp uỷ quản lý, sử dụng, không để hư hỏng, mất mát, khi thay đổi cán bộ quản lý phải có biên bản bàn giao chặt chẽ.

- Sổ tặng Huy hiệu Đảng có hai phần: phần thứ nhất viết những đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng tại đảng bộ; phần thứ hai viết những đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng ở đảng bộ khác chuyển đến.

### **10.3. Cách ghi**

#### **a) Nội dung ghi phần thứ nhất:**

Phần này có 6 cột, mỗi đảng viên ghi vào mỗi ô có hai dòng chấm nhỏ, ghi cụ thể như sau:

- Cột 1: ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo số lượng đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng của đảng bộ.

- Cột 2: dòng trên ghi loại Huy hiệu Đảng (30, 40, 50, 60, 70, 80) mà đảng viên được tặng. Dòng dưới ghi số Huy hiệu Đảng của đảng viên.

- Cột 3: dòng trên ghi họ, tên đảng viên theo kiểu chữ in hoa, ví dụ: VŨ VĂN BIÊN. Dòng dưới ghi ngày, tháng, năm sinh của đảng viên.

- Cột 4: dòng trên ghi ngày tháng năm vào Đảng của đảng viên. Dòng dưới ghi ngày tháng năm đảng viên được công nhận đảng viên chính thức.

- Cột 5: dòng trên ghi tên tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng. Dòng dưới do tổ chức đảng hoặc đảng viên nhận Huy hiệu Đảng ký nhận.

- Cột 6: ghi các trường hợp: đảng viên ra khỏi Đảng, từ trần, mất Huy hiệu Đảng, chuyển sinh hoạt đảng đi đảng bộ huyện, thị... khác.

**b) Nội dung ghi phần thứ hai:** phần này có 6 cột, ghi cụ thể như sau:

- Cột 1: ghi số thứ tự theo thời gian đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng từ đảng bộ... khác chuyển về.

- Cột 2, 3, 4 và 6: ghi tương tự như ở phần thứ nhất.

- Cột 5: ghi tên đảng bộ tỉnh và tương đương nơi ra quyết định tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên.

**Chú ý:** Cần ghi liên tục không để cách trang, cách dòng trong một trang.

**11. Tờ khai đề nghị tặng Huy hiệu Đảng  
(Mẫu 6-HHĐ)**

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

**TỜ KHAI**

**Đề nghị xét tặng Huy hiệu Đảng**

*Kính gửi:* Chi bộ.....

Tôi là:....., sinh ngày.....

Kết nạp vào Đảng....., công nhận  
chính thức ngày.....

Quê quán.....

Đang sinh hoạt tại.....

Trong quá trình phấn đấu rèn luyện.....  
năm trong tổ chức đảng tôi tự nhận thấy có đủ  
tiêu chuẩn, điều kiện được tặng Huy hiệu.....  
năm tuổi đảng theo nội dung tại điểm 42 (42.1)  
Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31-10-2006 của Bộ  
Chính trị “Thi hành Điều lệ Đảng”.

Đề nghị Chi bộ và các cấp uỷ cấp trên tặng  
Huy hiệu..... năm tuổi đảng cho tôi và xin  
hứa tiếp tục rèn luyện giữ vững phẩm chất người  
đảng viên Cộng sản.

Ghi chú:

(Trong quá trình hoạt động  
ở trong Đảng, nếu được kết  
nạp lại, hoặc có thời gian  
gián đoạn không tham gia  
sinh hoạt đảng thì đảng  
viên kê khai cụ thể ở mục  
ghi chú này).

....., ngày... tháng... năm...

**NGƯỜI KHAI**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



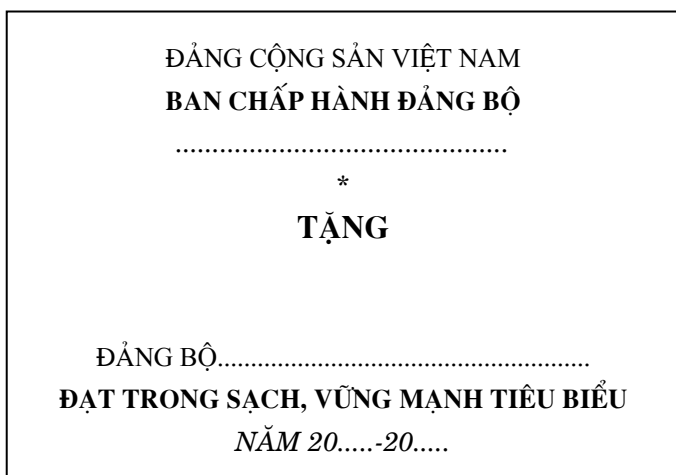
<b>XÉT, ĐỀ NGHỊ CỦA CẤP ỦY CƠ SỞ</b>	<b>XÉT, ĐỀ NGHỊ CỦA CHI BỘ</b>
<p><i>Kính gửi:</i>.....</p> <p>Đề nghị tặng Huy hiệu..... năm tuổi đảng cho đảng viên.....</p> <p>(có danh sách đề nghị tặng Huy hiệu Đảng kèm theo)</p> <p>....., ngày ... tháng... năm...</p> <p><b>T/M</b>.....</p> <p>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)</p>	<p><i>Kính gửi:</i>.....</p> <p>Đề nghị tặng Huy hiệu..... năm tuổi đảng cho đảng viên.....</p> <p>....., ngày... tháng... năm...</p> <p><b>T/M CHI BỘ</b></p> <p>(Ký, ghi rõ họ và tên)</p>

## VII. KHEN THƯỞNG TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ NGHIỆP VỤ

### 1. Mẫu cờ (Mẫu 1-KT)

...

*b) Cờ tặng tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh tiêu biểu 5 năm liên*



### *c) Chất liệu và kích cỡ của Cờ*

- Nền cờ: làm bằng vải xa tanh màu đỏ, có dải tua 2 bên bằng lụa vàng.
- Các chữ và hình búa liềm thêu bằng chỉ vàng.
- Có kích thước như sau:
  - + Ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương tặng cho huyện uỷ và tương đương là: (90x130cm).

+ Ban thường vụ tỉnh và tương đương tặng cho tổ chức cơ sở đảng là: 60 x 90cm.

## 2. Bằng khen (Mẫu 2-KT)

<p style="text-align: center;"><b>ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</b> <b>BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ</b> .....</p> <p style="text-align: center;"><b>TẶNG</b> <b>BẰNG KHEN</b></p> <p style="text-align: right;"><i>Ngày..... tháng..... năm.....</i> <b>TM.BAN THƯỜNG VỤ</b></p> <p>QĐ số..... Ghi sổ khen thưởng.....</p>
--

### **a) Quy cách**

- Kích thước: tổng thể (44 x 34) cm, khung nền hoa văn (33,8 x 23,8) cm.

- Giấy Cút-xê trắng, 230g/1m<sup>2</sup>.

**b) Sử dụng:** được sử dụng để tặng cho tổ chức đảng và cá nhân có thành tích.

### **c) Cách ghi:**

- Bố trí và kiểu chữ ghi nội dung như cách bố trí và kiểu chữ trong Huân, Huy chương của Nhà nước.

- In nội dung trên máy vi tính hoặc ghi bằng tay.

### 3. Giấy khen (Mẫu 3-KT)

<p style="text-align: center;"><b>ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</b> <b>BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ</b> .....</p> <p style="text-align: center;"><b>TẶNG</b> <b>GIẤY KHEN</b></p> <p style="text-align: right;"><i>Ngày..... tháng..... năm.....</i></p> <p style="text-align: right;"><b>TM.BAN THƯỜNG VỤ</b></p> <p>QĐ số..... Ghi sổ khen thưởng.....</p>
--

#### **a) Quy cách:**

- Giấy khen do cấp uỷ huyện và tương đương tặng: có kích thước tổng thể (38 x 30) cm, khung nền hoa văn (30 x 21) cm.

- Giấy khen do cấp uỷ cơ sở tặng: có kích thước tổng thể (35 x 28) cm, khung nền hoa văn (27 x 20) cm.

- Giấy Cút-xê trắng, 230g/1m<sup>2</sup>.

#### **b) Cách ghi:**

- Bố trí và kiểu chữ ghi nội dung như cách bố trí và kiểu chữ trong Huân, Huy chương của Nhà nước.

- In nội dung trên máy vi tính hoặc ghi bằng tay.

#### 4. Sổ theo dõi khen thưởng (Mẫu 4-KT)

##### a) Mẫu số:

Số TT	Đơn vị hoặc cá nhân	Trực thuộc đảng bộ	Đã có thành tích	Số Quyết định, ngày, tháng, năm
1	2	3	4	5

Cấp ra quyết định			Hình thức KT			Đối tượng khen		
Trung ương	tỉnh thành	huyện quận	Cờ	BK	GK	TCCS đảng	Chi bộ	Đảng viên
6	7	8	9	10	11	12	13	14

##### b) Sử dụng:

Sổ khen thưởng do cấp uỷ cơ sở trở lên sử dụng để ghi nhận truyền thống phấn đấu của đảng bộ và đảng viên. Do đồng chí cấp uỷ phụ trách tổ chức quản lý, khi thay đổi cán bộ quản

lý số khen thưởng phải có biên bản giao nhận chặt chẽ.

**c) Cách ghi:**

- Cột 1: ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo số lượng tổ chức đảng và đảng viên được khen thưởng của đảng bộ.

- Cột 2: ghi tên tổ chức đảng và đảng viên được khen thưởng.

- Cột 3: ghi tên đảng bộ nơi có tổ chức đảng và đảng viên khen thưởng.

- Các cột 4 đến 11 ghi theo các nội dung trong quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền.

- Các cột từ 12 đến 14 được tổng hợp theo số lượng.

...

**6. Quyết định công nhận chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở trong sạch vững mạnh, nền hoa văn (Mẫu 6-KT)**

ĐẢNG BỘ..... **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**  
ĐẢNG ỦY....., ngày..... tháng..... năm.....  
Số.....-QĐ/TU

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận chi bộ đảng đạt trong sạch,  
vững mạnh**

- Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 23-QĐ/TW ngày 31 tháng 10 năm 2006 của Bộ Chính trị về “Thi hành Điều lệ Đảng”;
- Xét đề nghị của Chi bộ.....

**BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công nhận Chi bộ..... đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh năm.....

**Điều 2:** Chi bộ ..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:  
- Như điều 2,  
- Lưu VPĐU.

**T/M ĐẢNG ỦY**  
(Ký, đóng dấu,  
ghi rõ họ và tên)

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên	7
- Sinh hoạt chi bộ: vấn đề thực tế và yêu cầu	22
- Để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ cơ quan khối đoàn thể	35
- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ khu dân cư	.42
- Để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ ở nông thôn	47
- Ra nghị quyết và thực hiện nghị quyết chi bộ	53
- Hướng dẫn số 08-HD/BTCTW ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Ban Tổ chức Trung ương một số vấn đề cụ thể về nghiệp vụ công tác đảng viên và lập biểu thống kê cơ bản trong hệ thống tổ chức đảng ( <i>Trích</i> )	57



Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. LÊ MINH NGHĨA

Biên tập nội dung: TS. ĐỖ QUANG DŨNG

ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ

NGUYỄN MINH HUỆ

Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: BAN KINH TẾ

